

TÁC PHẨM CỦA VŨ HẠNH

ĐÃ IN

VƯỢT THÁC

(*Giao-diểm 1963*)

MÙA XUÂN TRÊN ĐỈNH NON CAO

(*Cảo-thơ 1964*)

CHẤT NGỌC

(*Cảo-thơ 1964*)

ĐANG IN

LỬA RỪNG HAY TRUYỆN NÀNG Y-KHA

SẼ IN

BÓNG ĐÈN TÀ NGUYỆT

NHỮNG NGƯỜI KHÔNG ĐI TRỞ LẠI

ĐỌC LẠI TRUYỆN KIỀU

Sa-Déc

Friday, August 26, 2016

VU HẠNH

CHẤT NGỌC

phụ bản của Phạm-Tăng . bìa của Thái-Tuân

CÁO THƠM

1964

bút máu

Sa-Déc
Friday, August 26, 2016

LƯƠNG SINH người ở Mân-Châu, con nhà thê phiệt, nổi tiếng thông minh dĩnh ngộ từ khi tóc để trái đào. Lên tám đã giỏi thơ ca, từ phú, ai cũng ngợi khen là bậc thần đồng. Lên mười có bài « Tơ liễu trong trăng » được tán thưởng nhất mấy câu :

« Trăng cũ phô đầu bạc
Liễu tơ chuốt mi dài
Trăng, liễu xa ngàn dặm
Một tôi hẹn vườn ai. »

Năm lên mười hai, gặp thời loạn ly, cha mẹ đều bị giặc giết, Sinh sầu thảm mấy tháng liền, mất ăn mất ngủ, lại thêm căn tạng yếu đuối nên lâm bệnh nặng, thần kinh hốt hoảng luôn luôn giạt mình, nằm mơ thấy toàn máu lửa, sọ xương. May có người cậu đem về săn sóc đêm ngày. Sau nhờ đạo sĩ họ

Trình ở núi Hoa-Dương cho bài Hi-di ninh-thần dùng toàn não tủy một giếng Bạch-hầu trong núi Nga-Lâm, uống thuần với nước viễn chí nên được lành bệnh, tâm thái trở lại an tĩnh, điều hòa. Khi lên mười lăm, Sinh được người cậu gọi đến Lã Công, một quan Thủ-hiệu bãi chức từ lâu, ở nhà mở trường dạy võ. Sinh học rất chóng, nửa năm đã lầu thông cả mười hai môn võ bí truyền của nhà họ Lã. Lã Công quý mến, một hôm lấy thanh bảo kiếm của mấy mươi đời họ Lã lập công trao cho luyện tập. Giữa buổi, Sinh đang múa kiếm bỗng dừng phắt lại, đưa kiếm lên ngửi rồi cau mày, kêu lên :

— Máu người tanh quá !

Đoạn đem thanh kiếm nộp trả, cáo từ mà về.

Đền nhà, lạy cậu thừa lên :

— Võ nghệ không phải là con đường cháu nên theo. Máu người chảy trong cơ thể thực quý vô cùng nhưng dính ra ngoài lại quá hôi tanh. Kẻ cầm lưỡi đao trọn đời sao cho khỏi đổ máu người ! Điều tàn nhẫn ấy cháu không làm được.

Người cậu giận lắm, bảo rằng :

— Mày thực cạn nghĩ, phụ cả lòng ta trông đợi lâu nay. Đành rằng máu người là quý nhưng để máu ấy chảy trong đầu bọn ác nhân thì càng tác quái cho người, lại càng có tội !

Lương Sinh cúi thưa :

— Ai cũng cho mình là phải, lấy đâu để nói xấu tốt rõ ràng ? Làm thiện một cách hăm hở mà không ngờ rằng đây là điều ác, lại càng có tội vì đã lừa mình, lừa người. Trộm nghĩ binh đao là nghề dứt khoát, cháu chưa dứt khoát trong người, tự thầy không dám theo đuổi.

Cậu nói :

— Hoài nghi như thế, e rồi không khéo mày tự mâu thuẫn với mày. Không phân biệt được giả, chân, thiện, ác làm sao có thể tự tin mà sống trên đời ? Xã hội chưa đâu có thể tự gọi là chôn thiên đường, bên cạnh nhà trường còn có nhà ngục, bên cạnh ngòi bút còn có lưỡi đao, không thể chỉ thầy một chiều, chỉ yêu một cạnh. Vị tất nhà trường đã không tội lỗi, ngòi bút đã không oan khiên ! Ta

không có con, từ lâu kỳ vọng nơi mày, nhân thời tao loạn những mong cho mày múa gươm trận địa hơn là múa bút rừng văn. Bây giờ, thê thôi là hết. Từ nay tùy mày định lấy đời mày, ta không nói nữa.

Từ đây, Lương Sinh sẵn có nếp nhà phú túc, chuyên nghề thơ văn, tiêu dao ngâm vịnh tháng ngày. Lời thơ càng găm, ý thơ càng hoa, tiếng đồn lan xa, lan rộng như sóng trên biển chiều nổi gió. Quan lệnh trấn mới đổi đến địa phương vốn người hâm mộ văn chương, cho vời Sinh đến. Thầy Sinh tướng mạo khôi ngô, lòng quan cảm mến, tiếp đãi hết sức trọng hậu. Sau đó, quan lệnh mượn những thi tuyển của Sinh trong một tháng trường, nhiều khi bỏ cả xử kiện để mà bình thơ. Khi quan giao trả, Sinh thấy sau những bài đặc ý nhất của mình đều có bài họa, văn từ tao nhã, ý tứ thâm trầm, nét chữ uyển chuyển, dưới đề : « Tuyết-Hồng tiện nữ chuyết họa ». Hỏi, biết Tuyết-Hồng là gái đầu lòng của quan. Theo lời nha lại tán tụng thì nàng tài sắc vẹn toàn, khiến Sinh đêm ngày tơ tưởng, cứ thấy giai nhân

chập chòn trong cơn mộng ảo. Càng ngày Sinh càng tương tư mê mết tưởng không có nàng thì không thể nào sống được. Nhiều lần lảng vảng sau tư thất quan để nhìn cho được Tuyết-Hồng, chỉ thấy hoa sau rèm lá chập chòn, lại càng mê mẩn tâm thần hơn nữa. Dịp đầu may mắn, quan mời Sinh đến uống rượu, ngỏ ý muốn kén Sinh làm giai tử. Sinh mừng run người, tưởng có thể đội mái nhà bay lên. Bấy lâu ước ao người đẹp, bây giờ thề là thỏa nguyện.

Trong lễ hôn phối, Sinh mới nhìn rõ Tuyết-Hồng : mặt nàng hơi gầy, mũi nàng hơi to, lưng nàng hơi cong. Sinh rất buồn lòng, song nghĩ duyên số tự trời, nhan sắc nàng kém nhưng tài nàng cao cũng là một điều an ủi. Suốt tuần trăng mật, nhiều lần Sinh ép Tuyết-Hồng làm thơ xướng họa, nàng đều chối từ. Hỏi sao ngày xưa thi tứ của nàng dồi dào là thế mà bây giờ chẳng cho nghe được một lời nào, thì nàng cúi đầu, ngập ngừng giây lâu mới đáp :

— Chàng kén thiếp để làm vợ dâu phải là để làm thơ ? Đạo vợ lại là đạo lớn, e rằng

đem hết trí lực chu toàn chưa chắc đã trọn, đâu dám lấy chuyện thơ văn mà làm chênh mảng. Dù chàng ép nài bao nhiêu, thiếp cũng đành cam chịu lỗi.

Đã thế, nhiều lần Sinh đọc thơ cho nàng nghe bảo nàng góp ý, nàng cũng có vẻ hết sức dửng dưng. Sau cùng, Sinh đâm nghi hoặc, nghĩ thầm có lẽ những bài thơ họa ngày xưa không phải của nàng mà chính là của quan lệnh. Nghĩ thầm chứ không nỡ nói, cũng không dám nói, vì khi giận dữ Tuyết-Hồng thường khóa chặt buồng nằm riêng, hai ba đêm liền không tiếp.

Càng ngày Sinh càng chán nản khôn khuây, ảo tưởng vỡ tan, tưởng như tuyệt vọng tình đời. Thiều thôn hình ảnh giai nhân, cuộc sống tự nhiên căn cỗi, y như nuốt hoàn thuộc đẳng không có mặt đường trợ vị. Nhân tên Nguyên-đán, Tuyết-Hồng về thăm song thân, Sinh bèn thừa dịp xuân nhật, noi gương Tử-Trường ngày xưa phiêu du sơn thủy, tiếp lấy sinh lực muôn vẻ thiên nhiên nuôi cho văn khí thêm phần phong phú, siêu dật.

Bước ra khỏi nhà, Sinh chọn con đường hai bên cỏ non phơi phới, quanh co theo một dòng suối trong veo, lơ thơ bắc đôi nhịp cầu nho nhỏ, mơ màng lá đào rơi rắc mà vào chôn thiên thai. Xuân ý, xuân tình chứa chan ở trong cảnh sắc, màu trời, như theo giác quan dào dạt thâm vào mạch tủy khiến Sinh ngây ngất. Đi đã ba ngày mà không nghĩ đến đường về. Đi được sáu ngày thì sức nhớ đến vợ nhà, nhưng vợ cách xa đến sáu ngày đường cũng không đáng sợ những cơn giận dữ. Đi đến mười ngày, tiền lưng muồn cạn, túi thơ chùng đầy. Chợt đến một miền tiêu điều, dân cư thưa thớt, Sinh chán nản định quay về nhưng ruột đói, lưỡi khô bèn đi tìm một túp quán nghỉ chân. Qua ba dặm đồng trống vắng vẫn chưa thấy bóng một người để hỏi thăm nơi. Bỗng nghe phảng phất tiếng trống, tiếng chiêng, lẫn tiếng reo cười. Dò theo âm thanh vọng lại, lần bước đến nơi thấy đám hội trước chùa, bèn vào quán nhỏ gần đây ăn uống. Chủ quán cho biết đã mấy năm rồi ở đây mới có một ngày hội lớn vì quan Khâm-sai triều

đình sắp về địa phương nên quan Tổng-trần họ Lý bày ra trò vui để cho dân chúng thỏa thuê ít bữa. Đang ngồi nhắm rượu lại nghe những tiếng hò hét rồi thấy đám người trước cửa rạt ra hai bên có vẻ hết sức sợ hãi. Từ xa tiền đèn một chiếc kiệu hoa do bốn người khiêng và thêm chừng mười lính hầu áo màu lòe loẹt, tiền hô hậu ủng. Kiệu đèn trước quán thì bị nghẹt người, dừng lại. Sinh ngược mắt lên, nhìn thấy khuôn mặt đàn bà tuyệt đẹp. Hỏi kẻ chung quanh, biết Lý Duyên-Hương con quan Tổng-trần vùng này. Người đẹp nhìn thẳng về trước, mặt hơi vênh lên, như không muốn thấy một ai quanh mình. Vẻ kiêu hãnh và nét sắc sảo của một khuôn mặt tươi hồng khiến Sinh nhìn ngây ngất, tưởng như gặp tiên giáng trần, sửng sốt chiêm ngưỡng, tay cầm ly rượu buông rơi lúc nào không biết. Ly rượu chạm vào mặt bàn vỡ tan, tỏa hơi nóng ra bốn phía. Người ngọc nghiêng đầu liếc xuống, thấy vẻ mặt Sinh ngây nhìn, chột hiệu, bỗng nhoẻn miệng cười. Nụ cười lộng lẫy như hé sáng một trời tình. Sinh lão đảo đứng lên, không



phải say vì rượu, trả tiền cho chủ quán rồi tiền về phía kiều hoa. Người xem đã giãn, kiều vào trong chùa. Sinh vội bước theo, cô quên rằng mình đã có vợ nhà.

Trong chùa chật ních những người. Phần đông quần áo mùa xuân thơm mát nhưng mặt mày hốc hác mang nhiều vết hằn đau khổ. Ai cũng cố gắng mà vui, hình như không có dịp nào để vui hơn nữa. Lương Sinh chen vào, nghe mùi mồ hôi xông lên khó thở, gượng nghĩ vẫn còn hương thơm người đẹp đi qua sót lại phần nào. Khổ nhọc rất lâu, bước đến thêm trong thì đã thừa người. Thấy Sinh có vẻ nho nhã, người gác để Sinh đi qua. Vào tận trong xa vẫn chưa gặp được người ngọc. Thoạt nhìn lên một bức cao, hương trầm nghi ngút, sức nức mùi thơm, thầy Lý tiểu thơ, vẻ mặt thành kính, đang cùng mấy vị tăng già đàm đạo. Lương Sinh hậm hực đứng nhìn, giận mình từ xưa chẳng chịu thề phát qui y.

Một lát, tiểu thơ quay vào bàn lễ, Sinh ngại nàng vội đi về nên bỗng nảy ra một ý. Lại gần biệt phòng bên cạnh sân

ngiên bút và hoa-tiên để khách thập phương
đề vịnh, Sinh bèn thảo phóng mấy câu :

« Lá gió sâu xuân, đưa đây duyên trời hẹn ước,
Tiên hoa gài mộng, vờn vương đến Phật bang
khuâng.

Động biếc, thoáng cười tiên nữ
Rêu xanh, ngán lời Lưu Thân.
Mặt nước hồ im, xao động bốn mùa sóng gió
Bóng đêm hang thẳm, long lanh một vẻ giai
nhân. »

Rồi bẻ cành hoa kẹp vào. Khi Lý tiểu
thơ lẽ xong, khoan thai xuống thêm, mọi
người sợ hãi rạt ra hai bên thì Sinh vội vã
đi theo. Đến lúc nàng vừa lên kiệu, Sinh
ném cành hoa lên chỗ nàng ngồi. Lính hầu
thoáng thấy, kêu lên :

— Có người ám hại tiểu thơ !

Lập tức, hai, ba, rồi chín, mười lưỡ
gươm dài vung lên, lính hầu vây lấy Lương
Sinh. Những người xem hội thất sắc lùi lại,
dồn dập ép đẩy vào nhau kêu la náo động.
Tiểu thơ ngồi trên, vén rèm nhìn xuống,
không nói một lời, vẻ mặt hết sức kiêu kỳ.
Lương Sinh đã toan mở lời chòng chề

nhưng lính xông vào trói chàng.

Đám đông có tiếng thì thảo :

— Anh ta chỉ ném có một cành hoa thôi đây.

— Bầy nhiều cũng đủ héo cuộc đời rồi !

— Qua dinh Tổng-trần không lấy nón xuống là đã bay đầu, nói chi xúc phạm tiểu thư vàng ngọc !

Lúc ấy Lương Sinh sức nhớ đã quên từ lâu mười hai môn võ bí truyền của nhà họ Lã.

Về đền nha môn, lính dẫn Lương Sinh nhốt vào trại giam rồi tâu trình lên Tổng-trần. Nằm trong bốn vách tường đá, Sinh nghĩ cuộc đời bằng phẳng của mình bấy lâu mà lòng rầu rĩ không yên. Chắc là phen này không thể sống thoát, tiếng vang danh sĩ ngày nào bây giờ phải chịu hoen nhục vì không nén được tâm lòng bỗng bột phát giây. Đang mơ màng về thế giới bên kia, chợt nghe tiếng người gọi dậy, lập tức được lính dẫn đến công đường. Tổng-trần ngồi giữa, vóc dạng phương phi, hàm én râu hùm, trên tay còn cầm tang vật là mảnh hoa-tiên.

Sinh cúi đầu thi lễ, toan tìm lời kêu oan gỡ tội thì quan ra lệnh mở trói. Trước sự kinh ngạc của Sinh, quan bước xuống thêm, dắt Sinh vào trong, kéo ghế bảo ngồi. Sinh từ chối hai ba lần không được. Quan nói :

— Ta thường ước ao được gặp một người tài đức, nay biết người là danh sĩ nên thực hết lòng hâm mộ. Lính hầu sơ suất phạm điều vô lễ vừa rồi, ta sẽ nghiêm trị. Gác Đằng thuận nẻo gió đưa, người hãy ở đây cùng ta hưởng mấy ngày xuân, vui câu xướng họa, cho thỏa tình ta khao khát lâu nay.

Đoạn truyền đem rượu ngon thịt béo ra thết đãi nồng hậu. Lương Sinh tự thấy tài năng của mình thực đã bảo đảm cái mệnh vô cùng vững chắc, hết sức cởi mở tâm lòng, uống rượu say khướt từ sớm đến chiều, mỗi khi chập chờn thức tỉnh lại ngâm thơ sang sảng, tưởng như lúc nào sau rèm cũng có người đẹp nép nghe. Tổng-trần có vẻ đặc biệt kính trọng tài năng của Sinh, luôn luôn nhường lời cho Sinh thành ra Sinh phải độc xướng, độc họa, độc ngâm suốt ngày. Đôi lúc Sinh muốn hỏi thăm tiểu thơ định trao

duyên nơi nào chưa, nhưng thầy Tổng-trần đãi mình như bậc thượng khách nên phải giữ ý làm thinh.

Độ vài hôm sau, quan tổ chức cuộc du xuân. đưa Sinh đi xem cảnh trí trong miền. Nơi nào quan cũng cho thầy kỳ công đại lực của quan tạo lập cho dân : kia là dòng suối quanh co quan đã khai thông để dân lấy nước cấy cày, nọ là đồng ruộng bao la trước kia toàn là rừng rậm hoang vu quan đã tèn công khai phá cho dân trồng trọt.

Ngồi trên kiệu cao, Sinh nhìn theo ngón tay quan trở phía xa xa, mơ hồ thấy suối, thấy đồng nhiều vẻ khác màu mà miệng không ngừng tán tụng. Hơi men nồng nàn, lòng Sinh chan chứa nhiệt tình đối với những bậc « dân chí phụ mẫu » mà xưa Sinh thường tỏ ý rẻ khinh.

Đền đâu quan cũng xin Sinh lưu bút để cho khắc vào bia đá, cột đồng. Sinh phóng bút thao thao bất tuyệt, hết lòng ca ngợi tài đức của quan. Mục thơm bút quý, lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu. Trước khi giã từ, Sinh còn lưu lại bài tán tổng kết công

đức của quan để khắc ở chôn công đường và bài minh ký để ghi tạc vào mây cổ hồng chung tại các tháp đền qui mô trong hạt. Quan ân cần tiễn chân Sinh ra khỏi nha môn, đưa tặng một cỗ ngựa bạch và mây nén vàng nhưng Sinh một mực chối từ không nhận để giữ vẹn lòng thanh khiết.

Giữa mùa xuân ấy, Sinh lâm bệnh nặng, nằm liệt suốt một tháng liền. Tuyết-Hồng hết sức săn sóc thuốc thang, nhiều đêm không ngủ. Bây giờ Sinh có lòng mừng là nàng không biết làm thơ, nhưng Sinh ngày đêm khắc khoải vì không cầm được cây bút. Một ngày không viết được một câu nào, Sinh có cảm tưởng như mình không còn sống nữa. Ngoài nỗi bệnh tật giày vò, Sinh còn bị nỗi băn khoăn sáng tạo hành hạ. Bệnh cũ như muồn tái phát, thần kinh dạo dục không yên, giấc ngủ chập chờn ác mộng. Mấy lần chông tay ngồi dậy nhưng lại bủn rủn nằm xuống, hơi thở nóng ran như lửa. Một sớm đang nằm nghe tiếng chim hoàng-anh hót ngoài vườn vụt tắt, thấy một tia

nặng lọt qua khe cửa chột tàn, Sinh bỗng hốt hoảng tưởng chừng mùa xuân bỏ mình mà đi, bèn gượng ngồi lên, xô mạnh cửa sổ. Mây nọ hoa thắm cười duyên trước thêm, lá xanh tươi mầu nhựa mới. Sinh gọi đem nghiên bút và tập hoa-tiên. Vừa cầm bút lên, Sinh bỗng kinh ngạc : nghiên mực đỏ tươi sắc máu. Thử chấm bút vào, lăn tròn ngọn bút đưa lên, bỗng thấy nhỏ xuống từng giọt, từng giọt thắm hồng như rỉ chảy từ tim. Khiếp đảm, Sinh ngồi sững sờ, tâm thần thác loạn. Cò viết đôi chữ lên giấy, nét chữ quánh lại, lộn cợn như vệt huyết khô trên cát. Sinh vội buông viết, tưởng chừng bàn tay cũng thắm máu đầy. Đưa lên ngang mũi, mùi tanh khủng khiếp. Quệt tay vào áo, đau nhói trong người. Sinh nằm vật xuống, mê man bất tỉnh. Sau mấy ngày, Sinh tỉnh dậy, lòng lại khát khao cầm bút. Nhưng nhớ hình ảnh vừa qua, tự nhiên dấm ra e ngại. Sinh cố tập trung thần lực, men đến án thư nhưng vừa cầm bút lại thấy lảng vảng sắc máu, không sao có đủ can đảm vạch được nét nào. Sinh ném bút, hất giấy, vô cùng

khiếp sợ, tưởng như xôn xao chung quanh vô số hồn oan đòi mạng. Từ đó Sinh gầy rạc hẳn, liệu không sống thoát.

Người cậu của Sinh từ lâu đã vào trong núi Hoa-Dương ở với đạo sĩ họ Trình, một hôm tạt về thăm nhà thấy cháu suy nhược rất là lo lắng. Sau khi nghe Sinh thuật hết những điều quái dị vừa qua, ông suy nghĩ hồi lâu rồi nói :

— Ta từng bảo cháu ngồi bút không phải không có oan khiên. Lưỡi gươm tuy ác nhưng mà trách nhiệm rõ ràng, lỗi lầm tác hại cũng trong giới hạn. Mượn sự huyền hoặc của văn chương mà gây điều thiệt hại cho con người, tội ác của kẻ cầm bút xưa nay kẻ biết là bao, nhưng chẳng qua mờ mịt hư ảo nên không thấy rõ hay không muốn rõ mà thôi. Làm cho người gái lớn lên băn khoăn sầu muộn, làm cho trai trẻ đang hăng khinh bạc, hoài nghi, gọi cho người ta nghĩ vật dục mà quên ái tình, kêu cho người ta tiếc tài lợi mà xa đạo nghĩa, hoặc cười trên đau khổ tha nhân, hát trên bi cảnh đồng loại, đem sự phù phiếm thay cho thực dụng,

lầy việc thiên cận quên điều sâu xa, xuyên tạc chân lý, che lấp bản hàn, ca ngợi quyền lực, bỏ quên con người, văn chương há chẳng đã làm những điều vô đạo ? Tội ác văn chương xưa nay nếu đem phân tích biết đâu chẳng dồn chất thành ngàn dãy Thiên-Sơn ? Thần tượng của cháu kinh động thật thường, nhưng mà bản chất huyền diệu có thể cảm ứng với cõi vô hình, chắc cháu làm điều tổn đức khá nặng nên máu oan mới đuổi theo như vậy. Hãy xem có lỗi hững bút đi lệch đường chẳng ? Soát lại cho mau, soát lại cho mau, chớ để chảy ngày.

Lương Sinh nghe xong, bồi hồi tắc dạ, trí tuệ xem như mình mất hơn nhiều. Con bệnh do đó lui được khá xa. Sinh đem mây tập thi tuyển của mình đọc lại từng câu, dò lại từng chữ, thấy toàn là ý bướm tình hoa, phát triển cảm xúc mà xao nhãng trí tuệ, tán tụng thiên nhiên mà bỏ mất cảnh đời, trốn tránh thực tại, từ chối tương lai, nhưng nghĩ kỹ lại vẫn chưa dò được lỗi máu từ đâu. Bỗng sức nhớ đến những bài phóng bút viết cho Tổng-trần, không ghi lại trong

thi tuyển, tâm não trở nên bàng hoàng. Đồng thời bao nhiêu gương mặt hốc hác trong ngày hội chùa lại hiện lên rõ, mây cánh đồng tro trọi, những tiếng thì thầm hai bên kiệu hoa, vẻ người nhón nhác sợ hãi, những đòn dây trói, mây dầy nhà giam, lần lượt như sông lại trước mặt. Những cảnh ấy thực đã trái ngược với những bài tán, bài minh đã viết. Mồ hôi toát ra như tắm, Sinh đứng lên được, quyết định trở lại chôn cũ để tìm hiểu sự thực.

Sinh đến chôn cũ vào một buổi chiều nắng vàng thê lương phủ trên cảnh vật tiêu điều, xơ xác. Qua khỏi dòng suối khô cạn Sinh bước vào một thôn trang vắng vẻ, thưa thớt những mái tranh nghèo, không một bóng người thấp thoáng. Đến một gò cỏ úa héo chợt thấy một người nông phu ủ rũ trước nằm mộ mới, hiu hiu mây nén hương tàn. Sinh dừng bước, lại gần ngồi xuống một bên, khẽ hỏi :

— Bác khóc thương thân quyền nào vậy ?

Người kia ngược lên không nói, ngăm nhìn lớp bụi đường trường bạc thềch trên quần áo Sinh, dịu đôi mắt xuống :

— Người nằm dưới mồ không phải bà con quyền thuộc của tôi.

Sinh nghĩ : « Chẳng lẽ người này cũng là một kẻ thi nhân khóc thương cho kiếp hồng nhan bạc mệnh nào chăng ? » Chưa kịp dò ý, người kia chợt hỏi, ra vẻ hoài nghi :

— Ông từ đâu mà đến đây ?

— Tôi ở chôn xa, nhân bước đường phiêu lưu ghé tạt qua thôi. Buồn thấy miền này có vẻ tiêu điều hơn các nơi khác.

Người nông phu bỗng long lanh đôi mắt như không dẫn được tâm lòng dồn nén, bật lên những tiếng cảm hờn :

— Nói hết cho muôn ngàn khách qua đường cũng chưa hả được dạ này. Ví dù phải chết ngày nay, thân này chẳng tiếc, miễn sao bọc bạch cho được sự thực uất hận từ lâu. Đã bao năm rồi, sông dưới nanh vuốt của tên Tống-trần họ Lý, chính sự độc dữ hơn hùm beo, đồng ruộng gầy khô, dân

làng đói rách. Đầu xuân này có Khâm-sai đi về, cụ Thôn-trưởng của chúng tôi, mặc dù già yếu cũng quyết vì dân làm bản trấn tình, cản đầu ngựa, nín bánh xe mà tỏ bày sự thực. Thề nhưng Khâm-sai đi khắp mọi nơi, chỗ nào cũng thấy bia đá, cột đồng đầy lời hoa mỹ tán dương công đức Tổng-trần của thẳng danh sĩ chết khôn nào đó nên ném bản trấn tình, không xét, bảo rằng : « Muôn ngàn lời nói của lũ dân đen vô học đâu bằng mấy vần từ điệu cao xa của kẻ danh nho. Danh sĩ bao giờ cũng biết tự trọng. Tổng-trần đã được hạng ấy tôn xưng, hẳn không phải bắt tài vậy. » Thề đã thôi đâu, Khâm-sai đi rồi, Tổng-trần phái sai-nha về tróc nã những người đã đầu đơn tố cáo nó. Bao người phải chết vì nổi cực hình thảm khốc, vợ góa con cô, một trời nước mắt, ruộng đồng từ đây đành để nuôi loài cỏ dại mà thôi.

Sinh chết diền cả người, giây lâu mới gượng gao hỏi :

— Chẳng hay bác có biết... danh sĩ ấy tên là gì không ?

Người nông phu trợn trừng cặp mắt,

gào lên :

— Làm gì mà biết ! mà biết làm gì ? những hạng hiền lợi, hiền danh, tròn trong từ chương để tiếp sức cho kẻ ác mà cứ tưởng mình thanh cao, hạng ấy thì đâu chẳng có ? Dân làng đây ai cũng nguyên rửa hã, mà hã nào có biết đâu ! Nghĩ thương cho cụ Trùng tôi, mấy lần đứng ra chịu nhận hết tội để cứu bao người mà bọn chúng chẳng chịu tha, cứ việc tàn sát thẳng tay, lôi đi lớp này rồi đến lớp khác, nên khi bị dẫn qua đây cụ tự móc họng cho trào máu ra mà chết để khỏi bị người đầy đọa. Trước khi nhắm mắt, cụ còn gượng nói : « Được chết trên cánh đồng đã đầm mồ hôi của ta, của bà con xóm làng ta, thế là quý rồi. Chôn ta ở đây, cho ta được gần gũi với các người. » Hơi thở gần tàn, cụ còn nói tiếp : « Tội ác là ở lũ vua quan. Tên danh sĩ kia chỉ là cái cờ để chúng vin vào mà che lấp sự thực. Đừng oán hờn tên danh sĩ. Đáng thương cho nó, đáng thương cho nó. »

Người nông phu dừng lại, nghẹn ngào rồi tiếp :

— Nhưng bao người khổ ở đây, bao kẻ chết nơi kia nghĩ còn đáng thương đáng xót gấp trăm ngàn lần !

Đoạn, gục đầu trước mộ, khóc than thảm thiết. Sinh cũng sụp xuống, hòa tiếng khóc theo. Bóng đêm xóa nhòa, gió lạnh như từ cõi âm thổi về rung động bờ lau bụi cỏ. Sinh tưởng như theo cơn gió oan hồn của người đã khuất hiện về chứng kiến cho những giọt lệ chảy ra từ một tâm lòng hồi hận chân thành.

12-1958

một chuyến xe

Sa-Déc
Friday, August 26, 2016

CHIẾC xe Dodge lù lù bò lên dốc, tiếng máy rú dài như một con vật mệt nhọc bị vây đuổi gáp. Qua một khúc eo và gập quăng đường bình hơn, người tài xế đổi tốc độ, dận thêm ga cho xe vượt khỏi chạng đường đèo khuất gió, hăm hơi vì nắng xê chiếu nung đốt và mùi khói xăng khét lẹt.

Trong xe, ngoài người tài xế và người phụ máy, có sáu hành khách chiếm trọn ghế trước và ghế thứ nhì. Phía sau cũng như trên mui đều chắt đầy hàng. Ban đầu chỉ hai hành khách — một người chủ tiệm và gã con trai — thuê trọn chuyến xe để chở hàng nhà. Nhưng vừa ra khỏi thành phố, có người Hoa-kiểu đón xe, ông chủ hàng nhận biết là người buôn bán quen thuộc. Sợ bỏ lỡ một dịp tốt để trao đổi công việc mua bán,

ông chủ hàng đồng ý để người tài xế rước khách. Hai ông cùng ngồi ghế trước, bên cạnh bác tài. Người con trai ông chủ nằm dài trên ghế thứ nhì chờ tìm giấc ngủ sau một đêm thức trắng để hành lạc ở chôn thị thành. Những tiếng cười của người Hoa-kiểu và giọng nói rất lớn của cha anh càng át tiếng máy làm anh tỉnh dậy. Anh bỗng nhận thấy tiếng cười của người Hoa-kiểu có một vẻ Tầu rất đổi vô duyên, và cha của anh có lời hững hờ nói chuyện không mấy hợp thời. Anh định ngủ lại, nhưng giấc ngủ có lẽ đã tụt khỏi xe và đang đuổi theo không kịp chiếc máy xả hết tốc lực. Anh ngồi dậy, cho rằng người ta chỉ có thể tìm được giấc ngủ khi tỏ không cần đến nó. Nhưng vừa nhìn ra phía trước anh thấy hai người vẫy xe một cách vội vã dưới ánh nắng trưa. Có lẽ là hai mẹ con. Người con mặc chiếc áo hồng thực đẹp. Người tài xế liếc nhìn sang người chủ hàng, thấy ông này vẫn yên lặng nên định chạy luôn nhưng người thanh niên đã đập vào vai anh ta và bảo dừng lại. Người cha tỏ vẻ không được bằng lòng, toan giục chạy đi,

nhưng ông chợt thấy người đàn bà còn nhiều duyên dáng trong cái xuân tàn và ăn mặc khá sang trọng. Ông làm thỉnh, giữ vẻ nghiêm nghị. Nhưng khi bà kia vừa bước lên xe, ông nhìn khuôn mặt thon thon phản chiếu vào tấm gương ở trước mặt, cảm thấy phải nói một câu có lợi, vừa để thanh minh thái độ của mình với người tái xế, vừa để gọi sự chú ý của bà khách nọ :

— Thôi, chạy đi kéo trễ giờ rồi !

Cô gái lên xe, thấy người trai trẻ nhìn mình chòng chọc, toan lùi xuống nhường cho mẹ vào trước, nhưng nghe hồi chạy nên phải vội vàng ngồi xuống một cách ép uông. Người con trai cảm thấy cha mình xử sự rất là hợp thời. Bây giờ, anh không thấy buồn ngủ nữa. Trái lại, anh đang tỉnh táo hơn bao giờ hết.

Được một đoạn đường, chiếc xe đang xả hết tốc lực bỗng dừng lại trước căn nhà nhỏ bên đường. Người tài xế bóp còi, rồi quay sang ông chủ :

— Tôi gọi nhà-tôi.

Một người đàn bà đi ra, chậm chạp, uồn

éo. Chị lên xe nhìn quanh, hình như phật ý vì phải ngồi xa bác tài, nhưng sau nhận thấy ai cũng có vẻ sốt ruột, chị đành ngồi xuống phía ngoài người đàn bà kia.

Xe lại chạy.

Sau khi nuốt hết quãng đường trường vắng, chiếc xe lại hồng hộc vượt đèo. Ông chủ hàng đã hết nói chuyện, thỉnh thoảng nhìn lên tấm gương trước mặt. Người Hoa-kiều có vẻ bồn khoăn như sự nhớ một điều gì không được an tâm. Ở ghế sau, cô gái và chàng trai trẻ đã đi qua được giai đoạn mở đẽ và họ bắt đầu chung góp ý kiến để chỉ trích những sai lầm của tất cả những nam nữ thanh niên sống trong xã hội ngày nay. Hai người đàn bà kia, không ai bảo ai, cùng cảm thấy rất tự nhiên rằng xe hơi là máy ru ngủ rất tốt. Ở phía sau, người phụ máy bám chặt thành xe, mồm hơi nhễ nhại, sẵn sàng vỗ lầy cục canh để nháy vọt xuống mỗi khi chiếc xe tắt máy giữa dốc.

Lên đến đỉnh đèo, người tài xế dừng xe, nghỉ cho mát máy. Trong lúc người phụ nữ dám cõ tranh bước xuống chân cầu mức

ít nước suối đổ vào « kết » nước, mọi người đã bước xuống xe, khoan khoái nhìn cảnh trời bể bao la trước mắt.

Ông chủ hàng vừa đứng gần người mẹ cô gái, vừa xem xét lại hàng hóa, cô tìm một chỗ sơ hở trong các nuột dây dừa cột chẳng chặt. Ông xây lại người đàn bà, thấy cần phải giải thích thêm một điểm mà ông đoán rằng bà này chưa được rõ ràng :

— Bà rất có duyên đi sớm được chuyến xe này, vì tôi thuê trọn để chở hàng nhà. Đáng lý là xe không chở một ai.

Người đàn bà hơi nghiêng đầu, hơi nhêch môi, nhưng không biết tỏ thề nào cho hợp lệ hơn nên đành làm thinh. Tuy vậy cặp mắt bà ta có vẻ dịu dàng hơn trước và bấy nhiêu đó cũng làm ông chủ khoan khoái trong lòng.

Người con ông chủ leo lên một mỗm đá lớn gần đàng, đôi tay chồng nạnh, nhìn ra bể xa với vẻ chăm chú của một thi sĩ say đắm cảnh vật. Thinh thoảng anh không quên rằng trong cảnh vật ấy có người thiếu nữ. Và người thiếu nữ lấy chiếc khăn tay màu xanh

cột rất lâu lên mái tóc bóng phật phơ trước gió, cô giữ mãi cái dáng điệu uốn ngực một cách rất là tự nhiên.

Anh tài xế dựa vào thành xe lấy thuốc thơm hút, âu yếm nhìn người đàn bà mà anh gọi là « nhà tôi » lúc này. Người đàn bà lấy tay véo vào sườn anh, nở một nụ cười không thể tìm thấy trong các bà vợ. Khi ngước lên, thấy mọi người chăm chú ngó mình, anh ta đưa tay chỉ về một đống núi xa và nói :

— Các người trông cái sườn đống xa kia... Chỗ mảng núi sụp lở kia. Ấy đây ! Nơi đó bao nhiêu chuyến xe đổ đèo đã nhào xuống biển.

Mọi người chăm chú nhìn theo hướng tay anh chỉ, im lặng một cách ý nghĩa.

Anh tài xế nói tiếp :

— Đã bao nhiêu chiếc xe và bao nhiêu mạng người tan tành chỉ vì sơ ý một chút mà thôi.

Anh rít một hơi thuốc dài, phun khói rất mạnh, mỉm cười như không chú ý mấy đến câu nói vừa rồi. Mọi người vẫn còn trầm

ngâm nhìn về phía núi cheo leo khuất bóng nắng chiều, bắt đầu nhuộm màu xanh sẫm. Họ lay cặp mắt đo từ sườn xa xuống dưới vực thẳm và tưởng chừng như linh hồn những người tử nạn vẫn còn phảng phất chung quanh.

Người trai trẻ cò nói một giọng tự nhiên :

— Vừa rồi báo chí đăng một tai nạn xe hơi hết sức thảm khốc xảy ra ở tại Bokor, bên Miên. Một chiếc xe đồ và chiếc xe nhà chạm nhau ở trên đầu núi rồi cùng lăn xuống biển sâu. Chưa rõ bao nhiêu người chết.

Mọi người lại đứng trong sự im lặng. Trời bắt đầu chiều. Gió biển thổi vào mạnh hơn, rung chuyển ngàn cây. Ai nấy cảm thấy rờn rợn.

Người phụ máy đã đổ nước xong.

Mọi người lên xe. Lần này, tuy không có ai giục giã nhưng cô gái thầy không cần phải đổi chỗ nữa. Khi xe nổ máy, người ta mới nhớ thiếu người Hoa-kiểu. Sau một hồi còi của tài xế, ông ta mới từ bụi rậm vội vàng bước ra, nét mặt bình tĩnh hơn trước

khá nhiều.

Xe bắt đầu xuống dốc. Mọi người nghe gió vun vút đập vào thành xe, núi rừng vọng lại tiếng máy nổ đều. Sức chạy nhanh như kích thích, khiến mọi người say sưa, một nỗi say sưa xen lẫn kiêu hãnh thường tìm thấy trong con người thời đại máy móc những lúc bị quay nhanh trong tốc độ.

Giữa phút miên man ấy, những câu nói vừa qua của người tài xế và hình ảnh tai nạn thảm khốc ở Cao-Miên như lớn vồn trong óc mọi người. Ông chủ hàng bỗng nhiên nghĩ rằng một tai nạn có thể xảy ra và gia đình ông sẽ lâm vào cảnh đau thương hết sức. Ông và con ông sẽ chết gục bên sườn núi, trong một chiếc xe gãy vụn hoặc nằm bẹp dí dưới một hồ sâu. Hàng hóa ông sẽ tan tã, cửa tiệm ông sẽ phá sản. Vợ ông đầu quần hai lớp khăn tang khóc lóc, trọn đời thủ tiết thờ ông. Hay là nó sẽ đi lấy chồng khác ? Ông lại nghĩ thậm như thế. Biết đâu nó không lấy tên chủ tiệm góc phố giàu có, góa vợ từ mấy năm nay ? Biết đâu nó lại chẳng lấy lão Hoa-kiểu này, nếu lão

còn sống sót ? Ủ, lão này sống sót, sẽ tìm vợ ta để báo cái tin đau đớn và sẽ giả vờ méo mặt chia buồn, thỉnh thoảng lại đèn viêng thăm an ủi. Trông nó cũng không đèn nổi xấu người, xem chừng đàn bà cũng có thể ưa nụ cười hểnh hếch, đi đôi với cặp mắt hin hít này. Chắc là khi lấy nhau xong nó sẽ đẹp gấp bàn thờ của ta và của con ta. Không, nó sẽ để đầy nhưng thu đẹp lại một xó vì sợ miệng thề chê cười. Khi ấy có lẽ ta đã thành chồng con mẹ ngồi ở ghế sau. Đèn lúc vợ ta chết xuống, nó sẽ ghen đầy, nhưng ai bảo nó lấy lão Hoa-kiểu ?... Lão này thừa dịp trục lợi những công việc ta bàn tính ban nãy và làm giàu chẳng mấy chốc. Bây giờ lão đang lúng túng, nhưng người Hoa-kiểu vốn buôn bán giỏi. Thực ra, cũng không đứa nào giỏi hơn ta được. Nhưng một người ít may mắn như cái lão này, làm sao thoát được tai nạn hiểm nghèo mà ta không thể vượt khỏi ? Nếu một trong hai người này phải chết, nhất định không phải là ta.

Tự nhiên ông thấy rằng ông không sao chết được. Có chết chẳng là người Hoa-kiểu

này. Thời vận của ông rất tốt, không thể có sự vô lý xảy ra giữa lúc thuận buồm xuôi gió. Chính người thầy Tàu nổi tiếng nhất về tướng số đã bảo đèn năm bôn mười tám tuổi ông sẽ phát đạt tốt bậc. Còn những ba năm. Có rủi ro chẳng cũng chín, mười năm nữa kia. Nhưng nghĩ cũng vô lý nốt. Mạng ông rất thọ. Bao nhiêu lá số tử vi đều nói giống y như vậy. Ông còn bao nhiêu dự định trong đầu, toàn là mưu lược kinh doanh tuyệt vời, nhất định cuộc sống phải cần đến sự có mặt của ông không biết bao nhiêu năm nữa. Biết đâu ông lại chẳng sống dai như một người lột xác, để chứng kiến cuộc bể dâu dồn dập này đây. Điều này cũng có lý lắm vì sức khỏe ông dồi dào và gia đình ông phúc hậu. Ông chẳng phải người phúc đức là gì? Ông vẫn thỉnh thoảng giúp đỡ những người túng thiếu bằng cách cho vay nhẹ lãi đây ư? Ông đã vui lòng để cho mẹ con người đàn bà này lên xe khởi phải chờ đợi giữa lúc trưa nắng đây ư? Ông mỉm cười, tự thấy bằng lòng cho mình nhiều lắm. Tiếng máy xe nổ giòn giã nghe vui tai lạ. Ông liếc sang người

Hoa-kiểu, chú này vẫn giữ vẻ mặt tự nhiên. Sau khi trút sạch được mỗi bản khoán ở một lùm cây bên rừng, bây giờ chú thấy dễ chịu, yên lòng. Chú không nghe người tài xế nói chuyện, cũng không nghe người trai trẻ kể lại tin tức. Con đường này đối với chú quen thuộc quá rồi. Chú đang lơ mơ nghĩ lại câu chuyện mua bán mà người chủ hàng vừa nói, cố tìm xem thử có phải là sự lừa phỉnh hay không. Nếu hợp tác được với hắn, mình sẽ có cách sinh lợi nhiều bề mà hắn không sao ngờ được. Nhưng chắc là phải lên xuống con đường này luôn thì cũng hơi phiền. Bỗng nhiên nhớ đến hai má phính phính của xẩm Lìn, chú thấy vui vui. Chuyện sau mình xuống nhất định ngủ lại nhà nó. Chú ngược nhìn lên tấm gương trước mặt. Hình như người chủ hàng cũng nhìn lên tấm gương và mặt người đàn bà thon thon kia bỗng nhiên cúi xuống. Chú quay lại sau, nhìn vào khuôn mặt tròn mập và trát đầy phấn của « vợ » bác tài. Chị này quay nhìn ra ngoài. Sau cùng chú cúi xuống nhìn cái ruột của mình và thấy đói bụng.

Trong khi đó, ở ghế sau cặp trai trẻ qua những phút im lặng rất phong phú đã bắt đầu nói chuyện lại. Nàng buột miệng nói :

— Xe chạy nhanh quá nhỉ... ?

Chàng không hiểu được ý nghĩa sâu xa trong câu nàng nói, nhưng vội trả lời một cách sẵn đón :

— Vâng, hơi mau nhưng không hại gì. Anh tài xế này vững lắm. Vả lại những hôm nào đi xe nhà, tôi thường chạy nhanh hơn nhiều.

Sự thật anh ta không có xe nhà. Tuy nhiên, anh thấy cần phải nói thêm để cho có vẻ khiêm tốn và đủ ý nghĩa :

— Xe nhỏ bao giờ cũng dễ đi hơn, cô ạ. Lại ít xảy ra tai nạn.

Đó là câu nói không chút căn cứ, nhưng người con gái không chú ý đến sự phân tích. Tiếng tai nạn bỗng gọi lại trong óc của nàng những hình ảnh tưởng đã xóa nhòa. Nàng có thể chết vì chuyện xe này, hồng nhan vờn thường bạc mệnh. Nàng sẽ có một năm mồ bên đàng và mỗi chiều thu lá rụng sẽ có những người yêu nàng, cả chàng trai trẻ này

nữa, khóc nàng ở đây. Nàng sẽ hóa thành yêu tinh chòng ghẹo những khách qua đường. Nàng sẽ hát trên ngọn núi, bay ngoài mặt biển, chạy trên cây rừng. Những đêm trăng sáng về khuya, nàng sẽ xõa tóc ở bên bờ suối và cặp tình nhân lạc loài nào đó sẽ nghe tiếng nàng thở dài... Tự nhiên, người con gái thấy lòng mình xúc động và nghe cay trên khóe mắt. Nàng còn yêu đời và chưa thực sự yêu ai... Trinh nữ ít khi bị chết vì họ còn trả nợ đời. Vả lại, có bao nhiêu người yêu nàng, nàng phải sống chứ !... Nàng tự trách mình sao khéo lãng mạn, suy nghĩ viển vông... Người trai lịch thiệp, con ông chủ hàng hiên lành này đã biết rõ địa chỉ của nàng và hứa sẽ đến nhà nàng một hôm nào đây. Hôm nào ? Có nên hỏi rõ ngày không ? Như thế nghe vô duyên lắm. Tự nhiên, nàng nghĩ có thể ngày kia nàng là vợ của người này... Không, anh ta dù sẽ hết sức tỏ tình, ta vẫn từ chối, ta không thể yêu ai hết, vì ta có một nỗi lòng u ẩn, xa xôi...

Nàng liếc qua người trai trẻ để xem nếu thế thì anh ta sẽ thất vọng ra sao. Anh chàng

thầy người con gái im lặng triển miên nên đã quay nhìn ra phía bể khơi. Anh đang nghĩ đến một sự rủi ro. Có thể xe này rớt xuống biển sâu và mọi người sẽ chết hết, trừ một mình anh. Anh cũng thấy ngồi ở chỗ anh đây khó lòng mà tìm lối thoát. Biết đâu anh không kịp thời vọt ra khỏi cửa hẹp này? Biết đâu khi xe lăn lông lốc trên sườn non anh không bị rớt ra ngoài, bám kịp vào một ngọn cây? Biết đâu xuống dưới biển khơi anh không nín thở tìm cách bơi ra... Như thế, anh là một người đặc biệt, có một vận mệnh lạ lùng, một người như thế sau này có thể thành một vĩ nhân. Chắc sau tai nạn, báo chí sẽ in hình anh, sẽ nói đến anh như người có một bản lĩnh phi thường. Anh sẽ viết bài tường thuật những phút rùng rợn vừa qua, hoặc anh sẽ kể lại cho một đôi nhà báo, sau cùng nếu họ muốn hỏi cảm tưởng lúc đó, anh chỉ mỉm cười, làm như không để ý tới, rồi sẽ trả lời vắn tắt :

— Không có cảm tưởng gì lạ. Chỉ hơi ngạc nhiên ít phút ban đầu. Nhưng luôn hiểu rằng cần phải chiến đấu, vượt mọi hiểm

nghèo để sống. Chỉ tiếc tai nạn xảy ra quá sức đột ngột, không cứu sống được ai hết.

Ý nghĩ sau này làm anh vừa kiêu hãnh vừa hơi buồn. Như thế, anh sẽ đành mang một khối hận tình. Người con gái này chết đi sẽ làm cho anh đau khổ không bao giờ nguôi. Suốt đời anh quyết sẽ không lấy vợ, mặc dù bao nhiêu người đẹp yêu anh. Anh nghĩ: — Có lẽ ta thành thi sĩ để khóc thương nàng. Đời sau sẽ nói: « Đó là một mối tình cao thượng nhất từ cổ chí kim. »

Anh chồng tay ra ngoài lễ cửa, chuẩn bị để đối phó với tai nạn. Bỗng anh mang máng thấy rằng từ xưa đến nay anh chưa tỏ ra cao thượng lần nào đối với phụ nữ, có thể cao thượng là điểm mà anh ghét nhất cũng nên. Vậy cô gái này có thể thoát khỏi tai nạn để cùng ta thành vợ chồng. Ta cứu được nàng chuyện này nàng sẽ lấy ta nhất định. Nàng sẽ yêu ta không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng e rằng có một lúc ta không còn yêu nàng nữa. Vóc nàng hơi gầy, nếu để ít lần thê nào cũng phải tiêu điều nhan sắc. Biết đâu để xong, nàng lại chẳng mập sỗ sỗ ? Anh lại

loay hoay tự tạo ra những điều kiện thuận lợi trong óc đăng cứu sông nàng. Dù sao cũng phải cứu nàng, như thể nàng mới chung thủy với ta. Anh không hề nghĩ đến sự phải cứu người khác, kể cả cha anh, có lẽ vì ông ngồi xa anh quá.

Anh quay sang nhìn cô gái hết sức thương cảm. Nhưng anh bắt gặp cặp mắt người mẹ, cặp mắt có vẻ soi thấu gan ruột của anh. Khuôn mặt bà ta bỗng có đủ nét cương quyết của một người tướng giữ thành. Anh lại quay nhìn ra ngoài. Tự nhiên anh thấy yên lòng, bởi vì với một người mẹ như thể hẳn cô gái này chưa có dịp để yêu ai. Ta sẽ tạo nhiều dịp đến thăm nàng, sẽ coi mẹ nàng như là mẹ ta, hơn cả mẹ ta. Ý nghĩ sau này khiến anh tự thấy có đủ can đảm để nhìn mặt người đàn bà. Quả thực, cặp mắt bà ta đã dịu hơn trước. Đây là cặp mắt của một tâm hồn xao xuyến, vì hơn ai hết, người đàn bà này vẫn mang những nỗi thắc thỏm về sự rủi ro mà bà đã nghe nhắc đến ở trên đỉnh đèo. Bà thầm oán trách người tài xế kia đã không biết giữ mồm miệng trong khi đi

đường. Nhưng câu nói của người thanh niên kia mới thực đại dột. Họ đều còn trẻ, ăn chưa no, lo chưa tới. Cũng như những người đi rừng không nên nhắc đến « ông thầy », những người đi xe, đi thuyền không nên nhắc đến tai nạn. Đó là những điều đáng lẽ mẹ họ phải răn dạy họ từ khi còn nhỏ. Bà nhìn mọi người với vẻ ái ngại, nghĩ ngợi rất lâu về đứa con gái của bà... Nếu con gái bà chết đi, thì đời bà sẽ khổ lắm. Nhưng bà có sống sót không ? A-di-đà Phật ! Không nên nghĩ bậy như thế ! Trăm năm mới có một lần. Bà thấy xe chạy mau quá. Lạy Trời, lạy Phật sao cho chuyến này đi được yên ổn. Trời Phật đã từng phù hộ bà nhiều lần rồi và bà chỉ cần cầu khẩn các ngài là qua mọi nỗi lo âu. Thỉnh thoảng bà cũng có đi lễ chùa, lòng thành của bà có lẽ động đến quỷ thần. Phúc phận nhà bà rất lớn, con bà ai cũng bảo sẽ có chồng sang trọng, bà sẽ có nhiều cháu ngoại đều là quý tử... Con gái bà kể cũng xinh đấy chứ ? Rất xinh chứ lại. Nó phải cái tự nhiên quá, gặp ai cũng nói chuyện được, cũng làm quen

được. Đó là kết quả của mấy năm học xa nhà. Nhưng đây là đứa con trai ông chủ, ông này kể ra cũng giàu, cũng là người có ý tứ. Biết đâu chuyện này người ta sẽ không lấy tiền xe mẹ con bà ? Cha con nhà này đã chẳng thuê trọn cả chuyến đây ư ?

Chiếc xe vồng lên, vấp phải ổ gà trên đường. Người mẹ giật mình đánh thót, buột miệng : « Mô Phật ! » Chị đàn bà ngồi bên bật cười. Chị nheo mắt lại nhìn người đàn bà đang giương cặp mắt lo âu. Người đàn bà kêu lên : « Cho xe chạy chậm bớt lại, bác tài ! » Bác tài có vẻ không nghe. Chị đàn bà ngồi bên nói bằng một giọng hiểu biết :

— Thôi đi, cụ ơi ! Người ta lái xe đã bao nhiêu năm trên đường này rồi.

Và chị thấy người đàn bà quả thực buồn cười. Bà này có lẽ ít đi đâu xa, cũng là một thứ nhà quê. Chị đã từng đi bao nhiêu con đường hiểm nghèo gặp mấy đường này mà nào chị có biết sợ là gì. Vận mạng của chị ở đâu, là sự tốt lành ở đó. Có chị là y như xe có được yên ổn hơn lên. Chị cũng như một thứ

bùa khiến ma quỷ phải kiêng nể. Nhưng chỉ có cha Tư tài xê này chẳng biết kiêng nể gì mình. Hôm nào mình lên đèn nơi nó cũng phá phách không ngủ yên được. Chị thoáng nghĩ đến một người khiến chị kiêng nể : đó là vợ của cha Tư, một người đàn bà mà chị thấy là xấu xí, lỗ mãng nhất đời, không bao giờ đi cùng một chuyến xe với chồng nhưng hình như luôn có mặt ở các phòng ngủ để theo dõi chồng. Chị lan man nhớ những đêm gặp gỡ đã qua với người tài xê. Không hiểu tại sao mình lại dễ dãi như thế ? Đáng lẽ phải làm mặt nghiêm hơn nhiều. Đôi khi phải làm như không cần đèn, phải kháng cự lại. Thỉnh thoảng phải giả vờ đau, đau đầu hay là đau bụng để từ chối lúc ban đầu. Giả vờ đau đầu thì lịch sự hơn. Bỗng nhìn thấy người tài xê quay lại, chị trở bà ngồi bên cạnh và bảo : « Bà cụ bảo anh đi chậm lại đây. »

Bà này có vẻ như không chú ý câu nói của chị. Bà thấy rõ ràng giữa mình và chị đàn bà ngồi sát bên mình có một khoảng cách rất xa. Người tài xê vẫn cho xe chạy hết tốc

lực. Không khi nào xe anh lái mà có thể nguy hiểm được. Anh là tay lái sành sỏi, lành nghề. Một thời gian nữa, anh sẽ bỏ lái, anh sẽ mua xe, làm chủ, sẽ thuê tài xế. Anh thấy rằng trừ anh ra, thì bọn tài xế bây giờ chẳng có mấy ai ra dáng. Sau này chắc có nhiều người đi xe vẫn còn nhắc đến tên anh khi qua những con đường dốc hiểm nghèo.

Anh nhìn bóng người tình nhân của anh phản chiếu ở tấm gương trước mặt. Mắt anh dừng lại hơi lâu một chút ở nơi bộ ngực nở nang của người đàn bà. Nhưng rồi con đàn bắt anh phải chăm chú vào tay lái. Anh điều khiển xe lượn quanh sườn núi, vượt qua những khúc cầu hẹp, rẽ ngoặt theo những con đường chữ chi một cách tài tình. Anh thấy trong sự điều khiển máy móc ngày nay, chỉ có lái xe ở những đường này là khó khăn nhất. Mình phải đèn nơi cho sớm. Liệu có xuống sớm được không? Tồi nay sẽ dắt con Sáu đi ăn tiệm nào?

Mảng núi sụp lở hiện ra bên đường. Người tài xế thấy đủ tự tin để cho xe bám nhanh theo triển dốc quanh co và ép sát theo

đường vòng rất ngặt. Mọi người trong xe đều ngả hẳn về một phía. Người trai trẻ có dịp đề sát mặt mình vào đầu cô gái và anh ngửi thấy trong tóc mùi thơm nồng dịu. Anh cô nghĩ rằng đó là mùi da cô nàng...

Người phụ máy, khi xe đổ dốc, ngồi ở một chỗ phía sau ép mình vào đồng hàng hóa và mở rộng cánh cửa sau để có thể duỗi thẳng chân chỗ bực lên xuống. Anh nhìn chiếc quần ka-ki đã sờn hai gối và cả chiếc áo bê bết dầu máy, tự hỏi bao giờ mình mới được sống những ngày thông thả? Anh nghe ngóng tiếng máy chạy, nghe nhịp quay nhanh vùn vụt trên đường, cảm thấy đời mình quay lông lóc trong cuộc sống dồn dập xô bồ, mệt nhọc. Làn khói bụi tỏa sau xe cũng mờ mịt như tương lai của anh. Anh có cảm giác lơ mờ đời anh như một chiếc xe chạy cho đến ngày mòn mỏi, không biết nơi đâu là bến cuối cùng... Khi xe quanh ngặt anh bị ngã vẹo người qua một bên khiến anh cau mặt. Anh nghĩ không tội gì phải nôn nả trên những quãng đường vất vả thê này, khi chờ hàng nhà không cần tranh khách với xe

nào khác. Lúc đó, ở hàng ghề đầu, bác tài mỉm cười nhìn vào tấm gương trước mặt. Chị đàn bà cũng nhìn anh mỉm cười, mắt như ra dầu rằng người ngồi bên cạnh chị đang còn sợ hãi chưa yên. Anh thấy cần phải quay lại nói đùa một câu cho được lòng chị đàn bà :

— Cụ ơi, xe qua khỏi chỗ núi sụp rồi đây. Bây giờ đã gần hết dốc. Chuẩn bị mà ăn cơm nhà.

Anh dặn thêm ga, nhận kèn, định cho xe vòng rộng ra con đường rồi bẻ quặt lại đột ngột để những kẻ yếu bóng vía có thêm đôi chút cảm tưởng về tài năng anh. Nhưng chiếc xe đã quá trớn, đầu xe húc vào một mô đá nhỏ ven đường, dội lại, hất mạnh mọi người vào thành ghề sau. Người phụ máy nhanh như cắt, nhảy vọt xuống đường, trong khi chiếc xe thẳng đà rượt tới, trườn xuống sườn núi cheo leo...

Người phụ máy bị té sấp xuống lề đường, chân xóc vào tảng đá nhọn. Vốn luôn tỉnh táo như đã thường xuyên chuẩn bị đối phó với những trường hợp bất trắc,

anh chồm ngay dậy sau phút bàng hoàng choáng ngợp, chỉ kịp nghe vọng một tiếng rất xa. Anh thoáng nhìn thấy chiếc xe như hộp thiếc nhỏ lăn từ một mỏm đá lớn dưới núi xuống biển rồi mất tăm dạng. Giây phút hãi hùng qua mau như một lần chớp khiến anh sửng sò, tê liệt hết cả cảm xúc. Khi cúi nhìn thấy máu chảy ròng từ chân mình, anh vội ngồi quỵ xuống một tảng đá bên cạnh. Và cũng thoáng trong giây phút, anh có cảm tưởng rằng tảng đá dưới vực kia cũng bết máu đỏ như chỗ mặt nước khóa bằng đã vùi giấu những mạng người trong chiếc xe kia !

**tiếng khóc
dưới chân pháo đài**

« **H**ỒI ấy địch luôn luôn tập kích vào những đồn lẻ tẻ nên ngày cũng như đêm chúng tôi phải tuần tiểu luân phiên. Tôi còn nhớ rõ, vào hôm trưa nắng như thiêu, tiểu-đội chúng tôi trở về phải băng ngang qua cánh đồng Quá-Giáng. Phần thì mệt nhọc sau cuộc lùng lội khá xa, phần bị sức nắng thiêu đốt, chúng tôi ai cũng rã rời. Đi được nửa đồng, các thám-báo-viên cho biết có dấu khả nghi ở trong bãi bấp trước mặt. Lập tức, tôi ra lệnh cho trung-đội phân tán bao vây, phần lớp bọc kín ngả sau là nơi bãi bấp giáp tiếp với một xóm nhỏ mọc lên như hòn đảo con giữa đồng. Sau gần nửa tiếng đồng hồ sục sạo, chúng tôi không thấy gì hết, mặc dù một sò binh sĩ quả quyết có hai bóng người vận toàn đồ

đen lền vào trong bãi rất nhanh từ trước. Những ý kiến này càng làm cho tôi bức tức sau bao nhiêu nỗi mệt nhọc vừa qua. Tôi chắc chúng lủi vào xóm tre kia, nên tức tốc kéo quân cò vây bắt cho kỳ được. Đây là xóm nhỏ vắng vẻ, mọc lên bờ vơ giữa đồng mà đã nhiều lần tuần tiễu chúng tôi không ghé ngang qua, vì biết địch quân không thể nương tựa vào một địa thế như vậy.

Chúng tôi vào xóm, đúng hơn là đôi vườn tre căn cối mà chiến tranh đã đốt sém nhiều vật, bom đạn đã làm xơ xác, tiêu điều. Đôi mái nhà tranh hư mục, sụp nát, ngã khuỵu xuống trên mặt đất cháy khô như những xác chết. Không một bóng người. Không một gà vịt. Những người ở đây đã rời bỏ đi về nơi khác, hoặc bị chiến tranh vùi trong lòng đất. Trời càng nắng gắt và, sự nhọc sức vừa qua càng làm cho tôi điên tiết.

Vừa định quay ra, tôi bỗng dừng lại : một cái chòi nhỏ nép sau một thành mả vôi đã cũ cuối vườn, cạnh vài cụm chuối lơ thơ, cánh cửa sụp kín như vừa động dậy... Tôi

thoáng thấy một đầu người bù rôi vừa khuất vào trong. Lập tức, sau tiếng hô lớn và đầu tay hiệu của tôi, từng loạt súng đạn nổ rền, nồng khét trong nắng chói chang, xuyên nát ngói chòi. Tôi tưởng nghe tiếng kêu rú thật thanh.

Chúng tôi lại gần, tiếng rên yếu ớt từ trong vọng ra... Một người lính châm lửa đột chòi. Khi lửa phừng phực lên cao, bỗng có tiếng thở hồng hộc, rồi một người — không, một xác đàn bà — đâm máu, xô mạnh cánh cửa nhào ra, té ngửa trên chiếc sân hẹp, hai tay ôm chặt trong lòng đồng tử cũ nát thấm máu nhầy nhụa, đỏ lôm. Tôi không làm sao quên được hình dạng góm ghềnh của người đàn bà đầu tóc rôi bù, miệng há hoác, kêu khóc thật thanh, cặp mắt trợn trừng, nét mặt co rúm lại trong một nỗi đau đón quặn quai, giẫy giụa trên nền đất bỏng rồi lại hồng hộc cồ lết ra xa để tránh ngọn lửa hừng hực chồm tới, nhưng tay vẫn giữ khư khư đồng tử. Sự xuất hiện đột ngột của người đàn bà với cái hình ảnh máu me, đau khổ, và góm ghềnh ấy khiến cho chúng tôi

đứng lặng, không ai nói được một lời, lùi dần khi người đàn bà lết tới, đến khi người này kiệt sức, duỗi tay, chúng tôi mới sững sờ thấy, từ trong đồng tử lặn xuống, thi thể một đứa bé con bị đạn chệt tự bao giờ.

Giữa lúc nóng bức, mồ hôi chảy ròng trong lớp áo dày mà sao tôi nghe tê lạnh khắp mình. Tôi quay mặt, vội vã bước đi, không dám nhìn lâu hai xác mẹ con vừa rồi ôm ghì trong đau khổ quằn quại, bây giờ đã rời, cứng lạnh.

Suốt buổi chiều đến tối hôm ấy, tôi cứ cảm thấy day dứt, bồn khoăn. Mãi về khuya, tôi còn đứng lặng trên một chòi canh, và khi ngọn gió từ biển xa xô đưa lên hòa với hơi nước của dòng sông gần đây làm cho không khí trong đêm thẫm buốt tôi mới cảm thấy tâm hồn êm dịu đôi phần.

Trong những ngày sau, hình ảnh mẹ con người đàn bà ấy thỉnh thoảng trở lại trong tâm não tôi như hiện thân của một nỗi oan uổng, một sự đau thương, và mỗi lần như vậy tôi vội xua đi, cô nghĩ đây là kết quả tất

nhiên của thời loạn lạc, đó là trường hợp không thể tránh khỏi của sự tự vệ trong cuộc chiến tranh mà hai đôi thủ không phải chỉ là quân đội.

Một thời gian ngắn sau đó, tôi xin chuyển chuyện nơi khác. »

Trung-úy Kh. dừng lời, uống một ngụm nước, cặp mắt dịu lại, nhìn vào dĩ vãng xa xôi, về mặt trầm đi như chuẩn bị giờ mặc niệm, rồi bằng một giọng đều đều, buồn buồn, tiếp tục câu chuyện :

« Ba năm sau, tôi phải đổi về chỗ cũ. Tôi về giữa ngày mưa lụt, con đàng lờ lỏi khiến gần tôi mịt xe tôi mới đèn nơi. Nước lụt mênh mông từ sông dâng lên và ở đồng ruộng lân cận dồn lại, làm cánh đồng trước mặt tôi tràn ngập như một biển lớn.

Một chiếc thuyền đưa tôi về ngọn pháo đài xây trên gò nhỏ nổi giữa biển nước bao la. Pháo đài dựng lên gần được một năm để củng cố thêm hệ thống cứ điểm quanh vùng Quá-Giáng. Nó nằm giữa đồng, nhìn bao quát được chung quanh, từ bờ sông phía bắc

chạy về các đồng ruộng và thôn xóm phía nam. Trời về đông nên đêm tối xuống mau, chúng tôi ngồi giữa mái chèo vỗ nước sầm đen. Khi vành trăng của đêm mười tám hiện lên le lói, khuất mây ở phía chân trời, thì tôi về tới pháo đài.

Sáng hôm sau, được bàn giao xong nhiệm vụ chỉ huy trung-đội túc trực ở đây, tôi mới có rảnh thì giờ quan sát vị trí. Nước lụt qua một đêm không mưa đã rút xuống bớt, nên tôi có thể nhìn rõ hàng cây lòi còi ven sông, con đường quốc lộ nhập nhò nơi xa và gần vị trí, một cái mả vôi xưa cũ ngập nước chỉ để lộ cái vòng thành đen sì bám đầy rêu rác. Tôi bỗng nhớ lại cánh đồng ngày xưa, bãi bắp lung lộn trong một trưa nắng và cái chòi tranh tiêu điều của hai mẹ con nằm trong xóm nhỏ giữa gò. Nhờ chiếc mả cũ, tôi biết pháo đài dựng trên gò ấy, có lẽ sát đúng nền chòi ngày trước. Xóm cũ đã bị đốt trụi, không còn di tích còn con con và giữa mùa đông lạnh lẽo, nước bạc khóa băng tât cả.

Tự nhiên một sự ái ngại không đâu

xâm chiếm tâm hồn, tôi thấy trong người bải hoải như sau một chứng cảm hàn. Hình ảnh hai mẹ con người đàn bà kia chờn vờn hiện lên, tiểu tụy, rách rưới, máu me, quần quai, thảm khốc. Tôi vội nghĩ sang chuyện khác. Sau ba năm, mẹ con của chiếc chòi rách trở về trong tâm não tôi... Ba năm qua, tôi đã lăn lộn trên các chiến trường, những cảnh trí thay đổi, những cuộc hành quân liên tiếp, những tiếng súng dữ dội và những phút phập phồng bên cạnh cái chết đã xua đuổi khỏi óc tôi tất cả hình ảnh văn võ. Thêm nữa, sự chết chóc của bao người do cuộc chiến tranh gây ra đã hòa đồng hết vào trong quen thuộc, chán chường, con người không thể có phút riêng rẽ để mà suy nghiệm, phân tích, vả lại suy nghiệm, phân tích làm gì, nếu không phải để mang tiếng yều hèn ?

Công việc suốt ngày bận rộn nên chẳng mấy chốc tôi quên lãng được ám ảnh ban mai. Tôi đến, công việc bổ trí lại chiếm hết cả thì giờ. Chúng tôi phân công phòng giữ pháo đài và yểm hộ các vị trí lân cận. Tôi rất

một nhọc vì những ngày đường vất vả, lại thêm công việc bận rộn suốt ngày hôm ấy nên sau khi giao việc cho chỉ-huy-phó, tôi ngủ thiếp đi, đầu gối lên cây súng máy.

Tôi còn nhớ khi giật mình thức dậy vì hơi lạnh theo ngọn gió đêm lọt vào thì trăng về khuya lên cao trên một nền trời vẫn vũ những mây u ám, rọi chênh chênh vào các lỗ châu-mai từng lần trắng dài bệnh bệch, tai tái. Chung quanh, mọi vật chìm trong yên lặng, lạnh lùng mênh mông. Tôi quơ tìm chiếc chăn dạ đắp lên, cô nôi giắc ngủ gián đoạn nhưng không sao ngủ được nữa. Tôi nằm lơ mơ như thê rất lâu, bên tai vọng lại mơ hồ bao nhiêu tiếng động âm thầm của đêm về khuya. Bỗng... từ đâu vẳng lên tiếng khóc rất gần.

Tôi mở bừng mắt, ngạc nhiên, chăm chú lắng nghe.

Ban đầu tôi tưởng mình lầm lẫn với tiếng động nào khác, nhưng dần dần tiếng khóc càng rõ, văng vẳng như tiếng gào than của một đứa trẻ con đang giẫy giụa, quằn quại trong một nỗi đau đớn không cùng.

Tôi nằm im trên giường vải, không muốn động đậy, cảm thấy như tê liệt hẳn vì tiếng khóc lạ lùng nổi lên giữa đêm khuya khoắt trong chồn bô phòng nghiêm nhặt, giữa cảnh vắng vẻ của một đồng nước bao la, trống trải. Tôi cố định thần để nghe cho rõ tiếng khóc từ đâu đưa đến. Nhưng tiếng khóc bây giờ xen vào những tiếng nức nở, những lời rên rỉ, uất ức, rồi cả hai giọng hòa chung trong một hồi kêu gào thảm thiết mà người sắt đá đến đâu nghe thấy tưởng cũng đau nhói tâm can. Tôi nhớ lại mẹ con người đàn bà năm nào và giọng khóc bây giờ cũng giống như giọng khóc ngày xưa nhưng có phần mệt nhọc thông thiết hơn xưa. Nhưng trước kia, tôi có hề nghe tiếng trẻ khóc đâu ? Nó đã chết tự bao giờ trong lòng mẹ nó, có lẽ từ những loạt súng đầu tiên. Tiếng khóc thơ trẻ này nghe vừa lạ, vừa quen, có một âm hưởng kỳ quái khác thường. Phải chăng đó là một cơn mê sáng do những hình ảnh của khung cảnh cũ gợi lại trong tôi ?

Tôi ngồi lên, lắng tai nghe ngóng... Tiếng khóc sau một hồi lâu gào thán trở lại yếu dần rồi lại nổi lên bi đát hơn nữa. Nó vẳng lên từ chân pháo đài, nơi nền nhà xưa, phải chăng oan hồn ngày ấy còn theo đuổi tôi? Không, tôi không tin ma... ma không thể là hiện tượng có thực trên cõi đời này... Tôi đã từng giết bao người và đã ngủ cạnh bao nhiêu xác chết. Ma là gì? Là một sự vật tưởng tượng, bịa đặt, hoặc sự lừa phỉnh của kẻ nào khác hay chính của trí não ta trong cơn huyền tưởng. Không, tôi không tin ma, khi tôi từng được chứng nghiệm rõ ràng qua bao nhiêu lần trong thực tế chiến đấu của đời tôi. Nhưng tiếng khóc ấy từ đâu lại? Tự nhiên tôi cảm thấy lạnh xương xồng và một cảm giác rờn rợn luôn chạy khắp người. Tôi muốn đứng dậy nhưng vẫn nằm yên trên giường như bị những lời than vãn làm cho tê liệt. Dần dần những ý nghĩ về nhiệm vụ của tôi trở lại và tôi tự thấy xấu hổ nếu không hiểu rõ sự thực. Biết đâu có một đứa trẻ nào bị nước lụt giặt vào pháo đài, biết

đâu đó không phải là mưu của kẻ thù để thừa cơ công phá vị trí chúng tôi ?

Tôi gắng đứng dậy, cầm khẩu tiểu-liên bước ra, gọi người lính gác :

— Anh có nghe thấy gì không ?

Người lính lắng tai, rồi đáp :

— Thưa Trung-úy, em không nghe thấy gì hết.

Tôi hỏi lại :

— Một tiếng khóc ?

Anh ta vẫn im lặng, về mặt nghếch lên trong một dáng điệu chăm chú ngơ ngác.

Tôi tiếp :

— Một tiếng khóc rền rĩ như tiếng con nít và của đàn bà ?

Người lính giương đôi mắt trắng dã trong đêm, không nói một lời. Tôi gằn lại :

— Anh vẫn không nghe gì hết ?

— Thưa Trung-úy, em chỉ nghe tiếng gió bên bờ thành, tiếng nước dưới chân tường và đôi tiếng chim rất nhỏ, ngoài xa.

Người lính không nghe tiếng khóc !
Vậy những giọng bi đát kia đã từ đâu lại ?
Tôi đứng yên trong im lặng nặng nề chờn

vờn bao nhiêu cảm giác rùng rợn bởi vì bây giờ tiếng khóc nghe càng rõ hơn, gào lên ào ão hơn trước. Tôi chìa khẩu súng xuống chân pháo đài, hét lớn :

— Ai ở dưới ấy, nói lên !

Im lìm. Một lát, tiếng khóc lại vẳng lên, tỏa ra theo gió lạnh từ sông đưa vào, hun hút qua các lỗ châu-mai. Tôi bóp cò. Từng luồng lửa sáng lòe trong đêm, những tiếng rền chuyển không khí yên lặng và nước bắn tung tóe dưới chân pháo đài, nhấp nhô hiện từng mảng bạc dưới ánh trăng mờ.

Tôi lắng tai nghe. Tiếng khóc vẫn còn âm ỉ, vẳng vẳng, mơ hồ hơn trước nhưng nghe như nổi uất ức nghẹn ngào. Rồi dần dần lại nổi lên, hai giọng sóng đôi, não nề, đau khổ, giọng người mẹ kêu than và giọng đứa con gào khóc.

Loạt tiêu-liên đánh thức lính trong pháo đài gọi dậy bao nhiêu họng súng của các vị trí lân cận. Trong khi xa gần tiếng súng nổ ran, chúng tôi lần lượt bóp cò. Nước tóe tung lên tứ phía, tiếng rền xáo động cả vùng yên tĩnh. Nếu thực có ma thì hồn ma gan lì

nhất cũng bị xua tan.

Sau một hồi lâu, khi những loạt súng đã dứt, tôi vẫn dựa vào thành gác, chăm chú đứng nghe. Cảnh đã dần dần yên lại và nước vẫn vỗ ì ọp vào chân pháo đài. Tôi đoán chừng tiếng khóc đã tắt hẳn. Nhưng không, nó lại bắt đầu vẳng lên, ai oán, rã rời. Đó là hơi thở phì phào trong một cổ họng gần đứt, tiếng nghẹn trong một buồng phổi rách tan. Sau cùng, như một hơi nuôi gắng gượng, tiếng khóc kéo dài, âm ỉ, rồi rú lên như một người đang cào tay trên không để kêu la, hai chân co quắp cõ quờ quạng trên mặt đất đầm máu.

Tôi gọi một sô lính cùng tôi bước xuống pháo đài. Thây vè ngờ ngác của tôi nên ai cũng lộ ít nhiều băn khoăn. Tuy thế, lăm lăm khẩu súng trong tay, họ bước theo tôi, cõ tạo dáng điệu rất là mạnh bạo.

Chúng tôi bước xuống lạng lẽ, tai như mở ra nghe ngóng trong đêm. Tiếng khóc yếu dần, và khi chúng tôi đi đến bậc cấp cuối cùng, chỉ nghe tiếng nước ì ọp vỗ vào chân tường, ngọn gió lùa vào các lỗ châu-mai

giữa cái mệnh mỏng run rẩy của đêm trăng lạnh. »

Giọng trung-úy Kh. như chìm hẳn xuống và ông dừng lại, cặp mắt dò dẫm như những ngôi sao đã ướt mờ sương.

Một người hỏi :

— Thê là cái gì ?

Trung-úy Kh. lắc đầu một cách nhẹ nhàng rồi hơi cúi xuống, thông thả nói :

« Thực khó nói rõ là gì. Sau đó tôi thức đèn sáng, đầu óc chồn vờn bao nhiêu hình ảnh ma quái. Đèn lúc tập hợp, để giữ vững tinh thần binh sĩ, tôi cho họ biết tiếng khóc đêm qua chỉ là tiếng kêu của một con chim ăn đêm bị lạnh, nép mình dưới chân pháo đài mà trí não huyền hoặc đã khéo làm tôi tưởng tượng ra lời than vãn.

Những lời nói đơn giản ấy chỉ an ủi được binh sĩ chứ không sao an ủi được chính lòng tôi. Riêng tôi, tôi vẫn nghĩ rằng có lẽ cũng có con chim lạc loài kêu lạnh trong đêm hoặc là hơi gió rít qua các lỗ châu-mai nghe như những lời than oán, nhưng

chính thật ra tiếng gào khóc kia đã vọng thăm thiết từ nơi hồn tôi từng gặp cái chết oan uổng mà tôi gánh phần trách nhiệm.

Chắc ai cũng có thể đồng ý với tôi rằng chiến tranh cho phép ta giết kẻ thù để đạt chiến thắng, để tự vệ, nhưng ta không có quyền giết những kẻ vô tội. Ai từng chiến đấu mà chẳng có lúc giết lầm ? Nhưng mặc dù ta vận dụng bao nhiêu lý lẽ để che dấu với người khác, ta vẫn không thể che dấu lòng ta. Con người thực trong mỗi kẻ chúng ta vươn lên đòi một sự sống tự do cao đẹp, luôn luôn kêu thét trước sự tàn nhẫn, trước cảnh bắt công. Chúng ta chiến đấu là để xây dựng nên con người ấy, đâu phải để biến đổi nó thành loài ác thú ?

Có lẽ hình ảnh người đàn bà gầy guộc và đứa trẻ thơ vô tội kia có đủ hình nét thăm khốc để đánh thức dậy ở nơi lòng tôi những sự rung động về nghĩa nhân ái, về lòng thương yêu, về tình trắc ẩn. Nếu có thể gọi sự việc vừa kể là ma thì ma là tiếng vọng của lương năng con người trong khi tha thiết đòi hỏi công bình, nhân ái. Tiếng gào

khóc của đứa bé phải chăng là tiếng kêu cứu của những con người hiện nay đang bị tàn sát, dọa dẫm oan uổng, tiếng người mẹ gào than phải chăng là sự cảnh cáo thồng thiết nhất của con người đang cố gắng đến cùng lực để bảo vệ cái vốn quý hóa nhất của chính mình ?

7-1958

giấy nhận

BÁC CƠ — người bác họ tôi — nghèo thật là nghèo. Và như hầu hết những người nghèo khổ, bác nuôi trong lòng những nỗi xót xa, những mối oán hờn.

Bác sống trong ngôi nhà nhỏ giữa một khu vườn đất thổ đã mòn sinh lực, nhìn ra đồng lúa xanh tươi, xưa kia là miền hoang địa. Trong đồng lúa ấy, có nhiều đám ruộng do bác ra công khai phá từ hồi còn trẻ, nhưng bây giờ thành gia sản của nhà Hương Mộc. Những năm mất mùa đói khổ, Hương Mộc vui vẻ cho bác vay tiền và sỗ lời được gia tăng một cách quái gở bằng những mảnh khoe gian ngoan cho đến mức độ không thể trả nổi món nợ chắt chõng, bác đem từng đám ruộng một để mà gán trả.

Mỗi lần như thế, Hương Mộc cõ dầu niềm vui mong đợi nhiều ngày, làm ra bộ mặt miễn cưỡng, lần lượt tóm thâu hết ruộng của bác về mình. Bác Cơ, trong mấy ngày đầu mất ruộng, mỗi sáng khi chõng cửa lên, thấy những vạt lúa xanh um trước mặt, không nén được sự đau lòng, lăm bắm chữi rửa mặt mình rồi ngồi rất lâu, quay nhìn về một nơi khác.

Thiều hản phương tiện sinh sống, sự sa sút càng ngày càng đậm như mái tranh nghèo xơ xác càng xác xơ thêm không che kín được gia cảnh tiêu điều, đẩy bác ra khỏi đất vườn cằn cỗi. Từ đây, bác ra phố chợ giúp việc cho gia đình tôi: lợp nhà, bửa củi, đưa tôi đi học nơi xa, thâu hoạch mùa màng những chỗ ruộng nương cách bức, đôn đốc người làm ở trong xưởng máy những buổi thấy tôi vắng nhà. Mỗi khi gặp dịp làm mùa, bác trở về quê, xong việc lại đến với gia đình tôi, luôn luôn chịu đựng cuộc đời với một gương mặt khắc khổ, nổi bật đôi môi mím lại nhẹ nhàng, chực sẵn một lời nguyên rủa, và cặp mắt hơi sâu, sáng tỏ, phẳng phất nụ cười



Sa-Déc

Friday, August 26, 2016

quen thuộc của những câu chuyện tiêu lâm.

Một hôm thấy tôi nhờ bác về quê mượn thêm một sò người lên nguồn mua tranh để lợp mây dấy nhà ngang. Trong lúc chờ thấy tôi giao tiền, bác thầy thấy tôi ngần ngại trước xấp bạc mới, cặp mắt sáng quắc của bác bỗng chớp rất nhanh như thoáng hiện qua một ý nghĩ gì, nên bác vội vàng nói:

— Anh cứ giao đủ cho tôi sò bạc mới này.

Bác gọi thấy tôi bằng anh, tuy ngôi thứ tộc họ thấy tôi chỉ là vai em, điều ấy quá sức dễ hiểu đến nỗi không còn chút gì gọi là chua chát, mỉa mai. Mỗi lần thấy bác sắp sửa mở lời, thấy tôi thường thường nghiêng mặt một bên và hơi cúi đầu, lắc lư chút ít, làm vẻ như không chú ý chút nào để khỏi xâu hổ cái chính một tiếng xưng hô trái ngược. Tuy thế, thấy tôi vẫn nghe được bác nói gì. Và thấy tôi thường trả lời vội vàng, vắn tắt, lựa chọn cách nói thế nào để khỏi phải dùng một tiếng xưng hô. Những cuộc nói chuyện ngắn ngủi ấy hình như vương bận một sức đè gì khiến cho trở nên khó

chịu nặng nề hết sức.

Thấy tôi vẫn nhìn một bên, hỏi lại :

— Bạc mới lên nguồn làm sao mà mua ?

Ở vào thời ấy, mỗi lần phát hành bạc mới phải mất hàng năm người dân miền quê, nhất là mạn nguồn, mới biết tiêu dùng. Nhiều con buôn gian ngoan thường lợi dụng bạc mới chưa được phổ biến để lừa phỉnh, tráo chác nên người dân quê để phòng bạc mới như phải nghi kỵ những người ngoại quốc lạc loài. Nhưng bác Cơ nói :

— Anh cứ giao tôi, chiều nay tôi phải về nhà có việc. Ngày một, bữa kia tôi mới đi mua. Từ đây đến đó rồi liệu cách đổi.

Nhận xong hai mươi đồng bạc mới tinh (thời ấy vài ba đồng bạc có thể nuôi sống con người cả tháng), bác Cơ vội vã về nhà. Sáng hôm sau, bác dậy thật sớm, lấy cơm xôi nhẹ vào góc từng tờ bạc một và đem dán cả lên tấm sáo cũ treo ở giữa nhà. Rồi bác đem tre ra ngồi trước ngõ, dưới bóng mây cụm tre già, lui cui đan giỏ.

Một lát, khi mặt trời đã lên cao lửa khoảng ánh sáng chiêm lầy cánh đồng trước

mặt thì Hương Mộc cũng hiện lên trên màu lúa xanh um với cái dáng dập lênh khênh, gầy gò. Hương Mộc từ khi chiêm được sò ruộng, sáng nào cũng đi rảo quanh ít vòng qua các bờ lúa, chiêm ngưỡng gia sản tân tạo của mình một cách chăm chú, lăm nhăm tính toán về những món lợi có thể hứa hẹn sau này. Chính cái hình thù lênh khênh ấy, lạng lạng ấy, lượn trên những vạt lúa ấy, làm cho bác Cơ khó chịu thảng ngày. Và bác sẵn sàng nắm lấy bất cứ một cơ hội nào, dù là nhỏ nhặt đến đâu, để làm dịu bớt nỗi khổ của mình.

Lúc Hương Mộc quay về, đi ngang trước ngõ thì bác Cơ đứng dậy, thì lễ rất là khiêm tốn. Bác không quên mời mọc Hương Mộc vào nhà. Và Hương Mộc ngày xưa thường đi băng qua vườn bác để về cho gần, từ khi chiêm được sò ruộng, có lẽ cảm thấy mình không có quyền xâm phạm quá mức đến phần của riêng thiên hạ nên đi lối khác, bây giờ sẵn sàng ghé vào thăm chơi, để lát nữa về lối sau cho đỡ được đoạn đường chừng vài trăm thước.

Vừa ngồi xuống chiếc chõng tre, Hương Mộc bỗng trợn mắt nhìn lên tầm sáo giữa nhà, lộ lộ dán đầy những tờ bạc mới. Nhưng vốn khôn ngoan, Hương Mộc quay nhìn nơi khác và nói về chuyện mùa màng, thuê khóa, và sau cùng thừa một lúc có vẽ hững hờ nhât, làm bộ bắt chợt bức sáo và hỏi :

— Giấy gì mà dán nhiều vậy ?

Hỏi xong lại nhìn nơi khác. Bác Cơ chậm chạp nhìn lên bức sáo, mỉm cười một cách thật thà rồi lại ra vẽ hững hờ y như dáng điệu của khách, trả lời :

— À,... mấy tờ nhãn đó thằng Tâm giữ bò ở dưới đàng cái lượm được hôm qua. Chắc là giấy nhãn dán thuốc, xe nào làm rớt.

Câu nói dôi trá của bác dễ khiến Hương Mộc tin là thành thật. Bởi vì ở cuối đồng làng có đường quốc lộ băng ngang và trẻ chăn trâu, chăn bò thỉnh thoảng vẫn lượm được những cửa rơi từ các chiếc xe vun vút chạy qua, hoặc chiếc mũ dạ phai màu của người phụ máy ngồi thượng trên mui, hoặc cái khăn choàng mùi thơm phưng phức của cô bà nào lơ đễnh ngủ gà, ngủ gật, nghiêng đầu ra khỏi

thành xe, đôi khi là vật sáng đẹp mà không biết gọi là gì và để làm gì.

Hương Mộc cô đầu hồi hộp, nói rất thông thả, bình tĩnh :

— Trông ngộ đó chứ ? Có nhiều mà dán cho kín bức sáo thì cũng dễ coi. À, mà chỉ có bấy nhiêu sao ?

Bác Cơ đang chăm chỉ dọn hai tàn thuộc để vắn làm một, chậm rãi trả lời :

— Dạ cũng không rõ. Chắc là có nhiều nhưng lũ trẻ chia nhau đem về mà chơi.

— Này...

Sa-Déc

— Dạ ?

Friday, August 26, 2016

— Thôi, cũng không có gì quan trọng. À, cho tôi xin ít cái nhé ?

Vừa nói Hương Mộc vừa sán lại phía bức sáo :

— Tôi xin vài cái cho lũ trẻ nhỏ ở nhà nó chơi.

— Chắc không được đâu, thấy Hương à. Thằng Tâm không có đồ chơi, lượm được mấy cái nhẵn này nó mừng quá lắm. Để trưa nó dẫn bò về tôi dỡ nó xem. Cái nghề con nít là vậy, cái gì nó thích thì nó giữ lấy cho

được chứ nay mai đây chán rồi thì nó gỡ xuống, nó đột liên liên.

Hương Mộc vẫn dán mắt chăm chăm vào bức sáo gập gù, tán thành :

— Phải rồi, con nít là như vậy đó. Biết đâu trưa nay đi về là nó không lòi cả xuống mà xé mất hết.

Sau câu nói ấy Hương Mộc cảm thấy mình đã lộ sự chủ tâm quá nhiều đến mấy tấm « giấy nhẵn » nên vội chuyển qua câu chuyện làm ăn. Một lát Hương Mộc bèn hỏi lửng lơ :

— À, mấy hôm nay có ra giúp việc ngoài ông Tú không ?

Qua câu hỏi này, bác Cơ thoáng thấy một sự dò la, nên vội lắc đầu, trả lời :

— Ông Tú có nhẵn nhưng còn mắc việc, chắc đôi bữa nữa tôi mới đi ra ngoài ấy.

Yên tâm về nỗi bác Cơ không rõ giá trị của các giấy nhẵn vì bác chưa có thì giờ ra phố chợ tiếp xúc với loại giấy này, Hương Mộc đứng dậy ra về. Ra sân, Hương Mộc làm như chợt nhớ điều gì, quay bảo :

— Này, thằng Tâm đi về bảo nó có đót mấy tờ giấy nhãn thì để lại cho bọn nhỏ nhà tôi mỗi đứa một vài tờ, nghe ? Tôi sẽ cho khoai mà ăn. Kệ, mình cũng tạo dịp cho bọn trẻ nó vui vẻ với nhau.

Rồi Hương Mộc cười một cách thân thiện, đoạn nói nhỏ hơn :

— Mà nó lượm được cái giấy nhãn này kể cũng vui đó. Chớ như lượm được những mớ truyền đơn thì cũng chết cha. Bữa sau khuyen nó đừng có táy máy thầy gì cũng lượm mà nguy cho cả xóm làng, chớ chẳng chơi đâu.

Dứt lời Hương Mộc quày quã, băng phía vườn sau mà về.

Nhưng được một lát thì bác Cơ thầy thẳng Tịnh, thằng Hí, con của Hương Mộc, chạy lên. Thằng Tịnh hỏi :

— Tâm nó về chưa ?

Bác Cơ vừa cười, trả lời :

— Bữa nay không biết chừng nó ở lại dưới đồng, đèn chiều mới về.

Hai đứa có vẻ thất vọng. Thằng Tịnh lớn hơn, khoảng mười hai tuổi, làm bộ

không chú ý gì đèn trong nhà, chỉ đi loanh quanh trước sân, ngắm nghía hết dàn mướp lại ngắm nghía hàng cà, thỉnh thoảng đuổi một con chuồn-chuồn nhưng cứ cò tình bắt hụt để được bận rộn trong khi chờ đợi thằng Tâm. Thằng Hí nhỏ hơn, không dầu được sự tò mò, đi thẳng vào trong, kêu lên :

— Giày nhẵn khéo quá anh Tịnh ơi!
Vào mà xem này.

Nhưng thằng Tịnh còn đang bận đuổi chuồn-chuồn. Hí quay lại thấy bác Cơ vẫn ngồi chằm chỉ vót tre dưới một bóng mát cạnh nhà, bèn cò nhướn lên để gỡ một tờ giấy nhẵn ở trên bức sáo. Nghe động, bác Cơ quay lại và cười khà khà, bảo nó :

— Chú nhỏ, đừng gỡ nhẵn chứ ! Giày nhẵn của thằng Tâm đó. Đừng gỡ, nó về nó khóc, tội nghiệp.

Thằng Hí xây lại hỏi thẳng :

— Cho tôi xin một cái thôi.

Bác Cơ lắc đầu :

— Qua (*) không tiếc gì với em đâu,

(*) Qua : tiếng miền Trung có nghĩa là tôi, ta, dùng để xưng hô thân mật khi người lớn nói với kẻ nhỏ hơn mình.

nhưng của thằng Tâm lượm được, để cho nó chơi. Nhà em thiếu gì của khéo, của lạ, thềm ba cái giấy nhân này làm gì.

Thằng Hí mở miệng :

— Cha tôi...

Nhưng nó kịp thời nín lại. Lát sau, nó chạy đuổi theo anh nó ngoài vườn, rồi hai anh em mất dạng sau mấy bờ tre. Bác gái nhìn theo bảo chồng :

— Gớm, xem cái lũ nó tham, rõ thiệt cha nào con này.

Bác Cơ đáp lại với một vẻ mặt khắc khổ hơn những ngày thường :

— Bọn nhỏ biết gì, nhưng tại cha nó bày sữ. Mụ xem, chuyện này chưa chịu hết đâu. Chắc là bọn nhỏ chạy xuống dưới đồng để tìm thằng Tâm. Nhưng tôi đã dặn con mình từ lúc sáng rồi.

— Ông dặn làm sao ?

— Tôi bảo nếu ai hỏi đến, cứ nói : « Mấy tờ giấy nhân tôi lượm ở dưới hàng cái, tôi để tôi chơi ». Nhất định là không chịu đổi thứ gì.

Bác gái nhận xét một cách tự nhiên :

— Thè là mình già đầu rồi mà còn dạy con nói láo.

Bác trai làm thỉnh. Giây lâu bác mới thùng thỉnh trả lời :

— Nói láo cũng chưa xấu xa bằng đi ăn cướp của người.



Quả đúng như lời bác Cơ, câu chuyện vẫn chưa chịu hết. Đến trưa, khi thằng Tâm dắt con bò gầy về thì đã có thằng Tịnh, thằng Hí lẽo đẽo theo sau. Vào sân, thằng Tâm nói như phân trần với cha :

— Đã bảo để chơi mà cứ chạy theo đòi đòi cho được. Kỳ không ?

Rồi quay lại hai đứa kia, nó nói xằng giọng :

— Tôi không đòi đâu. Chừng nào tôi chơi cho chán thì tôi đem xuống tôi cho.

Bác Cơ đứng lên và nhìn thấy hai đứa trẻ đang đấu dưới nắng, mồ hôi nhễ nhại, bác thấy bất nhẫn, bèn nói :

— Thôi hai em về đi. Thằng Tâm chơi

chán thì qua bảo nó đem xuống cho hai em trước. Về đi kéo nắn.

Hai đứa lủi thủi ra về. Bác Cơ nhìn theo rất lâu, chép miệng, lắc đầu, bảo với bác gái đang ngồi chụm lửa dưới bếp :

— Mụ Cơ à, trông hai thằng nhỏ mà tội. Về nhà không khéo lại bị lão Hương đánh nữa. Vậy là cha cũng không xong, con cũng không xong, chắc là đền mẹ phen này.

Và bà Hương Mộc đền thực. Vào lúc giữa trưa, bà đi vào nhà bác Cơ, bên nách kẹp một chiếc mủng đựng đầy khoai bột. Vừa lau mồ hôi, bà vừa nhìn lên bức sáo, toan tìm một câu vào chuyện cho thực hữu hiệu thì bác Cơ đã dò la :

— Tội nghiệp, lúc sớm hai đứa lên xin bớt vài tờ nhần nhưng thằng con tôi nó cứ giữ lấy nó chơi. Tôi bảo chúng về kéo nắn, mà chắc bọn chúng la cà đâu đó cho nên mới bị ăn đòn. Hồi nãy đi ngang sau vườn, tôi nghe chúng khóc, tội nghiệp.

Rồi bác quay nhìn nơi khác nhưng vẫn cố tình dò xem nét mặt bà Hương để biết những lời phỏng đoán của mình có đúng sự

thật hay không. Quả nhiên, bà Hương dầu nhanh một sự lúng túng, ngượng ngập, rồi đáp :

— Lũ con của tôi hư lắm, cứ đợi có dịp là chạy đi chơi bắt kẻ nằng mừa. Ông Hương thấy chúng đi về mồ hôi mồ kê nên cho mỗi đứa ít roi để cho chúng nhớ. Chúng bảo là đi lên đây vì thích giầy nhẵn của thằng Tám lắm. Nhưng thích thì thích, chứ của người ta, mình biết làm sao ? Tôi bảo : « Thôi thì bay cứ ở nhà, tao đem khoai bột lên đổi kiếm cho mỗi đứa vài tấm là xong ». Chắc chỗ bà con làng xóm chú thím ở đây cũng chẳng hẹp gì mà không chiều ý trẻ con. Cái nghề con nít là vậy. Chiều lắm thì nó sinh hư nhưng mà đạo làm cha mẹ thầy nó quá sức ham hồ mình cũng khó nổi cảm lòng.

Bác Cơ ngồi nghe với một vẻ mặt bình tĩnh đến độ lạnh lùng. Bác thừa hiểu rằng mỗi tờ giầy nhẵn có thể đổi dư mười mùng « khoai bột nhà giàu » (*). Giây lâu, bác nói :

— Thôi bà Hương cứ việc về đi, đừng

(*) Thứ khoai nấu chín, chà nhỏ thành bột. Khoai nhà giàu thường nhỏ, mịn hơn và có trợn đường để dành ăn cả năm,

có đôi chác làm gì. Chỗ quen biết, gần gũi, ba cái giấy nhân có dàn-giá gì mà phải nhọc lòng. Để thằng con tôi chơi chán tôi bảo nó đem xuống dưới nó cho. Vợ chồng tôi chỉ có đứa con mụn, cưng chiều quá lắm nên nó sinh hư, khó bảo. Tôi cũng nghĩ như bà, đạo làm cha mẹ thấy con quá sức ham hồ mình cũng khó nổi can ngăn nó được.

Về mặt bà Hương như tái hẳn đi, mồ hôi bây giờ như muốn túa ra nhiều hơn lúc này, khi phải chịu đựng sức nặng của một trưa hè thiêu đốt. Bà bèn đổi giọng năn nỉ :

— Thôi thì đổi cho mỗi đứa một tờ thôi vậy. Tội chúng nó quá. Nó biết tôi nói thế nào cũng được nên đang chờ đợi ở nhà.

Bác Cơ kêu thằng Tâm lên :

— Tâm ? Sao ? Mày nhường cho các anh mày vài tờ giấy nhân nghe không ?

Thằng Tâm ở nhà dưới đi lên với một thái độ hết sức cương quyết, bởi vì mẹ nó đã nghiền răng lại sau mỗi câu nói dạn dò dưới bếp từ khi nom thấy bà Hương vào nhà. Nó nói :

— Cha để tôi chơi, tôi không chịu đâu.

Bà Hương ngọt ngào :

— Thì chỉ hai tấm giầy thôi. Rồi lấy khoai này mà ăn, có trộn nhiều đường lắm đó. Nhường cho hai em hai tờ nhãn thôi, nghe ? Hai tờ xâu xâu cũng được.

Thằng Tâm quay đi :

— Tôi không chịu đâu.

Rồi nó đi xuống dưới nhà. Bà Hương thở dài. Bác Cơ cũng thở dài theo, phàn nàn :

— Con cái vậy đó, không dạy bảo được.

Rồi bác an ủi bà Hương :

— Thôi, bà cứ về, đèn mai nó chơi chán rồi tôi sẽ đem xuống ít nhất là năm sáu tờ.

Bà Hương đứng lên, để mừng khoai lại :

— Tôi gởi khoai cho thằng nhỏ. Khi nào anh chị có xuống dưới tôi, sẽ đem trả lại cái mừng cũng được.

Bác Cơ chưa kịp từ chối, bà Hương đã vội ra về.

Đợi một lát cho bà Hương đi khỏi, bác gọi bác gái :

— Bà ấy bỏ khoai lại đây mà đi về rồi, thề có chường không ? Mụ lấy cái nón rồi

mang xuống trả kèo để sáng ngày vợ chồng nhà nó lại bảo mình ăn hao hụt. Nhớ đi chậm chậm, theo ngả sau vườn mà vào, thề nào cũng nghe được vợ chồng nó chửi nhau. Đợi chửi xong xuôi, mụ hãy đem vào mà trả và liệu cách nói cho khỏi mất lòng.

Khi bác gái đội cái nón toi tả lộn trong trưa nắng chói chang vừa về đền ngỗ, bác Cơ đã ngồi chực sẵn trước thềm ;

— Thề nào ?

Bác gái ngồi bệt xuống nền nhà, cầm cái nón quạt lia quạt lia rồi nói qua giọng thờ ơ :

— Chao ơi là vợ chồng nhà nó chửi nhau ! Chỉ vì ba tấm giấy nhãn.

Bác Cơ chậm rãi đứng lên gỡ hết sớ bạc dán trên bức sáo, sắp lại cẩn thận và đem cắt kỹ. Bác nói :

— Đền mai tôi ra ngoài chợ. Lão Hương có lên thì bảo là tôi đi xuống dưới đồng. Hỏi giấy nhãn thì bảo tôi giận thằng Tâm cứng đầu, làm tôi mất lòng với hai ông bà cho nên tôi đột mất rồi. À, lấy cái giấy báo

cũ này xé vụn mà đốt cho cháy lem nhem rồi trộn với tro bỏ dón bên bếp, nghe chưa ? Giả bộ gọi lão xuống bếp, chỉ cho lão thấy để lão bứt luôn sồ râu, sồ tóc mọc thêm từ khi cướp được ruộng đất nhà mình.



Sáng hôm sau, bác Cơ lại ra nhà tôi. Bác trao xấp bạc lại cho thấy tôi và nói :

— Anh đổi bạc cũ để mai tôi đi nguồn sớm. Hôm qua tôi gặp nhiều người có tiền mà không ai biết đó là bạc mới.

Rồi mỉm nụ cười, bác lại nói thêm :

— Cho đèn vợ chồng Hương Mộc ở trong quê mình mà cũng cứ tưởng đây là giấy nhân.

Thấy tôi đang nghiêng đầu về một bên tránh tiếng xưng hô trái ngược nên không đọc thấy nụ cười nở trên khuôn mặt khắc khổ của bác và không lưu ý đến câu bác nói, chỉ xem như câu bông đùa lạt lẽo, vô duyên.

ông thần bất đắc dĩ

Do sự gợi ý của truyện « Ông
Thần Trắng » (H. G. Wells)

ÔNG cô của tôi ngày xưa là người
tướng mạo rất tốt. Rất tốt thế nào,
thú thật là tôi không rõ, bởi vì lúc
ấy cha mẹ của tôi cũng chưa mở mắt chào
đời. Còn ông nội tôi trong khi kể lể câu
chuyện khá đặc biệt này cũng chỉ lặp lại hai
tiếng « rất tốt » mà không mô tả mặt mũi tay
chân cô tôi ra sao, có lẽ là vì văn học thời ấy
chưa có nghệ thuật tả chân. Nhưng chỉ cần
nói như sau là tất cả người kém thông
minh nhất trên cõi đời này cũng biết lặp tức
cô tôi tốt tướng thế nào : hồi ấy người Pháp
vừa đánh chiếm xong nước ta, vội vã xây
dựng một nền đô hộ cho thực vững chắc nên
đã cấp tốc tuyển mộ một số binh sĩ bản xứ
và cô tôi được lựa chọn trước hết, không cần
phải đo chiều cao, chiều rộng, không cần thử

mất thử mũi chút nào. Sự lựa chọn mau chóng ấy làm cho gia đình của cô cảm thấy vinh dự hay là nhục nhã thì tôi quả tình cũng không rõ luôn, cho nên không dám đặt điều vẽ chuyện để làm tăng thêm danh giá cho gia đình mình. Nhưng theo nội tôi thuật lại, thì cô của tôi lúc ấy trong bụng không thấy vui về chút nào. Điểm này khi tuổi còn nhỏ, tôi tin hệt sức dễ dàng. Đến khi lớn lên nghĩ lại, tôi hơi ngờ vực, e rằng nội tôi dụng tâm nói thế để cho cô tôi ra vẻ là người chừng nào cũng có dòng máu cách mạng ở trong dạ dày.

Nhưng theo chuyện kể thì cô buồn bã thật tình, không biết là vì có gì. Ở trong quân đội cô thường ít nói, ít cười và thường biếng ăn biếng ngủ. Sự lười biếng toàn diện này có những hậu quả tai hại thế nào về mặt sức khỏe thì lũ con cháu ngày nay là chúng tôi đây không mấy ai biết, vì vào thời ấy người ta chưa quen đo lường con người bằng cân kí-lô. Tai hại về mặt ái tình, thì cũng xin chịu, bởi lẽ các cụ ngày xưa thường rất kín đáo về cái điểm này, không như bạn

trẻ chúng ta ngày nay rêu rao inh ỏi trên báo tìm bạn bốn phương để mà gỡ rối tơ lòng ! Nhưng về mặt công danh thì hậu quả tai hại thực là rõ rệt : cấp trên thấy cô không có tinh thần phục vụ tích cực bèn phái đi lên trần đóng ở trên vùng núi để cho bỏ ghét. Lúc ấy, người Pháp mới tạm ổn định vùng xuôi, nên vội nghĩ đến trần áp đồng bào Thượng-du và cô được cái hân hạnh đến đóng ở một đồn binh đầu tiên giáp ranh miền Thượng.

Tới nơi, vào ngày thứ nhất, mỗi sáu của cô cũng theo độ cao núi rừng mà tăng kịch liệt. Qua ngày thứ hai, nhân dịp hành quân vào một vùng núi, thừa lúc mọi người ngủ trưa mê mệt giữa cảnh nặng nề chướng khí sơn lâm, cô bèn đi trốn vào rừng.

Trong lúc ra đi cô có mang theo một khẩu súng trường, một cái đèn bầm và ít bánh khô sữa hộp đủ dùng trong một tuần lễ. Suy ra sự trốn thoát này có thể do những nguyên nhân tư tưởng sau đây : một là cô vốn có máu giang hồ lãng tử thích chuyện mạo hiểm phiêu lưu nên mới đào ngũ vào rừng, quyết tâm đánh đá với loài thú dữ một phen. Hai

là cò săn dòng máu cách mạng — một thứ cách mạng dưỡng lão — nên quyết vào rừng sống với cỏ cây hơn là sống với bè lũ thực dân tàn ác. Ba là cò có chất máu phong kiên thâm niên nên muốn chinh phục bộ lạc thiếu sò để được làm vua một cách dễ dàng, được có kẻ hầu người hạ, ngủ sớm dậy trưa thông thả một đời. Có thể cò tôi có một trong ba dòng máu kể trên, hoặc có cả ba cũng chưa biết chừng.

Trong cuộc hành trình gian nan của bảy ngày đầu chắc có lắm chuyện ly kỳ nhưng không được nghe nội tôi nói đến. Riêng tôi vốn không ưa gì những chuyện quái đản lại thầy nói tốt về dòng họ mình vốn là một thứ tình cảm phong kiên nguy hại hơn thứ nào hết cho nên xin được làm thỉnh ở cái đoạn này để bắt đầu nói về ngày thứ tám.

Đền ngày thứ tám cò tôi đã hết lương thực. Hỏi nhỏ tôi lấy điều này làm sự thắc mắc lớn lao vì tôi nghĩ rằng không có lý gì một người quân nhân trong tay có đủ súng đạn đi ở trong rừng suốt cả tuần lễ mà không tìm được thịt rừng nhậu nhẹt thì thật

vô lý không thể tin được. (Vào trường hợp này, thì tôi đã hạ cả voi, mổ lấy tim phổi đem ra bọc lá vông rừng mà làm nem nướng chứ lại!). Khi tôi nhả nhó chặt vắn điểm này, nội tôi ngừng lại ấp úng giây lâu khiến tôi sinh nghi đoán rằng có lẽ cô tôi thuộc vào lớp người cầm súng chỉ biết bắn nỏ chứ không bắn trúng bao giờ. Rốt cuộc, nội tôi ra về trịnh trọng bảo rằng :

— Theo như tao biết, lúc còn sinh thời cô của chúng mày vốn là một người hết sức từ bi.

Kể ra mang súng vào rừng mà còn giữ được đức độ từ bi thì quả là người hiếm có. Chính vì cái đức độ ấy mà đèn đúng ngày thứ tám thì cô suýt chết ngất đi vì đói. Sau này, nghiệm mãi, tôi mới biết rằng sở dĩ cô phải khổ sở như thế là vì trong khi vội vã đi trốn, cô quên đem theo túi đạn và chỉ còn có một viên nằm trong lòng súng mà thôi. Bởi vậy, cô phải khư khư giữ lấy viên đạn độc nhất như một bà mẹ đa nghi giữ cô gái mọn của mình đến tuổi dậy thì. Cuối cùng, kiệt sức lắm rồi, cô nghĩ mình phải đi tìm cái

chết cho thực cao thượng nên người đem hết sức tàn còn lại hi hục leo lên tảng đá rất cao và nằm dài ra nhắm nghiền đôi mắt mệt mỏi để ngấm tử thần. Thiêm thiếp giấc nồng như thê không biết bao lâu, đèn khi mở mắt thì trời đã chiều. Gió núi lạnh lạnh khiến cô tỉnh trí và cô thấy rằng người ta khó lòng mà chết theo lời cao thượng cho nên cô lại tụt dần xuống khỏi tảng đá. Cô định chờ đèn đêm về, dò xem có dấu lửa nào để tìm đèn *buồn* cho được gặp gỡ con người. Lúc ấy, cô đã tha thiết thềm nhớ con người lắm rồi. Bởi vì, như trên đã nói, cô tội hết sức đói bụng.

Vừa mới tụt xuống, cô bỗng nghe những tiếng người léo nhéo từ xa. Cô vội leo lên một tảng đá nhỏ gần đây, ngồi chờ. Hoàng hôn đèn quá vội vàng, rũ xuống núi rừng một màu tím sẫm. Từ dốc núi bên kia một đám người lơ nhơ tiền lại. Nhưng trái với điều cô tội mong đợi, họ không lên thẳng đầu dốc mà men theo dọc triển núi, đi một lối khác. Trong bóng nhá nhem, cô đoán họ là một đoàn người Thượng làm rẫy trở về.

Ráng hết sức mình để gọi nhưng tiếng của cô khuất chìm trong muôn ngàn giọng rì rào của rừng núi hải hùng trước bóng hoàng hôn. Dần dần thấy họ đi qua ở dưới tầm mắt mình mà không cách gì gọi được, cô tôi hốt hoảng, tự liệu không sao đuổi kịp, luồng cuồng giây phút sức nhớ viên đạn độc nhất có thể giải thoát cho mình, cô bèn hấp tấp lẩy cò. Tiếng nổ vang rền dội lại ở các sườn non cùng với ánh lửa xẹt sáng trước mặt khiến cả đoàn người dừng lại lập tức. Họ đứng im lặng một hồi như để nghe ngóng, đảo đầu nhìn quanh tìm hỏi từ đâu vọng lại tiếng thét kinh hồn. Cô tôi rút chiếc đèn bầm rọi xuống. Ánh sáng phát ra một luồng xanh nhạt chiếu tỏ đoàn người khiến họ cùng ngối rạp xuống trong một dáng điệu vô cùng sợ hãi.

Giây lâu cô bèn chiều đèn lên mặt của mình nhiều lần, cốt cho họ nhìn thấy rõ được mình và đưa tay trước ánh sáng liên tiếp vẫy gọi. Bây giờ họ mới từ từ đứng lên rồi một người già khúm núm đi trước, cả đám lăm lũi theo sau. Lúc ấy đêm đã xuống quá

vội vàng, chung quanh chỉ là một vùng đen dày, cò phải rọi đường cho họ tiến tới. Nhưng càng đèn gần cò bỗng kinh hoàng khi thấy mỗi người trên tay đều cầm một mũi lao nhọn, người nào người nấy về mặt hết sức dữ dằn. Trông cách ăn mặc và đồ trang sức cò biết họ thuộc về một bộ lạc ở vùng núi cao và nhiều lái buôn xông xáo miền Thượng đã nghe đồn đại về sự nghi kỵ đặc biệt của họ đối với những kẻ xa lạ lạc loài vào *buôn*. Cuộc đời cò tôi có thể kết thúc nhanh chóng ở đây, rồi cuộc thâu gọn trong một chiếc sọ phơi khô quanh năm hong khói đen sì treo trên giàn bếp. Đang còn lo ngại, cò thấy họ đứng cả lại rồi theo mệnh lệnh của người đi đầu cả đoàn tiến lên vòng quanh lấy cò và cùng quì mọp xuống đất với một dáng điệu vô cùng kính cẩn. Họ đều cúi đầu, lâu lắm mới dám ngước lên hình như bị ánh đèn « pin » chói mắt nên lại vội vàng cúi xuống. Cò tôi đành phải ngồi im như thê, không dám cất lời, cứ việc rọi quanh ngọn đèn như một con mắt kỳ lạ soi xét tất cả. Biết mình đã được lớp người thiểu số ở nơi

hiếm hóc tôn sùng như một thần linh, cồ thực vô cùng bồi rồi. Cồ bèn kiểm điểm xem mình có những vẻ gì đặc biệt đã khiến cho người khiếp phục: thì ra tiếng sủng nổ rách lá nhĩ và ánh đèn pin sáng loà cả mắt, đó là nguyên nhân của lòng sùng bái đột ngột. Lớp người ở bộ lạc này chưa hề có dịp tiếp xúc với nền văn minh Âu Tây vừa đem gieo rắc ở dưới đồng bằng cho nên tưởng đây là những khả năng thần thánh. Ngoài cái vóc dáng to lớn và một bộ đồ trông cũng lạ mắt cồ tôi đã chinh phục họ bằng cái tiếng hét to hơn cả tiếng hổ gầm và con mắt sáng hơn cả vì sao. Một khi không tìm hiểu được, trí tuệ rũ xuống mái đầu hàng phục để nghe tiếng nói van lơn vắng dậy từ tim. Giờ lâu sợ mây cục pin nguội điện trong khi súng hết đạn rồi thì cái thề lực của mình sẽ bị đe dọa cho nên cồ đành vẫy tay ra lệnh bảo họ đi về. Tức thì họ đều ríu ríu đứng lên lui thủi xuống dốc, khuất dần vào trong bóng tối. Sau đây cồ tôi lại phải leo lên trên tảng đá lớn để mà trần trọc trong nỗi chưa chát được làm một kẻ linh thiêng phải chịu cơn

đôi giày vò.

Quá khuya, trong khi chập chờn nửa thức nửa ngủ, cô nghe những tiếng reo hò và chột mở mắt thấy có ánh lửa rọi sáng từ xa. Cô gượng ngồi dậy, vội vã tụt xuống chỗ cũ. Lần này cô cẩn thận dựa lưng vào một tảng đá để khỏi ngã nhào vì mệt. Ánh sáng lan dần, nhiều người cầm đuốc tiến tới. Lần này họ đèn khá đông, gần như kéo cả dân *buôn* yết kiên vị thần giáng hạ nên cô thấy cả ông già, bà già, các cô con gái và những trẻ con. Họ vòng quanh cô với vẻ thành kính như trước, rồi quì mọp xuống một lát. Xong, họ cùng đứng lên chắt lửa chung quanh bắt đầu nhảy múa. Cô phải ngồi yên, giữ một vẻ mặt hết sức nghiêm chỉnh, hai tay đặt ở trên đùi, đôi chân xếp bằng để lộ đôi giày « sơn-đá » tựa đỉnh lờm chờm. Lửa đốt nhiều quá khiến cô gần như nóng bỏng, mồ hôi tuôn ra như tắm. Lại thêm khói xông mù mịt cay mắt không sao chịu nổi nên cô chẳng còn thấy rõ họ làm những gì ở chung quanh mình. Lờ mờ qua hai lỗ tai đã gần như không muốn nghe gì nữa vì

bụng trống rỗng bào xót liên hồi có tiếng reo hò, ca hát, tiếng trống tiếng mõ lóc cóc, bập bùng, và ngủ thiếp đi...

Khi cô tỉnh lại, dân làng đã kéo đi hết, đồng lửa âm ỉ gần tàn. Cô đoán tư thế ngủ ngối lúc này chắc chưa làm giảm uy tín của mình. Có lẽ dân *buôn* ưa một vị thần yên lặng như gỗ hơn là một kẻ bẽ trên cựa quậy quá nhiều. Nhưng càng được họ sùng bái bao nhiêu thì cô có nhiều triển vọng chệt đói bấy nhiêu cho nên suốt đêm hôm ấy người phải băn khoăn cho cái uy thế mỗi lúc càng tăng của mình. Chỉ sợ cứ cái điệu này thì trong ngày mai, vào lúc nào đó, cô sẽ lăn kềnh ngay đơ, mồm sùi bọt mép và chệt không về vang gì giữa những cặp mắt trờ ra kinh ngạc không hiểu tại sao lại có vị thần biết cách nằm dài gan lỳ như thế. Hoặc giả, qua vài hành động tầm thường quen thuộc của người, chẳng hạn như sự ho hen, ợ ngáp, cô tội lộ rõ cũng chỉ là người như họ mà lại mạo xưng một cái danh vị quá cao thì những mũi lao nhọn kia có nể nang gì gan ruột của cô tội nữa? Tình hình cấp bách quá đối cho nên

cuối cùng cô đành phải đợi thật khuya mới mò theo hướng dân làng đã đi để tìm bắt cứ một nương rẫy nào. Cô phải chặt vạt để vào trong một vườn bắp bẻ trộm một sò trái già rồi lẹ thọt lết về chỗ cũ lúi trong đồng lúa gần tàn để nướng. Vừa ăn cô vừa nghĩ đến thân phận của kẻ được người kính sợ và tự hỏi rằng một lòng tôn trọng như vậy thực ra là để làm gì? Ăn xong, cô tội phải vất vả lắm mới giấu sò củi còn lại để cho ngày mai lớp người không tìm thấy được dấu vết.

Nhờ thế, hôm sau cô thấy tỉnh táo và dậy thực sớm. Sau khi đã lo tiểu tiện, đại tiện vội vàng và chôn lấp những thứ của phạm tục này hết sức kỹ lưỡng, cô bèn ngồi vào chỗ cũ. Được một hồi lâu, cô nghe hai chân tê điếng, muốn đuổi thẳng ra cho máu lưu thông thì thấy có vài bóng người đi đèn. Đó là một người đàn ông và một người đàn bà, thấy đều già nua, có lẽ là hai vợ chồng. Người vợ đặt một nắm xôi rất lớn trên chiếc lá gói trước cô rồi cả hai người quỳ xuống, vẻ mặt buồn bã, lẩm rầm nói những lời gì rất lâu mà cô không sao đoán hiểu. Thỉnh thoảng hai

người ngược nhìn vị thần, ra vẻ mong đợi một sự chấp thuận. Phần vì tê chân, phần vì có mỗi cảm tình nồng hậu với xôi, nên sau một lát lập nghiêm, cồ bèn lim dim cặp mắt nhìn đôi vợ chồng và sẽ gật đầu. Cả hai không nén được sự vui mừng, đứng dậy cúi xuống để kính chào và bước ra về. Đợi họ đi khuất cồ mới lăm lét nhìn quanh rồi thò tay ra véo một góc xôi đưa lên ngó miệng. Vừa nhai rất gấp cồ tự hỏi rằng cặp vợ chồng kia ao ước những gì? Cẩn có con chẳng? Giàu có hay chẳng? Hay là cầu cho trâu lạc trong rừng lại tìm thấy được? Lợn lòi đừng phá rẫy nương? Dù cho mong mỗi điều gì cồ tôi cũng chỉ là kẻ bắt lực, bởi vì cồ không nghe rõ tiếng nói của người, không thể làm được như người. Trong khi vừa ăn vừa sửa năm xôi còn lại cho được gọn gàng, cồ vừa nghĩ ngợi lan man đến cái sồ phạm kỳ quặc của mình. Gần trưa cồ nghe xương xồng gần muồn gầy sụm hẳn đi. Đang muồn ngả lưng một tí cho khỏe thì bỗng thoáng thấy một người tiền đèn. Đó là một gã thanh niên vạm vỡ vác choàng trên vai

một con mang tơ, có lẽ vừa mới sẵn về. Gã đặt con mang đã chết vì nhiều vết đâm ở trước nơi cổ ngồi, chòng chọc nhìn lên mặt người một cách ngờ vực. Sau cùng mặt gã xịu lại trong một dáng điệu ép buộc, gã quỳ xuống lẩm rầm chiều lệ vài câu rồi vội đứng lên vác lấy con mang đi thẳng. Cồ đoán gã phải tuân theo bộ lạc cấm tạ vị thần đã giúp cho gã săn được con mỗi hôm nay nhưng chắc trong thâm tâm gã thấy rõ rằng không ai giúp gã, ngoài cái sức khỏe và sự lanh lợi của gã.

Về khinh khinh ấy làm cô mất đi chút ít hứng thú về cái ngôi vị của mình và khi người trai đi rồi cô thấy mỗi một nhiều hơn, chán nản nhiều hơn. Nắng trưa xuyên qua những cành trụi lá rơi xuống chỗ ngồi khiến cô phải di dịch mãi trên cái mặt đá nóng bỏng. Cồ càng thấy rõ tất cả khổ sở của một con người phải sống cho đúng khuôn khổ cứng nhắc để hưởng một sự trọng vọng thật sự không đem lợi ích về cho bất cứ một ai. Suốt cả buổi trưa rồi đến buổi xế cô cứ cựa quậy để tránh sức nắng trong khi cả người

ê ẩm khác thường. Nếu cứ tiếp tục được người thờ phụng lời này thì trong vài ngày cô sẽ chết vì cảm nắng, cảm sương hay vì tê liệt cũng nên. Cô định bụng rằng nếu như đồ cúng dồi dào thì cô sẽ ráng ngồi lại nhiều ngày ở trên tảng đá và khi tối đèn cô sẽ luyện tập thể dục cho giãn gân cốt trở lại. Nhưng đèn xê chiều tường không còn ai đèn nữa, cô vừa cởi giày, cởi vớ thò chân xuống dưới tảng đá cho bớt tê nhức thì bỗng có người đi đèn. Sự xuất hiện quá đột ngột khiến cô không kịp rút cặp chân lên, đành phải ngồi im như thê trong một dáng điệu hết sức sượng sùng. Lần này tuy vẫn lim dim cặp mắt cô rất chú ý quan sát con người trước mặt, bởi vì kẻ vừa đi đèn là một cô gái khá xinh. Cặp mắt cô ta ươn ướt hình như vừa khóc và cô chỉ cầm nơi tay một bó hoa rừng. Trong đời cô tôi cũng thích chơi hoa nhưng chưa bao giờ cô thấy ghét hoa cho bằng lúc này. Giả sử thay vì hoa đẹp cô ta cầm ít củ khoai, trái bắp thì cô của tôi bằng lòng hơn nhiều. (Những người trẻ tuổi đáng ghét là họ thường xét việc đời theo ý

thích họ cho nên cô thiếu nữ kia cứ nghĩ rằng thần thì thích hương hoa. Mới biết thần thánh thực là khó lòng trường thọ với bọn thiếu niên). Cô gái bắt gặp đôi chân trần truồng của cò, có vẻ ngạc nhiên, thấy cũng đủ nguyên năm ngón như ai, nhưng nhờ bàn chân lâu ngày chun mãi trong giày trông cũng trắng trẻo khác thường nên cô vững tâm đèn trước cò tôi quý xuống và gục trên đất kể lể. Hình như cô có điều gì buồn lắm, đau khổ lắm lắm cho nên thấy cô chỉ trở nhiều lần vào ngực của mình. Cò tôi đoán chắc cô ta khổ sở vì tình, bởi vì khi còn trẻ tuổi người ta chỉ thấy có mỗi tình yêu là đủ bén nhọn để làm đau đớn mà thôi. Lúc cô ngược lên, chao ôi, mặt mày tiêu tụy chừng nào ! Trông mới đáng thương làm sao ! Cò tôi cảm thấy lòng mình bồi hồi khó tả. Tưởng phải nhắc lại thời ấy cò còn tuổi trẻ, và phải lang thang nhiều ngày trong núi nhứt định là cò phải thấy thương hại cho kiếp đàn ông trơ trọi một mình. Nhiều lần cò muốn rút khăn mùi-xoa ở trong túi quần ra lau nước mắt cho cô gái nhỏ nhưng sức nhớ mình là

vị thần linh cồ lại phải rón dần lòng để nguyên hai tay bầu chặt lầy hai bắp đùi. Đó là giai đoạn hết sức bí hiểm trong suốt quãng đời thần thánh ngắn ngủi của ông cồ tôi. Cô gái cứ kể, cứ khóc rầm rứt và cứ ngẩng lên nhìn cồ như muốn cho người hiểu thấu nỗi lòng. Cồ hiểu hết sức, hiểu nhiều lắm lắm, nhưng biết làm sao trong khi cồ không thể nào xử sự như người ?

Cuối cùng, sự thử thách ấy thật là quá lớn đối với một người trai trẻ đa cảm như cồ của tôi. Và khi cô gái đứng lên, sắp sửa quay đi thì cồ đưa chân kẹp lầy... chân nàng !

Người con gái chỉ kịp thét lên một tiếng dữ dội khác thường, một tiếng rú dài kinh khủng, và nàng dần lầy chân ra, không dám nhìn lại, tròn chạy tới bờ, băng qua cây rừng đá núi, lông lóc lăn tròn xuống dốc trong sự tốt độ hãi hùng.

Cồ tôi, sau khi tỏ tình theo lời cổ truyền, cũng đứng sững sờ nhìn theo. Và cồ nhận thấy rõ rệt là mình từ đây đã hết linh thiêng kể từ trên đầu cho đến dưới chân. Bởi vì cồ

đã hiện rõ nguyên hình là một con người. Và thần thánh giả khó lòng sống lâu ở giữa người thật, cô tôi vội vàng chạy lui vào rừng trước khi cô gái có đủ thì giờ kể lại sự việc khủng khiếp vừa qua với những dân *hồn*...



Về tới đồn cũ — không hiểu làm sao về được tận nơi, nội tôi cũng cho là sự phi thường — cô tôi báo cáo là mình bị lạc trong rừng. Đã sẵn thành kiến với cái tinh thần tiêu cực từ trước của cô, lại không ưa gì một người binh sĩ trong lúc ngủ trưa có thể đi lạc gần mấy tuần lễ, cho nên các cấp chỉ huy vội vàng cho cô giải ngũ để cô tự do đi lạc về nhà.

Thực ra câu chuyện làm thần của cô trên đây là tôi thuật theo ý nghĩ của mình. Ngày trước, khi tôi còn là một đứa bé con, nội tôi kể lại hoàn toàn khác hẳn. Nội rất hãnh diện khi có một người tiền bối của mình làm thánh làm thần cho nên mỗi khi nhắc lại việc này, vẻ mặt của nội có đủ khí

phách của một dòng dõi thiêng liêng. Cứ y như lời nội tôi kể lại thì cô của tôi không đòi bao giờ, không khổ bao giờ, cũng không chán nản bao giờ mà thật hoàn toàn thích thú trong cái vai trò thần thánh giả mạo. Cho đến lý do bỏ núi trở về cũng được nội tôi tô điểm rất là nên thơ, bảo rằng cô đã bị lòng nhớ quê giày vò nên đã từ giả địa vị cao siêu trong sự luyện tiều lạ lùng. Hồi nhỏ tôi tin theo đúng nguyên văn như thế. Bây giờ nghĩ lại, thú thật là tôi hoài nghi không sót chỗ nào. Tôi dám chắc rằng cô tôi phải rất khổ sở khi sống xa cách mọi người, không còn được xem như người bình thường mà bắt buộc phải xem mình như một thần tượng thật là quá sức khó coi. Nhất là mình chẳng có những tài năng siêu phàm mà cứ muốn làm thần thánh thì quả buồn cười đến chảy nước mắt. Cô tôi có nhiều chứng cứ tỏ rõ là người thành thật, tất nhiên người phải đồng ý với tôi về những điểm này. Trả lại sự thật nguyên vẹn cho người để người gần gũi với nhân loại hơn, tôi tưởng là cách báo hiếu tốt nhất ở trong trường hợp đứa cháu

thiếu thôn tất cả như tôi hiện giờ.

Và lẽ nói đại, nếu như chẳng may tôi rủi có chút tài năng và được một số thiên hạ ngó ngán cho tôi chọn lấy một trong hai điều : hoặc là làm thánh làm thần xa cách mọi người, hoặc là làm kẻ bình thường ở trong thiên hạ, thì không một giây ngán ngại tôi xin cho tôi làm kẻ bình thường. Để mà được ăn — dù là ăn món xôi nguội — và được thương yêu, dù là thương yêu những người sẵn sàng quay lưng để chạy tròn mình.

11-1960

chất ngọc

Ở đất Hào-Dương có gã Sấm Hiệu sống nghề cày cuốc, tính tình thẳng thắn nhưng rất thô lỗ cục cằn.

Trong buổi tụ họp đông đảo nêu Sấm mở lời cười đùa thề nào cũng làm mất lòng trên ba bốn người là ít. Tính Sấm lại vốn ghét sự làm thính, thấy gì trái ý thì nói chẳng nề nang gì nên đám bạn bè nhiều kẻ xa dần. Con gái trong thôn chưa chồng kẻ cũng khá nhiều vậy mà Sấm không bắt tình được với cô nào. Hễ Sấm mở lời chòng ghẹo thì y như các cô đều háy nguýt, ngúng nguẩy bỏ đi. Nhiều cô gặp Sấm, vội vã rẽ ngang đường khác. Cha mẹ của Sấm già nua, thấy con lớn tuổi mà vẫn nằm ngủ một mình lầy lầm thương lắm, thường mượn mai mối dò hỏi nhiều nơi nhưng vẫn không một nơi nào

ưng thuận. Một hôm đi thăm quê ngoại trở về, Sấm ghé qua núi Trúc-Sơn, thấy ngôi mộ của Lý Thiên Vương cỏ mọc um tùm bèn ngồi mà nhổ. Xề chiều dọn cỏ gần xong bỗng thấy một cô gái lớn từ trong hốc núi đi ra, tay xách giỏ rau. Thấy Sấm, cô gái bèn nói :

— Con cháu bắt hiều dữ ha ! Đã bao năm nay mới thấy tìm đèn nhỏ cỏ !

Sấm trợn đôi mắt tròn xoe quát rằng :

— Nói thề mà chẳng ngượng mồm ! Ta vốn họ Sấm, nào thân thích gì với họ Lý đâu ? Nhưng Thiên Vương đây là người lính già đã hơn mười lần đuổi giặc để cho thôn xóm bình an, chẳng may lại bị giặc giết, thề mà chẳng có một ai quét dọn mộ phần, để cho gai bám bụi lùm như nơi hoang địa. Ngày nay hỏi chúng ta đây được sống yên ổn thì ai chẳng tự xem mình như là con cháu Thiên Vương mà còn phân chia dòng họ ? Người vốn là dân vùng này, tuy rằng phụ nữ nhưng chẳng lẽ quên anh hùng, lẽ đâu cứ ngồi đợi kẻ ở xa dọn cỏ thề này ? Hay là người cho rằng chỉ mộ phần của hàng tướng

lãnh mới đáng hương trăm khăn vái mà khinh nằm đất của hạng sĩ tốt vô danh ?

Cô gái đặt bó rau xuống, chấp tay ôn tồn :

— Thiệp xin chịu lỗi đã dám lỡ lời xúc phạm, nhưng dù không phải là người vùng này, hằng năm vào tiết thanh-minh thiệp cũng đến đây dọn cỗ cho người dưới mộ. Nếu không, nơi đây gai đâm bụi lùm đã giăng phủ kín mất rồi.

Sấm vội kêu lớn :

— Thề thì ta lỡ lời rồi ! Thật ta ngu hơn một con heo nhỏ ! Mong nàng coi như ta không có nói lời nào.

Nói rồi phủ tay, cặp nón chuẩn bị lên đường. Cô gái nép bên vệ cỏ, nhường bước cho Sấm :

— Trời đã xế chiều, rước chàng đi trước kéo đàn bà đợi ở nhà.

Sấm cười rất to :

— Ta chưa có vợ làm gì mà có đàn bà đợi chờ ?

Cô gái tỏ ý ngạc nhiên :

— Lớn tuổi thế này mà chưa có vợ thật

sao ? Hay là chàng quyết ở vậy một mình ?

Sấm đáp :

— Dại gì mà ở một mình ! Ta cũng thích cưới vợ lắm, nhưng đã dọ hỏi nhiều nơi mà các cô gái thấy đều một mực chời từ.

Cô gái bèn hỏi :

— Chê chàng điều gì ?

— Chê ta ăn nói vụng về khó nghe.

Cô gái mỉm cười :

— Lây nhau đâu phải vì nơi chót lười đầu môi.

Rồi nàng e lệ nói tiếp :

— Nếu chàng không chê thiếp xấu thì xin vì chàng sửa trấp nâng khăn.

Sấm không dầu được mừng rỡ, la lên :

— Hay lắm ! Ta cũng có nghĩ điều ấy, nhưng sợ nói ra lười vấp gai chông của thái độ nàng.

Cô gái bật cười :

— Bây giờ chàng nói rất hay rồi đó.



Cô gái tên là Chúc-Anh, họ Diệp, ở

Hoàng-gia-trang, cách quê Sấm Hiệu hơn chục dặm đường. Mồ côi cha mẹ, nàng ở với một người cô, hết lòng hiếu thảo. Ông bà thân sinh Sấm Hiệu khi nghe tỏ rõ tình đầu hãy còn nghi hoặc, nhưng sau cho người dò hỏi biết được sự thực thì lấy làm mừng. Sau lễ dạm hỏi, Sấm Hiệu nâng đèn viếng Chúc-Anh, hai bên rất là ý hiệp tâm đầu. Mùa xuân năm sau song thân Sấm Hiệu chuẩn bị lễ cưới cho con thì gặp dịp quan Tổng-trần Hào-Dương ra lệnh tuyển mộ thanh niên gia nhập vào đội Phòng-vệ, vì lẽ tình hình trong trấn càng ngày càng thành bất trị. Sấm Hiệu từ giã cha mẹ và nàng Chúc-Anh lên đường. Quan Tổng-trần này họ Trầm, tên là Chính-Hiệp. Tên nghe rất tốt mà người rất dữ. Tay quan lúc nào cũng vung vẩy con roi sắt, miệng quan gào thét như khắc grom đao, nhân dân đứng trước mặt quan ai cũng run sợ cúi đầu. Quan thích như thề nhưng dân chẳng ai lấy thề làm thích.

Từ khi quan về Hào-Dương thì cảnh đói khổ càng tăng, trộm cướp mọc lên như nấm. Quan bèn cho in nhiều sách thánh hiền

giáo huấn tung ra khắp nơi cốt để ổn định nhân tâm. Sách không ai đọc vì đa số dân đều không biết chữ. Những người biết chữ thì không có đủ thì giờ xem sách. Một số có thì giờ xem, thấy sách nói toàn những chuyện xa xôi, bèn sinh bực tức muốn đi ăn cướp.

Quan bèn lập ra một đội Phòng-vệ để mà đàn áp nhân dân. Bệnh không chịu chữa từ gốc nên chận chỗ này lại phát chỗ kia. Gặp năm trời làm thiên tai, nước sông Bạch-Hà tràn lên sáu dặm ngâm mùa suốt một tháng trời, dân chúng cả miền Trà-Lý phải hái rau cỏ ven núi mà ăn. Kịp đèn vụ thuế, quan bắt dân nộp, tiếng dân kêu trời như bọng. Xã-trưởng bị quan đồn vào thề bức, thắt cổ mà chết. Quan truyền cho lính Phòng-vệ kéo về Trà-Lý bắt trói những chủ gia đình đem về hạ ngục. Khi đội Phòng-vệ sắp sửa lên đường, Sầm Hiệu ra trước mọi người nói to :

— Chúng ta nhất quyết không đi !

Quan bèn nạt lớn :

— Kẻ nào trái lệnh thì ta chặt đầu.

Sấm Hiệu vẫn cứ la to :

— Chặt đầu thì chặt, dân đói thì dân phải kêu, không thể bắt dân giam vào ngục được.

Quan thét :

— Phản tặc ! Mày không biết mày là lính nhà quan hay sao mà dám cãi bướng !

Sấm Hiệu ngẩng cao đầu, dậm chân, trợn mắt cãi lại :

— Ta ăn hột gạo quan cho nhưng lúa gạo ấy chính là do dân làm lưng cực khổ mới có. Bọn ta thật sự là lính nhà dân đây thôi. Khi nào quan cùng với dân một lòng một dạ thì ta là lính nhà quan. Nay quan hại dân thì quan là đồ phản tặc, ta quyết chống lại.

Tổng-trần hạ lệnh đao phủ chặt đầu. Bọn đao phủ thấy Sấm Hiệu mặt đỏ bừng bừng, mắt trợn tròn xoe, vành môi mím lại trong một khí phách kiêu dũng lạ thường, thấy đều khiếp sợ không dám lại gần. Quan phải đòi chặt đầu luôn cả bọn, chúng mới xông vào bắt trói Sấm lại rồi đem cột vào cây trụ, khai đao. Lạ thay, chém trên mười nhát mà đầu Sấm vẫn trơ trơ. Đao phủ thấy

đều khiếp sợ, xanh xám mặt mày. Quan bèn nạt lui mọi người, rút thanh bảo kiếm chém liên ba nhát nhưng hễ mỗi lần lưỡi gươm bén đến da cổ thì hình như bị sức mạnh lạ lùng bật tung trở lại. Quan cũng thất sắc. Sấm Hiệu tuy bị quỷ gôi trời xấp ké vào cột trụ nhưng đầu vẫn cứ ngẩng cao, cả mắt cả miệng đều biểu lộ sức phần bộ mãnh liệt lạ thường.

Quan bỗng nảy ra độc ý, truyền bắt cha mẹ của Sấm, cả nàng Chúc-Anh về dinh rồi truyền cho lính xử trảm. Khi bọn đao phủ đem thanh kiếm còn dính máu khoa lên trước mặt thì Sấm Hiệu chợt thất sắc cúi gục đầu xuống, nhưng rồi lại ngẩng đầu lên. Lưỡi gươm chém vào da thịt, máu tuôn xối xả từng dòng nhưng đầu vẫn không chịu rụng. Quan truyền chặt đầu những người chồng thuê ở thôn Trà-Lý vừa mới giải về. Lạ thay, lưỡi gươm dính máu nhân dân chạm vào da cổ thì chiếc đầu của Sấm Hiệu cũng rơi xuống đất.

Tổng-trần hạ lệnh ném xác Sấm Hiệu xuống biển. Trời rất giá buốt, mưa tuôn dầm dề, nửa đêm mấy người thuyền chài lặn xuống mò xác rồi đem vào chôn dưới núi Hào-Sơn. Mấy ngày sau đó, không ai bảo ai mà trên mộ phần luôn luôn có đặt hoa quả hương trầm. Ngôi mộ mới đầu nhỏ bé, nhưng mỗi một người đến thăm bỏ vào nắm đất, nhiều ngày ngôi mộ trở nên cao lớn uy nghi. Ban đầu người ta còn đi cúng lễ lén lút, lẩn lẩn người ta kéo đến khăn vái ngang nhiên, biến ngôi mộ phần của Sấm thành nơi hiển địa. Ngôi mộ càng lớn, tên tuổi Sấm Hiệu càng được lan xa, kỷ niệm của Sấm ở nơi lòng người càng thêm sâu đậm.

Tổng-trần biết sự tình ấy lây làm giận lắm, truyền quân khai quật mộ Sấm để lấy hài cốt hỏa thiêu. Khi quân đào xuống thì xương cốt Sấm đã rời rã từ bao giờ, hòa tan với đất thấm vào cây cỏ, chỉ duy còn lại một khối ngọc hồng như kết tinh lại máu huyết uất hận từ tim.

Quân đem khối ngọc về trình Tổng-trần. Vốn có máu tham, quan truyền rửa ngọc rồi

đem cất kỹ trong nhà. Tồi đèn, quan thầy ánh sáng tỏa khắp gian phòng. Nhìn vào khối ngọc quan bỗng giật mình thấy khuôn mặt Sấm hiện lên, phừng phừng lửa giận, mắt trợn tròn xoe, nhưng hai vành môi trề xuống trong một nỗi niềm thương cảm vô biên. Tổng-trần khiếp sợ, mồ hôi tuôn vã như tắm, vội vàng ngọc nhét vào rương, khóa kỹ, nhưng ánh sáng vẫn chiều ngọc cả phòng. Thâu đêm quan không ngủ được, giật mình thắp thòm nhiều phen, cứ vừa chợp mắt là thấy khuôn mặt dị thường của Sấm hiện rõ.

Mờ sáng quan truyền quân lính đem ngọc ném xuống một vực biển sâu. Tồi đèn mặt bể sáng tỏ một vùng. Ánh sáng rực rỡ lóng lánh xuyên từng lớp nước, chói rạng hào quang, những người thuyền chài mò xuống để tìm khối ngọc. Ngọc không thể giữ làm món của riêng được truyền đi khắp và những kẻ nào ước ao được gặp mặt Sấm bây giờ náo nức tìm xem ngọc quý. Nhìn đèn khuôn mặt, thấy niềm thương cảm đọng ở bờ môi và lửa giận phừng trên đôi mắt, ai cũng

chan hòa giọt lệ. Giọt lệ rơi trên khối ngọc làm cho chất ngọc sáng tỏ lạ lùng. Nước mắt dội xuống càng nhiều, ngọc càng chói sáng. Tiếng đồn càng xa và quan Tổng-trần lại thêm một phen nổi trận lôi đình. Quan bèn hạ lệnh tịch thu viên ngọc, lần này không phải giữ lại để làm của quý mà truyền đao phủ đập tan.

Bao nhiêu sức búa vẫn không chuyển lay khối ngọc. Búa càng nện, ngọc càng lì, người ta tưởng chừng như qua lời búa nện xuống vang vang nghe được giọng nói căm hờn của người lính trẻ. Tổng-trần nhớ lại thanh gươm vấy máu ngày xưa. Và khi lưỡi gươm còn động chát máu nhân dân vừa chém thẳng xuống, ngọc vỡ tan thành mảnh nhỏ trăm muôn. Ở trong mỗi mảnh hồng ngọc lưu ly lại có bóng hình Sấm Hiệu cùng với nỗi giận niềm thương ở trên cặp mắt, đôi môi.

Từ đây, bao nhiêu mảnh ngọc lại được truyền đi trong khắp dân gian. Thiên hạ lưu giữ ngọc ấy làm một bảo vật để gửi lại cho đời sau. Ngày nay có nhiều người lính còn mang

trong lòng chất ngọc lưu truyền, chất ngọc
tượng trưng cho sự kiên quyết, bảo vệ lẽ
phải và lòng thiết tha yêu mến nhân dân.

1-1960

con tư diêm

CHO đến bây giờ tôi vẫn chưa rõ là con
tư diêm thuộc loài lông vũ hay loài
lông mao. Nó đã hiện ra ở giữa quãng
đời niên thiếu ngờ nghệch của tôi đúng vào
lúc nào cũng không làm sao nhớ được. Thực
chẳng có gì là quan trọng hết : nó là con vật
vô tình ở trong một lời hữu ý, nhưng thật
vô nghĩa chừng nào. Tuy vậy ở trong cuộc
đời của mỗi chúng ta, có nhiều nỗi khổ lại
chẳng bắt nguồn từ những sự việc vô nghĩa
đầy sao ?

Con tư diêm có lẽ xuất hiện đã lâu lắm
rồi, ở thời tiền sử cũng nên. Làm sao mà nó
lạc loài vào giữa thế giới loài người, nằm
trong văn học, thực là khó hiểu. Nó bước
vào giữa chúng ta không gây ồn ào, xao động
và ngồi ở giữa chúng ta lặng lẽ, điềm nhiên.

Cứ theo cái lẽ lời ấy, chắc gì nó muốn từ giả chúng ta cho được ? Nhiều khi tôi vẫn cố gắng đem cái vốn liếng nghèo nàn của trí óc mình hình dung ra nó. Tôi đã thêm lông, thêm cánh, thêm cả móng vuốt, gạc sừng thê mà con vật tư diêm vẫn không có một hình hài tạm ổn. Cái nỗi khát khao muốn biết sự thật về nó càng làm cho nó xa dần sự thực, trở thành một vật hoang đường. Dù sao, ở trong nhiều năm con tư diêm ấy chấp chờn trước mặt đã lôi kéo tôi đi vào khá nhiều ngõ ngách cuộc đời. Cho đến một lúc, tôi những ngại rằng có người sẽ biết được nó, nói rõ cho tôi biết nó chỉ là con vật tầm thường như là con kiến, con trâu thì tôi sẽ phải thất vọng bao nhiêu ! Tương tự như người trai trẻ luôn luôn muốn biết sự thực về người yêu mình, lại thấy đau khổ khi gặp được những điều ấy. Do đó, nhiều khi trong sự tha thiết đi tìm sự thực, người ta lại có tâm lòng băn khoăn che dấu sự thực rất đối thiết tha.

Hồi ấy, tôi còn rất nhỏ, học trường Phú-ly xây dựng ở ngay nơi làng mà tôi sinh đẻ.

Học trò học nhiều tiếng Pháp và ít tiếng Việt, mỗi tuần lại có một giờ chữ Hán do một ông thầy vừa điếc lác vừa cà-lăm truyền dạy. Nếu khéo suy diễn, người ta có thể cho rằng người Pháp đã muốn bôi nhọ nền học cổ truyền của ta bằng sự lựa chọn một người như vậy để làm ông thầy. Không rõ ông ta ở đâu, làm gì trước kia, đỗ đạt thê nào (mãi về sau này người ta mới chịu thay thê bằng một ông Tú hiền lành ở tại địa phương) nhưng xem cung cách thường ngày, người ta đều phải cho rằng ông ta chắc đã nứt ra từ gốc cây nào đó. Không phải nói thê là tôi khinh thường các vị tôn sư và đem gieo rắc ở trong sách vở một thứ tư tưởng hỗn loạn của người từ chối cương thường. Trái lại, suốt trong nhiều năm đi học tôi vẫn coi thầy như là một thứ đền thờ, một chôn cất khả xâm phạm. Thời ấy, nếu mà lỡ dại tôi nhìn thầy được thấy dạy của tôi làm một việc gì ô uê (điều này, xin thừa là tôi có dịp nhìn thầy thường xuyên) thì tôi chỉ biết nhắm con mắt lại, cúi cái đầu xuống, lắc qua lắc lại nhiều lần rồi bước thật nhanh để tỏ

rằng tôi quả không dám có một cái cảm tưởng nào hết về người trời sinh để dạy dỗ mình. Nhưng cũng không phải nói thề là tôi khinh người tàn tật. Trái lại, tôi vẫn dắt gậy cho những người mù qua đường, vẫn cò đứng nhìn vào chân của kẻ què quặt và không tỏ vẻ rất cổ bồng hòng chút nào khi nói với người điếc lác vào loại kinh niên.

Tôi phải giới thiệu ông thầy của mình như vậy, là vì quả thực ông ta như vậy. Không rõ ông thầy của tôi đối với thánh hiền có sự sôt sắng nào không, nhưng đối với đàn bà góa thì thấy tỏ ra có lắm nhiệt tình. Như thề, nên xếp vào loại xâm phạm thuần phong mỹ tục, hay là thực hiện chủ nghĩa nhân đạo vì đã xẻ ngọt chia bùi với kẻ cô đơn ? Thú thật, tôi không dám biết. Chỉ biết từ ngày thấy tôi về dạy ở tại quận lỵ thì có lắm sự bàn tán xôn xao chung quanh cuộc đời « tiết hạnh khắp hong » của nhiều góa phụ. Sự chăm sóc của thầy tôi đối với các bà quanh quẽ ấy xem chừng đã hơi đi quá giới hạn thánh hiền chỉ định nên có một lần một bà phải kêu hoảng lên trong lúc đêm hôm khuya

khoắt. Sáng dậy thấy tôi cải chính những lời đồn đại một cách điềm đạm, khả kính, cho rằng giữa lúc tôi tắm thấy tôi đã đi lộn đờng, nhầm lẫn cái buồng của « con mụ ấy » với cái ăng nước sau hè. Những tiếng « con mụ ấy » thấy tôi nói bằng một giọng khinh thường rất mực, có vẻ xưa nay không hề lưu ý mấy may đến những hạng người như vậy. Cuối cùng, thấy tôi hạ lời phê phán :

— Đàn bà thực là đáo để khôn ngoan ! Bất cứ dịp nào là họ cũng lợi dụng được để mà « huyền truyền » cho cái đạo đức của họ.

Cứ theo như ý thấy tôi thì bà góa ấy đã lợi dụng thấy, đợi thấy chạm vào chân giường là vội kêu lên, như tưởng có ý chờ đợi từ lâu để được có dịp phô trương về sự trong sạch lạnh lẽo của mình.

Thấy tôi nói tiếp, hùng hồn trong sự căm lẫn thường trực :

— Nều quả hôm ấy... ta có... làm điều... không phải, thì trời... hại ta... trời hại ta !

Và thấy đưa tay lên trời mà thề, có lẽ y hết đức Khổng đã thề với thầy Tử-Lộ ngày xưa, sau khi ngài vào thăm viếng một người

đàn bà lẳng lơ tên là Nam-Tử. Nhưng mà sau đó thấy giáo của tôi vẫn còn tiếp tục lăm lăm nhiều lượt, khi thì tưởng chồn buống the là cái tử sách, khi thì đoán chắc đó là bàn thờ. Rốt cuộc, những đàn bà góa trong vùng nhất định không chịu chứa chấp thầy nữa, khiến thầy phải than thở nhiều về nỗi nhân tình thế thái và buồn khá lâu cho sự trong sạch quá đáng của mình đã làm nhiều người khó chịu. Nhưng sự phản đối của người đàn bà — dù dưới bất cứ một hình thức nào, và ở bất cứ trong trường hợp nào — xem ra cũng vẫn dễ chịu, cho nên thầy còn tiếp tục giảng dạy khá lâu về cái cao siêu của các thánh hiền cho chúng tôi nghe. Thực ra, chúng tôi nào có nghe gì ? Và có học chữ nào đâu ? Cả lớp cùng theo một sách như nhau, là khi thấy gọi lên bảng thì đọc rất lớn mấy tiếng đầu bài và rồi cứ nói lảm rảm những câu vô nghĩa ở trong cổ họng cho đến một lúc nào đó mới đọc thật to vài tiếng cuối cùng. Trong khi chúng tôi nói nhảm, ông thầy không muốn tự nhận là mình nặng tai nên cứ gục gặc cái đầu ra về bằng lòng.

Mãn cuộc, chúng tôi đều nhiều điểm cả. « Bọn trẻ ngày nay vẫn còn hiểu học », đại khái thấy vừa xếp sổ, vừa khen như vậy.

Nhưng thấy không sao kéo dài sứ mạng cao quý bởi vì bên cạnh những người góa phụ còn có một số đàn ông vồn mồm côi vợ xưa nay, lên tiếng chồng thấy ráo riết đề bảo vệ cho tiết hạnh của các bà này mà họ thấy mình mới chính là kẻ thừa kẻ xứng đáng hơn cả. Họ không công kích cái khoa sư phạm ở trường, nhưng rất bất bình về sự mô phạm ở nhà của thầy. « Mãnh hổ nan địch quần hồ », thấy tôi rớt cuộc phải chịu thua họ, chính lời thánh hiền cũng đã dạy thế từ đời xưa rồi. Nói tóm một câu, thấy tôi phải nhường chỗ lại cho một tôn sư thâm nho hơn nhiều, và có bộ phận suy yếu hơn nhiều. Trước khi thấy rời xóm làng yêu dấu của tôi để mà hát bài « qui khứ lai từ » thì tôi vâng lệnh song thân tìm đến thăm thầy cho đúng cái tình sư đệ trong buổi phân kỳ. Tôi đến lúc trưa, đã tính toán sẵn giờ giấc, đợi thầy ăn cơm xong xuôi lên giường nằm nghỉ là tôi sẽ rón rén vào thưa gửi vài lời kính

cần mà nghiêm đường tôi đã dạy thuộc lòng, trước là cảm ơn cái công giáo hóa lâu nay của thầy có thể sánh với bề rộng trời cao, sau là tỏ sự lâm ly đau xót khi không còn được nghe lời vàng ngọc do thầy truyền lại của các thánh hiền. Nhưng trái với sự dự đoán, khi tôi bước vào thì thấy đang ngồi trên ghê, đánh trần, khoe một cái bụng ba ngàn phong phú chất mỡ và nhịp tay quạt phành phạch vừa giảng cho một người bạn về một vấn đề có lẽ hết sức lý thú nên thầy người kia lúc nào cũng như nhồm sấm mông lên và nheo miệng lại để chực một sự hào hứng sắp sửa bột phát. Sự hiện diện của tôi không làm cho thầy bớt đi chút nào nhiệt tâm trong phần diễn giảng. Hình như trước khi giã từ, thầy muốn đem hết kinh nghiệm bản thân truyền dạy cho người, và sự tận tụy vì nhiệm vụ ấy không cần đòi hỏi nghỉ ngơi là giấc ngủ trưa, không cần đêm xía đèn những tình cảm nhỏ nhặt là sự viếng thăm của đũa học trò. Tôi cứ ngồi yên một chỗ, ban đầu loay hoay cô làm cho con người mình nói rộng thêm ra để thấy lưu ý mà hỏi han



Sa-Déc
Friday, August 26, 2016

đền, nhưng sau biết rõ mình chỉ là một thánh giả hạng bét, tôi cò thu hẹp mình lại để thấy khỏi phải bận tâm về tôi trong khi giảng giải. Hồi ấy tôi cho làm thề là tỏ thái độ tôn kính, một sự tự quên mình đi để vừa lòng thấy. Nhưng về sau này, nghĩ lại tôi thấy thật tình tôi không cao thượng như thề. Nguyên là câu chuyện của thầy hôm ấy có rất nhiều điểm hấp dẫn nên tôi cứ ngại thấy sức nhớ ra có tôi ở đó mà vội chấm hết thì uống không biết chừng nào ! Thấy nói chuyện gì ? Làm sao mà tôi có thể thuật lại cho được ? Có nhiều câu chuyện người ta chỉ nghe bằng thứ trực giác chứ không lĩnh hội được hết ý tình. Nhưng điều chắc chắn câu chuyện của trưa hôm đó thuộc về loại chuyện phải được nghe qua một kẻ vắn hờ hay một cái lỗ khóa thì mới là người... sành điệu, nói theo danh từ ngày nay. Ban đầu tôi đã tỏ ý không nghe để khỏi có sự thất lễ, vì theo khuôn khổ giáo dục của gia đình tôi thì để tai vào câu chuyện kẻ khác là mình tỏ ra mất dạy. Nhưng dần dần giọng nói cà-lăm của thầy có phần quyền rũ và trong câu chuyện tôi nghe có lắm danh từ mới mẻ

liên quan phần nhiều đến các cô gái, đến người đàn bà và đàn bà góa, khiến tôi lại tự trách rằng không chịu ghi nhớ lời thầy là đồ... bất hiếu, khó lòng mà tha thứ được. Tưởng nên thú thật là tôi không hiểu gì mấy về câu chuyện thầy, để cho mọi người đừng vội tưởng lầm là tôi thông minh quá sớm. Cò nhiên có nhiều câu chuyện không phải ở vào tuổi nào người ta cũng hiểu như nhau. Chẳng hạn như chuyện yêu đương đã được hầu hết các nhà thi sĩ bây giờ ca tụng và xem như là muôn thuở, muôn nơi, nhưng mà có phải vậy chăng? Hồi nhỏ, nếu bắt gặp anh ta hay là chị ta để lọt ra một bức thư hay một tấm ảnh, dấu hiệu của sự yêu đương, hoặc bắt gặp họ âu yếm với người nào đó thì ta thích nói cho cha mẹ ta biết liền tự sự, bởi vì cảnh ấy ta cho là rất khó coi, là rất lộ bịch. Lớn thêm một ít, ta lại nghĩ ngợi toàn chuyện ái ân ở trong đầu óc, và tưởng như ở trên đời chỉ có ái tình, ái tình muôn năm, ái tình bất diệt! Tất cả sự kiện quanh ta, ở dưới chân ta và trên đầu ta đều được phiên dịch thành ra

tiếng nói yêu đương, کیا chim liến cánh, nào cây liến cành, nhật nguyệt giao hòa, âm dương tương hợp. Nhưng lớn lên nữa, nhiều khi vội vàng chạy theo danh vọng, đuổi bắt lý tưởng, hì hục xây dựng sự nghiệp hay đơn giản hơn vắt vả đem cái hình hài trả nợ áo cơm, ta bỗng sức nhớ đến một thứ gì thật là quyền rũ nhưng mà tồn kém, vui vẻ nhưng dễ lâm ly, cần thiết nhưng khó vội vàng, cái thứ gì ấy, tức là ái tình ! Trên con đường đá gồ ghề giữa vùng tăm tối, lọc cọc bánh xe sinh kê ta đi, ái tình chấp chới ẩn hiện như con đom-đóm nhiệm màu, nhiều khi xe ta đổ dốc quá mau, lạc lối mất con đom-đóm ! Và lúc vắng trán nhăn nheo, mái tóc điểm bạc, hai gòì chồng đỡ nhọc nhằn thân xác, chừng nghe bộ phận gầy mòn gợi niềm bất hoại sau lưng, ta bèn cất giọng khàn khàn nghiêm khắc chỉ trích những trò luyên ái, đem những gân cổ gấn như tê liệt kêu gọi để phòng, để phòng ! Ái tình thật là hiểm nguy, chí nguy ! cần phải bài trừ, tiết chế ! Các nhà đạo đức thường có một điểm gặp nhau là họ đều già, đều mắc phải bệnh

phong thấp, hay cùng một chứng đau lưng !
Như thế, tôi không hiểu nổi thấy tôi ở vào
thời ấy cũng chẳng có gì là lạ. Tôi như con
ôc đang nằm trong vỏ nghe tiếng khua động
rạt rào và một hơi mát nhột nhật bên ngoài,
nhưng biết sao được chiều dài sức rộng của
cơn gió lớn ? Suốt cả câu chuyện của thấy,
bây giờ tôi không còn nhớ gì hết, ngoại trừ
một câu. Sô là đang cơn hăng hái thấy tôi
bỗng nhiên dừng lại, nheo mắt, uồn môi,
nhìn người đối diện một cách quan trọng rồi
mới mở lời một cách bí mật :

— Nữ đại bất giá như tư diêm phạm thủ !

Đợi kẻ đối diện có đủ thì giờ ngơ ngác,
thấy tôi ôn tồn giải thích :

— Đại phạm những con gái lớn chưa
chồng là như cái con tư diêm chạm phải
tay vào ?

Người kia vẫn giương vẻ mặt ngờ nghệch
có vẻ không hiểu cho lắm nhưng không dám
hỏi, ý chừng cho rằng « không biết mà nói
không biết thì thực không biết gì hết » nên
phải lấy sự làm thinh để tạo một cái giá trị
trí thức. Riêng về phần tôi thì cứ bản khoản

tự vẫn không hiểu tư diêm là cái con gì, nó là thê nào, sinh trưởng ở đâu, nhưng vì sợ thầy nên cũng không dám nghi ngờ gì hết về cái trình độ của thầy.

Sau đó hình như thầy tôi còn nói khá nhiều nhưng chẳng chịu giải thích thêm về con tư diêm và chẳng cho biết tại sao chạm phải tay vào thì nó giống như những cô gái lớn chưa chồng. Cả cái quãng đời học hỏi với thầy, tôi chỉ thu thập được bấy nhiêu đó, thu thập ở ngoài giờ học và ngoài chương trình !



Con tư diêm ấy đi vào đời tôi như thê, mỗi ngày càng lớn theo với tuổi tôi và càng biến hóa ra muôn hình thể dị thường. Sự gần bó buổi đầu chỉ do một ý tò mò của tuổi thơ gây khuyển khích nhưng về sau này tôi nhận thấy mình tha thiết với nó vì một lẽ khác: hình như nó đã trót lỡ gây ra nơi tôi một cái ấn tượng kỳ quặc và đã chạm vào tâm lòng tự ái muốn được hiểu biết của tôi từ buổi trẻ thơ, cho nên nó thật khó

lòng xa tôi, một khi chưa có hình thể và sự xuất xứ rõ ràng.

Kể ra tôi cũng đã có bỏ công truy tầm nguồn gốc của nó, nhưng không sao biết rõ được. Hoặc vì những người làm ra tự điển chưa gặp gỡ nó bao giờ, hoặc là những vị thâm nho mà tôi tiếp xúc cũng chưa hiểu nó ra sao, hoặc đó chỉ là một loại danh ngôn, danh lý của ông thầy xưa bày đặt, nhưng tôi chắc chắn là ai cũng có một con tư diêm ở trong đầu óc. Nhiều khi tôi đâm hoài nghi cho trí nhớ mình, tưởng mình nhớ lộn tên gọi, nó là tư du, hay con ti diên, hay một tiếng gì na ná như thế. Tôi đã lục lợi phí công qua nhiều tự điển, cuối cùng nghe đôi kẻ tả tư diêm là một con vật không sừng, ở giữa loại cừu loại dê, sinh trưởng tận vùng Nam hải Bắc sơn gì đó ? Nhưng mà núi Bắc bệ Nam là cái chôn nào. Nghe cũng mơ hồ như cái quê hương của chàng Từ Hải ngày xưa. Nhưng đến một lúc tôi mới nhận thấy mình làm một việc buồn cười. Dù gọi bằng cái tên gì đi nữa, thì con tư diêm vẫn sẵn một cái hình thể nào đó ở trong tâm tưởng của tôi

và hình thể ấy chắc rằng không còn đúng với danh từ y thực ở trong sách vở. Con tư diêm của tôi cũng đã khác hẳn với con vật ấy ở trong đôi môi bí mật của ông thầy dạy chữ Hán vào buổi trưa nào. Nơi ông, tư diêm có thể chỉ là so sánh hơi hột hay là nhận xét hồ đồ. Nhiều khi tôi đã quên bằng nó đi, không nhớ đến con tư diêm danh từ một chút nào hết nhưng bỗng một lúc nào đó, nhìn vào sinh hoạt của mình, tôi bỗng ngạc nhiên nhận thấy thấp thoáng hình ảnh của con tư diêm biến thể đồng hóa vào trong sự sống. Nó chính là một cái gì, người ta cần phải tìm hiểu, cần phải khám phá, nó thật gần gũi, quen thuộc, nhưng rất huyền ảo, mơ hồ. Nó thành một mối khát khao bất tận, một sự thèm thuồng không sao toại nguyện, một thứ cảm dỗ huyền bí nhiều khi sáng sủa rõ ràng, nhiều khi tối tăm, xa lạ. Trong những tháng năm theo học ở các lớp trên tôi cũng chập chờn thấy nó ẩn hiện ở trước sách vở. Tôi đâm chán nản bài học nhà trường, chán những thầy dạy quen nói thuộc lòng những sách xưa cũ, bất bình với

cả tiếng trông đều đặn mỗi ngày điều khiến chúng tôi ra vào ngẩn ngáp, không, không, đó không phải là tư diêm, đó là con gà, con chó, hay là con rắn, con rồng. Tôi bỏ trường học, bỏ thầy, bỏ bạn, chui vào thư viện nhiều năm để tìm cho ra con vật kỳ quái nhưng vẫn không sao tìm thấy. Nghĩ rằng con đường tìm về hang sâu trú ẩn của nó xa xôi vời vợi mà tôi chỉ là một kẻ lên đường thiêu hấn ngựa ký, ngựa kỳ, tôi quay tìm con tư diêm trong những ngả khác. Nhưng trong luyện ái, trong văn chương, trong sinh kê hằng ngày, tôi không bắt gặp con vật đã thành hoang đường, tôi chỉ gặp lại con gà, con chó ngày xưa lẫn quần bên chồng sách cũ.



Nói cho đúng hơn, trong sự tìm kiếm con vật hoang đường vô nghĩa tôi đã thật sự gặp khỉ và gặp thần-lẫn.

Năm ấy, tôi đến Cẩm-Khê vào một mùa mưa, gõ cửa một trường trung học. Ông hiệu trưởng là người lớn tuổi, có một dáng điệu

yên lặng như cảnh núi rừng bao bọc quanh trường, tiếp tôi bằng sự thân mật hết sức điều độ :

— Anh thích dạy về môn gì ?

Tôi đáp :

— Thừa ông, văn chương...

Ông hơi gục gặc cái đầu, đủ tỏ một ý tiếc rẻ rất có giới hạn, rồi bảo :

— Văn chương đã có người rồi. Tất cả môn khác cũng vậy, chỉ trừ mỗi môn vạn vật ở lớp dưới cùng đang còn thiếu người. Giáo sư lớp ấy vừa bị bệnh nặng, phải nghỉ. Anh đã dạy vạn vật chưa ?

— Chưa dạy lần nào.

Ông nhìn vào tôi dò xét, rồi chậm rãi hỏi :

— Có nhận được không ?

— Tôi nhận.

Khi ra khỏi phòng, tôi hơi ngạc nhiên về câu trả lời của mình. « Tôi nhận »... tôi nhận... là vì lẽ gì ? Hối ấy, không phải là vì lý do túng thiếu nên phải nhận liều. Không phải là vì muốn tỏ rằng mình có một khả năng tạp loại. Để có một sự hô ứng ngon

lành với câu trả lời « chưa dạy lần nào » vừa thốt ra chẳng ? Hay bị khiêu khích bởi chính câu hỏi của ông hiệu trưởng nên quyết không muồn đầu hàng ? Những ý nghĩ trên đây chắc đã chia phần trách nhiệm nhưng có một duyên cớ khác, là... con tư diêm. Nhiều năm chạy đuổi bắt nó nhưng không được gặp, tôi vẫn hy vọng có ngày sẽ gặp gỡ nó ở một nơi nào. Núi rừng vắng vẻ có thể là nơi đi lại của giồng tư diêm, và ở trong môn vạn vật lẽ nào lại chẳng thấp thoáng bóng hình của nó ?

Tôi còn nhớ rõ, bài dạy đầu tiên của tôi nói về loài khỉ. Loài khỉ thật quá tầm thường, chẳng có gì là đáng kể. Tôi xem rất kỹ quyển sách giáo khoa, nhớ rõ mắt tai mũi miệng của khỉ và lông và răng của khỉ đều được nghiên cứu cẩn thận bằng các tài liệu chép trên giấy trắng mực đen. Tôi cũng biết thêm các giồng bà con với khỉ, nào hầu, nào vượn, nào hắc tinh-tinh và đại tinh-tinh. Những giồng khỉ đột, những loài bú-dù... tôi đều biết cả, rõ ràng là một nhà giáo thuộc bài, có thể tự hào là người biết khỉ, hiểu khỉ hơn

bắt cứ ai không hiểu gì hết. Tôi đã giảng dạy đầy đủ và rất bằng lòng về mình cho đến phút cuối. Nhưng đến phút cuối, một trò giơ tay xin hỏi. Tôi cho đứng dậy.

— Thừa thấy... con khi có đuôi không ạ ?

Con khi có đuôi hay không, rõ ràng là một câu hỏi hết sức bất ngờ. Bài học nói đủ về khi, kể cả ruột gan, dòng họ, nhưng không nói về cái đuôi. Tôi liếc lại sách vội vàng, sách không nói đến cái đuôi của khi (sau này tôi đã lục lại nhiều sách giáo khoa khác nữa xuất bản ở vào thời ấy (*), vẫn không có một quyển nào chịu nhắc nhở đến cái đuôi). Vậy thì thế nào ?

Tôi loay hoay tìm ở trong ký ức. Tôi đã thấy khi nhiều lần, nhiều lắm, nhưng chỉ nhớ khi là khi mà thôi, còn về cái đuôi thì tôi chẳng dám cả quyết là nó có mặt ở sau móng khi hay không. Chẳng lẽ danh dự dạy dỗ của mình trong buổi ban đầu đành phải tan tành vì một cái đuôi vô nghĩa này sao ?

(*) Năm 1950

Tôi đã bỏ mất nhiều năm đuổi bắt tư diêm, làm sao có thể nhớ được một cái bộ phận tâm thường như vậy ở gần hậu môn một giống tâm thường ? Cuối cùng, không thể kéo dài quá lâu một sự tìm kiếm tuyệt vọng chỉ làm lộ liễu thêm sự dốt nát của mình, tôi đành mỉm cười gượng gạo, trả lời theo một phương sách nước đôi :

— ... À... ừ... khi vẫn có đuôi... nhưng mà... ngắn thôi.

Rồi tôi vội vàng nói sang chuyện khác để tránh cái đuôi tai hại. Tôi vẫn nghĩ rằng, theo lời nói ấy, thì dù có đuôi hay là không đuôi cũng chẳng nguy hại bao nhiêu cho cái uy tín của mình. Nhưng cách sau đây mấy ngày, thực tề đã khéo cải chính một cách cụ thể : một đoàn binh sĩ từ núi kéo xuống đi qua trước nhà tôi trọ và ở trên vai một người tôi kịp nhìn thấy một con khỉ nhỏ với cái đuôi dài vắt ngang qua cổ anh ta. Khỉ đã có đuôi, y như con bò có sừng, con ong có cánh, sự hiển nhiên ấy không phải dễ gì thừa nhận ngay được ở trong thế giới hoang đường của giống tư diêm. Tôi lại đèn lóp,

lúng túng khá lâu mới nở nụ cười cồ làm ra vẻ tự nhiên cải chính những điều tôi đã lầm lẫn với đám học trò chât phác.

Sau này tôi được biết khỉ gồm loại đuôi dài và loại không đuôi. Cái kiến thức ấy, hầu như ai cũng đều rõ, trừ những lớp người mơ hồ theo kiểu của tôi. Giả như khi học trò hỏi, tôi biết nói cách nước đôi như thế thì tôi dễ thành một người u mê thông thái chừng nào ! Và kể từ đây, ở trong thế giới hoang đường của giống tư diêm không có loài khỉ ngắn đuôi.

Bài dạy sau đó học về thằn-lằn, tôi đã đề phòng rất kỹ và sẵn sàng nói về đuôi thằn-lằn rất lâu, nếu có một ai đề cập đến nó. Xong bài, lại có em bé giơ tay.

— Thừa thấy...

— Lại hỏi về cái đuôi à ?

— Thừa không... Thừa thấy, thằn-lằn mỗi lần đẻ mấy trứng ạ ?

Thằn-lằn đẻ trứng, sách vở đã dạy như vậy, nhưng đẻ mỗi lần bao nhiêu thật chưa nghe nói bao giờ ! Tôi liếc lại sách, sách vẫn nghiêm nghị tảng lờ điểm ấy. (Những sách

giáo khoa sau này tìm đèn cũng không có một quyển nào nói tới cái điếm mà học trò tôi muồn biết. Nhờ thế tôi mới dần dà tìm thấy ở trong sách vở có sự vô tình gần như tàn nhẫn đối với khá nhiều sự việc ở đời). Trong lúc tôi đang bồi rồi thì nghe những tiếng xì xầm dưới lớp ; « hai trứng » « hai trứng » khiến tôi rất mực hoang mang. Cuối cùng hiểu mình không thể tìm tòi ở chỗ nào nữa, tôi phải vừa nói vừa cười :

— Cái đó còn tùy đây các em ạ. Hễ con nào mạnh thì đẻ được nhiều. Đèn con người ta mà có khi sinh đẻ đôi, sinh ba nữa đó.

Hơn một tuần sau, khi người chủ trọ dỡ nhà lợp lại, tôi mới có dịp nhận thấy ở trên đầu một sò cột, từng cặp trứng trắng xinh xinh nằm sát bên nhau. Tôi chợt hiểu rằng những học trò nhỏ biết nhiều hơn tôi về môn vạn vật. Tháng ngày chúng sống ở nơi ruộng đồng, rừng núi, quan sát cuộc đời một cách trực tiếp, thành thật, không có bận tâm theo đuổi một con tư điếm nào cả nên chúng ghi nhận sự vật một cách chắc chắn.

Những bài dạy tiếp sau đây càng làm cho tôi thấy rõ tôi đã lạc loài vào một thế giới hoang đường. Nếu tôi chỉ cứ bằng lòng ở cái kiến thức sách vở và không cho phép học trò hỏi han gì hết, thì chắc tôi vẫn có đủ quyền uy của một ông thầy học rộng hiểu nhiều. Khôn nổi, từ xưa tôi vẫn đi tìm kiếm con tư diêm để ra khỏi vòng dốt nát vô cùng vô tận của mình, làm sao tôi lại có thể đồng lõa với sách vở được ? Ban đầu, suýt nghĩ đã tìm được nó, tìm được nó rồi. Nó chính là môn vạn vật mà tôi giảng dạy phiêu lưu hằng ngày cũng như cái môn văn chương mà tôi giảng dạy trước kia, những cõi hoang đường, xa lạ tuy rất quen thuộc, gần gũi. Phải chăng đó là một loại tư diêm, người ta nhắc đến thường xuyên nhưng không có một ý niệm thật rõ là gì ? Phải chăng đó là những thứ kiến thức nói rất dài dòng để không cho ai ý hội về một điểm nào xác thực, càng ngày càng làm cho sự hiểu biết con người cách xa với những sự đời trước mắt ?

Không, không, cái con tư diêm của tôi không phải như vậy. Nó không chỉ là một

thứ hoang đường, hấp dẫn tưởng tượng, nhưng còn là một cái gì có thật, làm cho chúng ta thắc mắc, băn khoăn. Những giờ vụn vặt đã cho tôi thấy ở trên đời này vẫn có hai loại tư diêm : một thứ tư diêm lẫn quất trong các sách vở, trong những mộng ảo, trong cõi phù phiếm, nuôi sống bằng những cỏ hoa tưởng tượng và uồng nước suối thần tiên chảy về từ một ngọn đồi vô tư mọc trên cánh đồng đau khổ của nhiều con người ; một thứ tư diêm ở giữa cuộc đời, bằng bạc khắp trên sinh hoạt, mang cả màu đen và trắng trên cái thân hình gỗ ghe nhưng mà vĩ đại chừng nào ! Loại tư diêm này lớn lên bằng giọt mồ hôi, bằng cả nước mắt và bằng máu nữa, có những tiếng nói âu lo và những tiếng cười hy vọng, vỗ cánh phi thường quạt trên lịch sử những cơn gió lớn và bám móng vuốt sâu xa vào trong thịt da cũng như tâm não con người. Như thế, loại tư diêm này ở trong đời sống của học trò tôi, tức là con khỉ có đuôi và con thằn-lằn đẻ ra hai trứng.

Từ đây, tôi quyết bỏ con quái vật ngày

xưa để vẽ với một sự sống có một hình thù rõ rệt. Trong mỗi giờ dạy, tôi bắt đầu biết mình phải làm gì. Ở vào những điều kiện ấy, tôi chỉ mượn các quyển sách giáo khoa để làm một thứ điểm tựa và giao cho học trò tôi chọn lấy bài học. Ngày mai học về loài cá thì họ phải tìm hiểu các giống cá trước khi đến trường, học về loài rắn thì họ phải nghiên cứu các giống rắn. Họ sẽ tìm hỏi bao nhiêu bí ẩn ở trong vạn vật trước mặt, theo những kinh nghiệm và những nhận xét của cha mẹ họ, của người xóm giềng, của kẻ quen thuộc. Tôi không tách rời họ nữa, tôi đề ra những tiêu chuẩn để họ nên theo trong khi quan sát và tổng kết lại những gì họ tìm tòi được vốn thật phong phú khác thường. Cờ nhiên, trong sự tổng kết, tôi vẫn thỉnh thoảng bắt gặp những con tư diêm ngày trước thập thoảng trong đó — những thứ hoang đường, mơ hồ gán cho sự vật — và tôi hằng hái rút lông, nhổ cánh cho nó trở lại với cái hình hài dễ ngắm nhìn hơn.

Nhiều khi tôi cũng chán nản vì biết rằng mình không sao có đủ tài năng để vẽ một

con tư diêm về loại thứ hai cho thật rõ ràng. Nhưng sự chán nản phục thiện vẫn có chút gì an ủi hơn sự chán chường tuyệt vọng theo đuổi tư diêm về loại ban đầu.

Hoang đường và thực tế, bản khoản siêu hình và âu lo hạ giới, cao đẹp phỉnh lừa và thô sơ liêm chính, đó là hai con tư diêm trong mỗi chúng ta, hai con tư diêm tháng ngày gây nên đau khổ, va chạm, nhưng cũng đồng thời làm cho sáng tỏ sự sống nhiệm mầu.

9-1962

nỗi lòng ma qui

ÔNG Cửu Hiền không phải là một người hiền. Phải chăng ông là người dữ ?

Điều này chỉ có ma quỷ mới rõ.

Ma quỷ tìm đèn gặp ông vào lúc đêm khuya, khi ông mắt ngủ, ngồi dậy uống một tách trà. Trăng đã ngả hẳn về tây, chiều màu ánh sáng nhợt nhạt qua khe cửa sổ khép hờ. Một ngọn gió lạnh từ đâu thổi lại rạt rào lay chuyển chòm tre đầu ngõ, gọi đèn nơi chỗ ông ngồi một mùi oi nồng sót lại từ chiều của lớp đất gò vừa bén một trận mưa đông ngăn ngủi. Ông Cửu cau mũi, tưởng nghe một mùi mồ hôi ẩm mốc trên một tấm áo quên giặt nhiều ngày.

Khi ông đứng lên, vắn nhỏ ngọn đèn định lại giường nằm, bỗng thoáng thấy một

bóng người lướt nhẹ bên mình. Hơi nóng vắng nhẹ rồi tan. Ông không kịp nhận rõ được tất cả sự ẩn hiện ấy, tưởng mình trong lúc mệt mỏi có những rối loạn tâm thần. Nhưng vừa sờ soạng lại giường, ông thấy bóng người lướt qua, cọ vào tay phải của ông rồi vượt tới trước, vòng lại, cọ vào bên trái. Ông Cử quay hẳn ra sau, không thấy gì hết. Một hơi lạnh lẽo của chồn mỗ hoang phảng phất mùi nồng ẩm mốc bây giờ như tràn lan cả gian phòng. Tự nhiên ông Cử run rẩy, loạng choạng tiến lại phía giường. Ông muốn kêu lên, nhưng hai hàm răng tê cứng không mở ra được. Vừa ngả xuống chiều ông có cảm giác như thấy một cái bóng người đang nằm nhồm dẫy nhìn ông, nham nhở nụ cười quái gở rồi khuôn mặt ấy lớn dần lớn dần đến độ nhòe tan, biến vào bóng tối. Ông Cử nằm yên giường mắt thao láo trần trần nhìn lên nóc màn, tưởng nghe trong đêm nhiều tiếng xôn xao từ đâu vắng lại mỗi lúc một rõ. Trong những vang động mơ hồ như có tiếng cười, tiếng khóc những tiếng rên rỉ oán hờn.

Qua đêm thứ hai, ông Cửu giật mình vào lúc nửa khuya, cảm thấy đau nhức như có ai đang trói chặt chân mình. Ông gượng ngồi dậy ngơ ngác nhìn quanh, không thấy một ai, nhưng khi nằm xuống nghe một bàn tay lạnh buốt đè lên trên trán và ấn đầu ông xuống chiều mỗi lúc một mạnh. Trong cơn vật vã đuối liệt ông có cảm tưởng như bàn tay kia lần xuống cổ họng của ông và bóp thật mạnh khiến ông giãy giụa kêu lên một cách tuyệt vọng. Giữa lúc mê tỉnh chập chờn mơ hồ ông nghe nhiều người nhón nháo lòng chạy quanh nhà, những tiếng sà sạt kéo lê ở trên mái ngói, những đồ chén bát loảng xoảng rơi vỡ tứ tung do một bàn tay hung hăng phá phách.

Sự phá phách ấy mỗi đêm một tăng khiến ông Cửu Hiền như muốn điên loạn. Ông gầy rạc hẳn, đôi mắt sâu hõm, dáng đi lạc lõng như người mất trí. Mỗi lần xô nhẹ cánh cửa ông nghe tiếng rít cãm hờn sau đây, và lúc ngồi xuống, đứng lên, luôn luôn có một bóng người im lìm nhại theo điệu bộ của ông với một dáng điệu ủ rũ hoặc đang

sôi sục giữa cơn thịnh nộ. Ông Cửu dần dần sợ mọi tiếng động, mọi bóng dáng người, kể cả hình bóng của ông.

Người phù thủy đầu tiên là ông Hộ Liệu được mời đến xua ma quỷ đã cúng ba đêm liên tiếp và giết hết ba con gà lấy huyết bôi vào cột nhà. Trong suốt thời gian thấy ê-a đọc phù chú, ma quỷ dừng hẳn hoạt động. Nhưng khi thấy bước ra về, ngay đêm hôm ấy, những sự phá phách càng mạnh hơn lên. Ông Cửu tưởng chừng căn nhà như muốn sụp đổ và các góc cột bắt đầu lung lay, nhảy múa liên hồi. Mùi hôi nồng ẩm lan đầy và một bàn tay sù sì, lạnh ngắt từ đâu len vào tay áo, cổ áo của ông như muốn tìm đúng mạch sống để siết thật chặt. Ông Cửu mời thầy phù thủy thứ hai, ông Tư Ngãi, ở tận trên làng Đồng-Thượng xa xôi. Thấy đèn xem vết máu gà đã khô trên cột và các bùa êm ở bốn góc nhà, cười khẩy nhiều lần ra vẻ hết sức khinh bỉ. Vợ chồng ông Cửu đắn đo một lát mới dám thưa lời :

— Chẳng hay phép cúng của ông Hộ Liệu không thiêng sao thầy ?

Ông Tư Ngải nhú mắt làm thỉnh giầy lâu rồi mới cất giọng khàn khàn trả lời :

— Trong chỗ đồng nghiệp với nhau, lẽ nào tôi lại đi nói anh ta dốt nát hay sao ? Ông bà hiểu giùm, dù cho anh ta chẳng biết cóc khô gì hết, tôi cũng không nỡ chỉ trích.

Và ông làm thỉnh không chịu nói thêm gì nữa để khỏi mang tiếng nói xấu người bạn đồng nghiệp, sau khi đã cho vợ chồng khổ chủ hiểu rằng Hộ Liệu vừa rất dốt nát, vừa không hiểu biết cóc khô gì cả. Ông Tư Ngải cho rửa sạch hết máu gà và truyền giết con chó mực lớn nhất của ông Cửu Hiến lấy huyết bôi vào chỗ ấy. Ông Cửu rất thương con chó khôn ngoan nhưng chỉ tiếc thắm trong ruột. Con chó mỗi đêm thường nằm đầu gối sủa vọng về nơi nghĩa địa xa xôi, canh chừng giấc ngủ của ông và khi ma quỷ lục đục phá phách, nó thường chạy rảo quanh nhà tru lên từng hồi ghê rợn như muôn xua đuổi oan hồn quây nhiễu nơi ăn chôn ở của ông. Máu của con mực bôi lên đo sấm trên cột và ở chân tường. Ông Tư

còn lấy chất máu vẽ bùa trên những miếng thiếc dựng ở nhiều nơi trong nhà, ông bắt lập đàn cúng tế hết sức công phu và không quên đặn mua hai lít rượu để phun vài ngậm vào các mền chiếu — trừ tà — còn lại bao nhiêu ông dùng đưa tiễn lai rai thịt chó vào trong bao tử suốt mấy ngày liền.

Trong một tuần lễ có ông Tư Ngải trong nhà, ma quỷ im hơi, lặng tiếng. Ông Tư lộ vẻ đắc thắng rõ rệt, ra vào, lên xuống một cách hiên ngang, không ngớt đòi rượu và đòi thức nhắm. Ông bảo :

— Ma quỷ là giống không bị đau ốm bao giờ cho nên chúng mạnh khỏe lắm. Nếu mình không nhậu, làm sao mà đòi phó được ?

Nhưng tòi hôm ấy, ông Tư sửa soạn hành lý để sáng về sớm thì bỗng ma quỷ hiện lên. Ban đầu có tiếng loảng xoảng ở trên bàn thờ và đồ tam sự, ngũ sự nhào lăn xuống đất lỏng chỏng. Cả nhà ông Cửu choàng tỉnh, hướng về ông Tư cầu cứu. Ông Tư vội vàng rút cái khăn ăn, hời hả thắp mấy cây hương gài lên mái tóc, đứng ở giữa nhà bất quyết. Nhưng sự hiện diện của ông Tư Ngải gần

như không làm ma quỷ mảy may xúc động. Tiếng cười lạnh lẽo, tiếng rít khô khan vẫn cứ văng vẳng quanh nhà, tiếng kéo sần sật ở trên mái ngói vẫn còn tiếp diễn, tiếng khua lòn cồn, lạc cạc trong các kho lúa vẫn không chịu dừng, mỗi lần những sự phá phách mỗi gia tăng cường độ. Người ta có cảm tưởng rằng ma quỷ có vẻ khinh thường các vị pháp sư rõ rệt và sự đình chỉ hoạt động trong mấy thời gian vừa qua chỉ là giai đoạn nghỉ ngơi của chúng mà thôi.

Ông Tư Ngải cuộn gói ra về như một chiến tướng bại trận. Sau đó còn đôi vị pháp sư khác nổi danh được mời đến, nhưng không vị nào có thể đàn áp nổi giồng ma quỷ lộng hành trong nhà ông Cửu.

Giữa lúc gần tuyệt vọng ấy, may thay, còn có một người.

Đó là một vị pháp sư du học nhiều năm ở tại nước ngoài, theo lời của thầy tự giới thiệu mình. Ông đã qua Xiêm, qua Miên, qua Lào, qua cả Ấn-Độ nghiên cứu pháp thuật, làm như mấy nước đó độc quyền về môn bắt ma, trừ quỷ và chỉ chuyên môn

về một món ăn mà thôi. Để kỷ niệm những năm du học vất vả, ông lấy biệt hiệu là « Ba-Da-Ka-Lu-Tu-Na », một cái biệt hiệu mà khi ngâm lên người ta thấy sự ngân nga của Lèo, của Xiêm và của Ấn-Độ. Nhưng muốn cho hợp thời hơn nữa, ông Ba-Da... còn để một bộ râu tây — đúng hơn là râu ăng-lê — để tăng thêm sự quan trọng của nghề nghiệp mình. Đôi với bà Cửu thì vị pháp sư có râu hay không có râu cũng chẳng quan hệ gì lắm bởi lẽ ma quỷ có thừa lông lá đầy mình, đâu có kiêng nể một đôi chòm lông bé nhỏ trên mép, nhưng với ông Cửu thì bộ râu ấy thật đáng kính trọng, cụ thể là phải thêm rượu, thêm thịt vào các bữa ăn. Ông Ba... — từ nay xin gọi vắn tắt như thế, miễn là vẫn giữ nguyên sự thành kính với người — ngay từ hôm đầu đã tỏ ra một bản lĩnh cao cường. Suốt đêm, ông ta không ngủ, thỉnh thoảng lâm râm khấn niệm như đang cầu khẩn một sức thiêng liêng độ trì, thỉnh thoảng lại nói lảm nhảm như đang trò chuyện với kẻ khuất mặt. Sáng ngày, với một dáng điệu ưu tư, ông bảo khổ chủ :

— Tôi đã gặp oan hồn rồi.

Ông Cửu giật mình, kêu lên :

— Gặp rồi ? Gặp hồi nào ?

Ông Ba chậm rãi trả lời :

— Hồi khuya.

— Nó là hạng nào ?

Ông Ba nghiêm nghị :

— Là ma, là quỷ. Nhưng vốn tiền thân là một học trò.

Ông Cửu cau mặt :

— Tôi có quen biết với hạng học trò nào đâu ? Nhưng sao ma quỷ học trò mà lại phá phách quá vậy ?

Ông Ba quắc mắt :

— Cụ lắm... Trong các loài ma, loài quỷ xưa nay, chỉ có ma quỷ học trò là đáng sợ nhất. Hãy nghĩ mà xem, người ta ai cũng vì sự sinh kế ở đời mà hóa hiện lành nhu nhược, chỉ có một loại hạng người được sống lành lặn mà không bận tâm về chuyện áo cơm, do đó không hiểu cuộc đời, dễ thành nông nổi, là hạng học trò. Một khi họ hóa thành ma, thành quỷ thì họ không biết kiêng sợ gì cả. Nhưng khôn, tên ma học trò phá phách ở

đây lại là một học trò nghèo có mỗi nợ nần từ trước với cụ cho nên xem y còn định báo oán lâu dài...

Ông Cửu làm thỉnh, vân vê bộ râu, lục lọi ở trong dĩ vãng cố tìm bóng dáng một người học trò. Hai người cùng ngồi đối diện rất lâu, không ai mở miệng nói một lời nào. Ở ngoài gió thổi rạt rào qua các bờ tre, có tiếng chim kêu rất nhỏ mơ hồ, như tiếng nhắc thăm vắng lại từ một không gian xa vắng. Bỗng nhiên ông Cửu giật mình, tái mặt :

— Một học trò nghèo... tôi nhớ ra rồi.

Ông đưa bàn tay gầy guộc, lấy bảy vớ lầy bình rượu đặt trên tủ trà, rót vội vào chén khiến rượu tạt cả ra ngoài mặt chiếu. Ông đưa hai tay bưng chén rượu lên, không ngăn được sự xúc động và nộc một hơi cạn sạch.

Ông Ba chăm chú theo dõi khổ chủ rồi bảo :

— Cụ không cần nói với tôi chuyện ấy làm gì. Tôi đã biết rồi...

Ông Cửu kêu lên :

— Biết rồi ?... Hồn ma đã nói cho thấy biết rồi ?...

Ông Ba gật đầu. Ông Cửu có vẻ lo lắng :

— Tôi không chắc gì ma đã nói thật...

— Chính vậy, ma cũng nói dối như thường. Trong nhiều năm trời tôi đã tiếp xúc ma quỷ, tôi thấy chúng có gần đủ tật xấu như người. Có lẽ chúng còn tệ hơn người nhiều. Nhưng cụ đừng lo, tôi biết phân tích lời thật lẽ dối, ma quỷ không lừa tôi được. Nỗi khổ mà hồi nhỏ cụ đã gây cho người học trò thật là quá sức lớn lao khiến y phải giã cõi đời, bỏ cả tương lai hứa hẹn, bỏ cả tình yêu tươi đẹp, bỏ hết, bỏ hết. Ngày nay y đã vượt được bao nhiêu trở ngại ở dưới cõi âm về đây đòi lại món nợ ngày xưa. Đó là một món nợ máu...

— Nó định làm gì ?

— Đây cụ vào một cái chệt thê thảm, cái chệt lẩn mồn... chệt cả gia đình, dòng họ...

Ông Cửu lặng điếng giây lâu mới nói :

— Không có cách gì trừ được nó sao ?

— Nó không cần nghe ai nữa.

— Hay là nhờ hồn ma của các thầy dạy nó ngày xưa can thiệp. Học trò chắc phải biết nghe lời thầy.

Ông Ba lắc đầu :

— Bây giờ biết những ma thầy ở đâu mà tìm kiếm được? Tôi chắc mấy ông thầy dạy đều bị nhốt dưới địa ngục cả rồi... Vả lại... việc làm của nó là vì lẽ phải, không ai mà can thiệp được.

— Còn thầy đành chịu thua sao?

Ông Ba đáp gọn :

— Chịu thua. Nhưng nếu cụ chấp nhận cho điều kiện sau đây tôi cũng thử liều một nước cuối cùng.

— Thầy hãy nói đi.

— Chia nửa gia tài...

— Trời ơi ! nửa phần gia tài ?

— Thề là mất ít đó cụ... Không thì cụ sẽ mất hết, cả người lẫn của. Còn một điều kiện sau đây rất là cần thiết : cụ phải làm giấy nhượng lại cho tôi tất cả gia tài càng sớm càng hay, nhưng để khỏi điều ngờ vực cụ cứ giữ mảnh giấy đó. Chừng nào xong việc sẽ giao cho tôi cũng được. Xin cụ đừng

tưởng là tôi tham lam, tôi quyết cùng ma giao đầu một phen sống mái, nên tôi không hưởng gia tài của cụ thì ma sẽ không đời nào tranh chấp với tôi... Đã dọa thử ý nó rồi...

— Dọa ý thế nào ?

— Tôi tỏ lòng muốn đầu phép với nó, nó cười bảo rằng : « Tôi có can dự gì đến ông đâu mà bày ra sự xung đột cho thêm rắc rối. Tôi chỉ thêm cái mạng sống của thằng... »

— Của tôi... ?

— Của cụ, chính thế.

Ông Cửu suy nghĩ suốt ngày hôm đó, không biết quyết định ra sao. Đèn chiếu, thầy bóng đêm đã đem màu đen tối nhá nhem phủ lên vạn vật và nghe gió lạnh từ xa thổi về rạt rào qua các chòm tre trước ngõ như lời than oán căm hờn, ông bỗng nhận rõ tất cả ý nghĩa quái gở của sự giàu sang mà ông không ngừng chạy đuổi gần trọn cuộc đời. Ông rút mảnh giấy, trình trọng mời vị pháp sư lại gần, chính thức chia đôi cho ông « Ba-Da-Ka-Lu-Tu-Na » tất cả những gì ông có, tất nhiên không kể đứa con và người vợ già.

Ngày đêm hôm ấy, ông Ba tổ chức cuộc giao đầu đề quyết diệt loài ma quỷ.

Ông bảo mọi người ngủ sớm và đem nhiều đạo bùa linh chôn bốn góc nhà. Ông đã cho tìm mỡ chó đổ vào bảy chiếc đĩa đất làm đèn, đặt sẵn quanh nhà, cắt đặt một sồ gia nhân đợi hễ khi nào nghe ông hô xướng thì phải nhất tể đột lên cho sáng. Ngoài ra ông còn đem một bình nhỏ đựng chất bột xám bốc mùi hăng hắc rưới nhẹ thành một lòi đi ra tới ngoài vườn và còn vẽ nhiều hình thù kỳ dị trên khắp mặt đất.

Gia đình ông Cửu tuy đi ngủ sớm nhưng không ai nhắm được mắt. Nửa đêm họ nghe một tiếng cười dài rất đổi lạnh lùng văng lên ở trên nóc nhà và một tiếng rít rùng rợn tiếp theo. Một lát nghe tiếng huỳnh huych trên đất, tiếng thờ hào hển, tiếng xô, tiếng đẩy phát ra từ sự giằng co quyết liệt. Những tiếng động ấy kéo dài không biết bao lâu, cuối cùng chỉ còn những tiếng thờ gấp và giọng rên rỉ văng lại mỗi lúc một yếu rồi tắt lịm dần. Gia nhân ông Cửu đợi hoài không nghe tiếng hiệu thả đèn, nên cứ đợi

mãi và ngủ gục trên mấy chiếc đĩa đất lúc nào không hay. Vợ chồng khổ chủ yên trí pháp sư toàn thắng nhiều, lần định ngồi hẳn dậy coi thử cơ sự ra sao nhưng không có lệnh ông Ba đành phải nằm chặt trên giường. Mờ sáng họ thấy ông Ba nằm yên trên đất như một đồng thít mềm dẻo. Lay mãi ông mới dần dần tỉnh dậy, cố gắng đứng lên rồi lại té xuống. Người nhà khiêng ông lên giường thấy mình mấy ông tím bầm, hai bên khóe môi tứa máu đông thành hai vệt đen sì. Đến trưa ông Ba mới ngồi dậy được. Ông phều phào nói :

— Nều tôi không đem tất cả các món bí truyền đòi phỏ thì hóa kiếp rồi. Gớm thật ! Tên này bản lĩnh cao cường tốt bụng. Tôi đã chơi thử ma Ân, ma Xiêm, đủ loại đủ cỡ mà chưa gặp một hạng nào đánh hiểm thế này.

Ông Cửu lo lắng :

— Thề lờ tôi nay nó đến thì sao ?

Ông Ba trả lời mệt nhọc :

— Thì chết... Nhưng nó có bảo tôi trả gia tài cho ông và rời gấp khỏi nhà này. Tôi xin triển hạn năm ngày cho lại sức đã.

— Nó bằng lòng không ?

— Tên này vốn có ăn học nên đòi xú khá. Nó bằng lòng. Từ đây đến năm hôm nữa tôi chắc nó không có mặt nơi đây.

— Bây giờ phải liệu thê nào ?

— Để tôi nghỉ khỏe vài hôm rồi lo liệu cách đòi phó.

Ông Ba nằm vật ra giường thở hển thở hển. Suốt hai ngày liền ông chỉ uống sữa, đôi mắt nhắm nghiền, thỉnh thoảng trần trọc qua lại có vẻ mệt nhọc. Đến ngày thứ ba ông đã tỉnh hẳn, đứng lên đi lại trong nhà. Ông mở tủ, lấy ra một lá bùa hộ mạng đeo vào cổ, rồi cầm chiếc gậy phòng thân chào hai vợ chồng ông Cửu :

— Tôi đã nghĩ kỹ lắm rồi, chỉ có ma quỷ mới loại trừ được ma quỷ mà thôi. Tôi đi trễ lắm độ chừng hai ngày là tôi trở về, ông bà đừng ngại. Tôi sẽ tìm một đôi thủ của nó và gây một trận thur hùng để tiêu diệt nó mới xong.

Đúng hai ngày, ông Ba chồng gậy trở về. Ông nói :

— Đáng lẽ tôi còn ở lại thêm vài ngày

nữa nhưng sợ ông bà chờ đợi.

Ông Cửu vội hỏi :

— Có kẻ gì chưa ?

— Có rồi. Tên học trò này mới chỉ thuộc về loại ma vừa lên hạng quỷ, nhưng chưa thật sự là quỷ thâm niên. Tôi đã dò khắp các nơi hiểm hóc may mắn gặp được loài ác quỷ, một thứ đại tinh hiện đang phá phách gia đình ông Hương Lý Bình trên xã Tứ Hải. Đáng lẽ tôi phải thử sức với nó một phen nhưng tôi chưa được mạnh lắm, và phải ở thêm lại một đêm nữa, e nỗi ông bà sốt ruột ở nhà.

— Bây giờ phải làm thế nào ?

— Tôi đã có cách.

SaĐéc

Friday, August 26, 2016

Suốt ngày hôm sau, ông Ba bỏ trí một cái võ đài đặc biệt ở phía sau vườn. Ông êm thật kỹ các ngõ sau nhà, sai đột mõ chó bồn góc và bôi huyết trâu vào các chân cột. Ông dùng hình nhân trần đóng quanh vườn và trên chóp nóc ngôi nhà năm gian lợp ngói

của ông Cửu Hiền ông cho hai vị thiên sứ — thất bằng lụa điều cầm hai thanh kiếm — trần giữ. Trên mặt đất, trên nền tường đều có vẽ hình bát quái trận đồ, chẳng chịt mê lộ, u cung để cho hồn ma, vía quỷ không biết lối nào mà đặt chân tới. Cuối cùng ở ngay trong góc võ đài ông dựng hai cái hình nhân phỗng đứng theo hình của ông và ông Cửu Hiền. Ông bảo ông Cửu :

— Tôi đã ghi dầu của tên đại tinh đại yêu tác quái trên nhà ông Hương Lý Bình rồi đem dầu của ma quỷ ở đây xáo trộn trên này cốt gây một sự khiêu khích và dùng ám hiệu dẫn nó xuống đây. Đêm nay thề nào cũng có một trận quyết liệt.

Cả nhà hồi hộp chờ đợi như mong một sự giải thoát cuối cùng. Chuyện này không được thành công thì cầm bằng như chịu chết. Đợi cho bóng tối tràn đầy khu vườn, ông Ba một mình ra ngồi trong một bụi rậm sau khi cẩn thận gài kỹ bên mình gần mười đạo bùa. Gia đình ông Cửu nằm yên thao thức, lo âu, lắng nghe tiếng động âm thầm quanh nhà và cứ hình dung ra những hoạt động âm thầm

quái đản của giống yêu ma.

Nửa khuya vẫn không có động tĩnh gì. Đang nằm trần trọc, ông Cửu bỗng nghe ông Ba gõ cửa gấp rút. Lập tức ông choàng dậy liền, mở cửa, ông Ba hấp tấp chạy vào. Ông Ba không dấu được sự vui mừng cò đề nén lại :

— Trời ơi!

— Sao đó ? Sao đó ? Sao đó ?

— Chúng gặp nhau rồi.

— Đánh nhau dữ chưa ?

— Chẳng đánh khi khô gì hết.

— Ủy cha mẹ ơi ! Làm sao mình sống cho nổi ?

— Đừng lo. Ai ngờ con tinh ở trên Tứ Hải là con quỷ cái...

— Chết cha ! Quỷ cái thề thì dữ lắm ?

— Nhưng con quỷ này trước kia vốn là người yêu của thằng học trò phá phách nhà ông. Hai đứa lầy không được nhau cùng chết, bây giờ gặp nhau tình cờ, chúng mừng rú lên ôm quần lầy nhau như sợi giây neo. Ban đầu tôi tưởng chúng sẽ một còn một mất, ai ngờ sau đó thầy cả hai đứa ra ngồi ở góc

võ đài tử tế tâm sự, tôi mới ngã ngựa !

Ông Cửu lo lắng :

— Nguy lắm, rồi chúng hiệp sức hại mình, làm sao đòi phó cho đặng ?

Ông Ba cười xòa trong bóng tôi dày, vỗ vai ông Cửu :

— Đừng lo ! Tôi đã bảo ông bọn ma quỷ này thuộc loại học trò, vốn quen mơ mộng, bây giờ đã sụp trong hồ ái tình thì chúng chết ngột trong đó chứ còn phá phách gì nữa ! Rồi xem, chúng còn nỉ non tâm sự, chúng còn hò hẹn gặp gỡ, rồi nhớ rồi thương, rồi sầu rồi mộng, thế là sinh con đẻ cháu, lo một một đời chứ còn hung hăng sao nổi ?

Nói xong ông Ba yên lặng dắt tay ông Cửu rón rén cùng ra sau vườn. Ông Ba dẫn lên trán ông Cửu đạo bùa và cả hai ông cùng vào trong một bụi cây ngồi nhìn hai con ma trẻ đang quần vào nhau không chịu buông rời.

Một lát ông Ba dắt tay ông Cửu, rón rén trở vào.

Ông nói :

— Để yên cho chúng yêu nhau, chúng sẽ quên hết sự đời. Tôi cam đoan mười ăn một với ông là chúng ngồi đây cho đến gà gáy mới đi, và cho đến già chúng không phá phách gì nữa.



Ông Ba nói chẳng sai lời. Ba tháng đã qua không còn thấy bóng ma quỷ gì nữa. Một năm sau đó, nhà ông Cửu Hiền vẫn được yên ổn như thường. Ông Cửu vui lòng chia đôi gia sản và ông « Ba-Da-Ka-Lu-Tu-Na » hể hả nhận lấy món tiền khổng lồ, sau khi không ngớt ca ngợi tình yêu là thứ quyền lực có đủ khả năng vật ngã mọi loài ma quỷ và khiến người ta quên hết mọi sự quan trọng trên đời.

Sa-Déc

Friday, August 26, 2016

11-1962

C H Â T N G Ọ C

(gồm tám truyện)

Sa-Đéc

Friday, August 26, 2016

BÚT MÁU (phụ bản 1)	7
MỘT CHUYỀN XE (phụ bản 2)	31
TIỀNG KHÓC DƯỚI CHÂN PHÁO ĐÀI (phụ bản 3)	57
GIẤY NHÃN	75
ÔNG THẦN BẤT ĐẮC DĨ	95
CHẤT NGỌC	117
CON TƯ ĐIÊM	131
NỖI LÒNG MA QUỈ	159

CHẤT NGỌC

Đo Cảo-thơ ấn hành lần thứ nhất xong ngày mười lăm tháng hai Giáp-thìn tại nhà in riêng của nhà xuất bản. Bìa của Thái-Tuấn, ba phụ bản của Phạm-Tăng, Hồ-Hải trình bày. Ngoài những bản thường có in thêm một bản trên giấy Lụa, mười bản trên giấy Bạch-vân và năm mươi bản trên giấy Vergé mạng dậu riêng .

